

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC



# LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC (1930 - 2020)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ  
TỈNH BÌNH PHƯỚC  
(1930 - 2020)**

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC**

# **LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC (1930 - 2020)**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**  
Hà Nội - 2020

### **Chỉ đạo biên soạn**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước các khóa VI, VIII, X

### **Ban Biên soạn**

Nguyễn Thị Lan Hương

Hà Anh Dũng

Đoàn Tấn Dũng

Nguyễn Huỳnh

Phạm Quốc Hùng

Trần Văn Quân

Trần Tuyết Minh

Vũ Sỹ Thắng

Thiếu tướng Phùng Đình Ấm

Nguyễn Công Khanh

Trương Quang Phúc

Nguyễn Thanh Danh

### **Cố vấn khoa học**

Phó Giáo sư Hồ Sĩ Khoách

Tiến sĩ sử học Lê Hữu Phước



## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Bình Phước là tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Theo số liệu thống kê năm 2019, Bình Phước có dân số là 997.766 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 17,9% dân số toàn tỉnh. Đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Phước vốn có truyền thống yêu nước, đoàn kết, anh dũng, kiên cường, cần cù, sáng tạo trong đấu tranh giải phóng và xây dựng quê hương.

Những năm cuối thế kỷ XIX, sau khi thiết lập xong bộ máy cai trị, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa ở nước ta. Là địa bàn có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển cây cao su nên thực dân Pháp đã nhanh chóng xây dựng ở Bình Phước các đồn điền cao su. Dưới sự áp bức, bóc lột dã man của bọn chủ đồn điền, công nhân và đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đã nổi dậy đấu tranh. Ban đầu, các cuộc đấu tranh chỉ mang tính tự phát, nhằm đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ. Trước sự phát triển của phong trào công nhân, ngày 28/10/1929, Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đồn điền cao su Phú Riềng được thành lập, đánh dấu bước phát triển mới trong phong trào cách mạng trên địa bàn tỉnh. Ngay từ khi mới ra đời, Chi bộ đã lãnh đạo công nhân cao su tiến hành sự kiện “Phú Riềng đỏ” làm rung chuyển cả hệ thống “địa ngục cao su Đông Dương”, gây chấn động dư luận trong nước và nước Pháp. Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, thực dân Pháp điên cuồng đàn áp, bắt bớ, tù đầy, sát hại dã man nhiều cán bộ, đảng viên, quần chúng ưu tú. Vượt qua gian khổ, hy sinh, quân và dân Bình Phước đã kiên trì đứng lên đấu tranh, đồng thời khôi phục và phát triển lực lượng. Ngày 24/8/1945, đồng bào các dân tộc thiểu số cùng công nhân cao su ở Lộc Ninh, Hớn Quản, Bà Rá (địa bàn Bình Phước hiện nay) đã vùng lên giành chính quyền thắng lợi.

Hòa bình chưa được bao lâu thì ngày 23/9/1945, thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Với quyết tâm “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, cùng với quân dân Sài Gòn và cả Nam Bộ, quân dân Bình Phước nhất tề đứng lên, quyết tâm ngăn chặn âm mưu xâm lược của thực dân Pháp. Các “đội quân áo nâu”, “đội quân cung tên” đã tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và lâu dài.

Những địa danh như Chiến khu Đ, căn cứ Truong Ba Trường, Đường 14... gắn liền với lịch sử vẻ vang của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, mãi là niềm tự hào của quân và dân Bình Phước.

Chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” ngày 07/5/1954 của quân dân ta đã đập tan dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, buộc chúng phải ngồi vào bàn đàm phán ký kết Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương (1954).

Tuy nhiên, ngay khi thực dân Pháp bị đánh bại, đế quốc Mỹ đã nhăm nhe nhảy vào miền Nam Việt Nam, dựng nên chính quyền tay sai nhằm thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng. Mỹ - ngụy ngang nhiên xé bỏ Hiệp định Giơnevơ, tiến hành chính sách “tố cộng, diệt cộng”, ban hành Luật 10/59 lê máy chém đi khắp miền Nam sát hại các chiến sĩ cách mạng và người dân yêu nước. Phong trào cách mạng miền Nam nói chung và ở địa bàn Bình Phước nói riêng rơi vào tình thế vô cùng ngặt nghèo. Trước tình hình đó, Nghị quyết Trung ương 15 ra đời (7/1959) đã mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên. Dưới ánh sáng của Nghị quyết Trung ương 15, cùng với quân dân toàn miền Nam, quân dân Bình Phước đã làm nên phong trào Đồng khởi. Tiếp đó, quân dân Bình Phước cùng với quân dân miền Nam và quân dân cả nước đã lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh thâm độc của đế quốc Mỹ. Mùa hè năm 1972, Chiến dịch Nguyễn Huệ thắng lợi, các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập (thuộc địa bàn tỉnh Bình Phước hiện nay) được giải phóng, góp phần mở rộng vùng căn cứ, mở ra cục diện mới trên chiến trường. Ngày 27/01/1973, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Lúc này, Lộc Ninh trở thành thủ phủ của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, nơi diễn ra hội nghị bốn bên để bàn về việc thi hành Hiệp định Pari. Ngày 06/01/1975, quân và dân ta giành thắng lợi trong chiến dịch Đường 14 - Phước Long, giải phóng hoàn toàn Phước Long. Thắng lợi của chiến dịch Đường 14 - Phước Long đã giúp Bộ Chính trị củng cố thêm quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trong năm 1975. Ngày 02/4/1975, Bình Phước hoàn toàn giải phóng. Ngày 30/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất. Đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Sau ngày giải phóng, hai tỉnh Bình Phước, Thủ Dầu Một và một số xã của huyện Thủ Đức (Thành phố Hồ Chí Minh) sáp nhập thành tỉnh Sông Bé. Đảng bộ và Nhân dân Sông Bé bắt tay vào công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh



trong bọn bề khó khăn, thiếu thốn. Phát huy truyền thống hào hùng trong kháng chiến, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết một lòng vượt qua khó khăn, thách thức, từng bước khắc phục hậu quả chiến tranh, phục hồi sản xuất. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đời sống nhân dân từng bước được ổn định. Là tỉnh giáp với Campuchia, nên trong giai đoạn này, quân dân Sông Bé phải trực tiếp đương đầu và cùng với quân dân cả nước giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống tập đoàn phản động Pôn Pốt - Iêng Xary, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Bước sang thập niên 1980, tình hình kinh tế - xã hội đất nước gặp nhiều khó khăn, rơi vào khủng hoảng. Trước tình hình đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Quán triệt đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ tỉnh Sông Bé đã đề ra chủ trương, mục tiêu, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, từ đó thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao, an ninh quốc phòng được giữ vững, hệ thống chính trị được củng cố ngày càng vững mạnh.

Năm 1997, tỉnh Bình Phước được tái lập, mở ra thời kỳ phát triển mới. Ngay sau khi tái lập tỉnh, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã tập trung chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy, chăm lo đời sống nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội. Bằng sự đoàn kết, quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh, sau hơn 20 năm đổi mới, bộ mặt Bình Phước đã có nhiều khởi sắc. Bình Phước trở thành “thủ phủ” cây điều của cả nước. Tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn duy trì ở mức khá cao. Cơ cấu ngành kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng khu vực nông - lâm nghiệp, tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ. Kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng và ngày càng hoàn thiện. Cùng với sự phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng được giữ vững, đời sống nhân dân ngày một nâng cao.

Nhằm tái hiện chặng đường 90 năm đấu tranh giải phóng, xây dựng và phát triển của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Bình Phước (1930-2020); tri ân những cống hiến, hy sinh của các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng, quần chúng nhân dân tiêu biểu; góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, nâng cao lòng tự hào về quê hương Bình Phước anh hùng; động viên cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, nhất là thế hệ trẻ không ngừng phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, quyết tâm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới; đúc rút những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước (khóa X) đã tổ chức biên soạn và phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (1930-2020)***.

Trong quá trình biên soạn, mặc dù Ban Biên soạn đã có nhiều cố gắng, nhưng do những hạn chế về tư liệu, nhiều nhân chứng lịch sử đã mất, số còn lại thì tuổi cao sức yếu không cung cấp được nhiều thông tin, nên cuốn sách không tránh khỏi một số hạn chế, thiếu sót. Ban Biên soạn và Nhà xuất bản rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần xuất bản sau cuốn sách được hoàn thiện hơn.

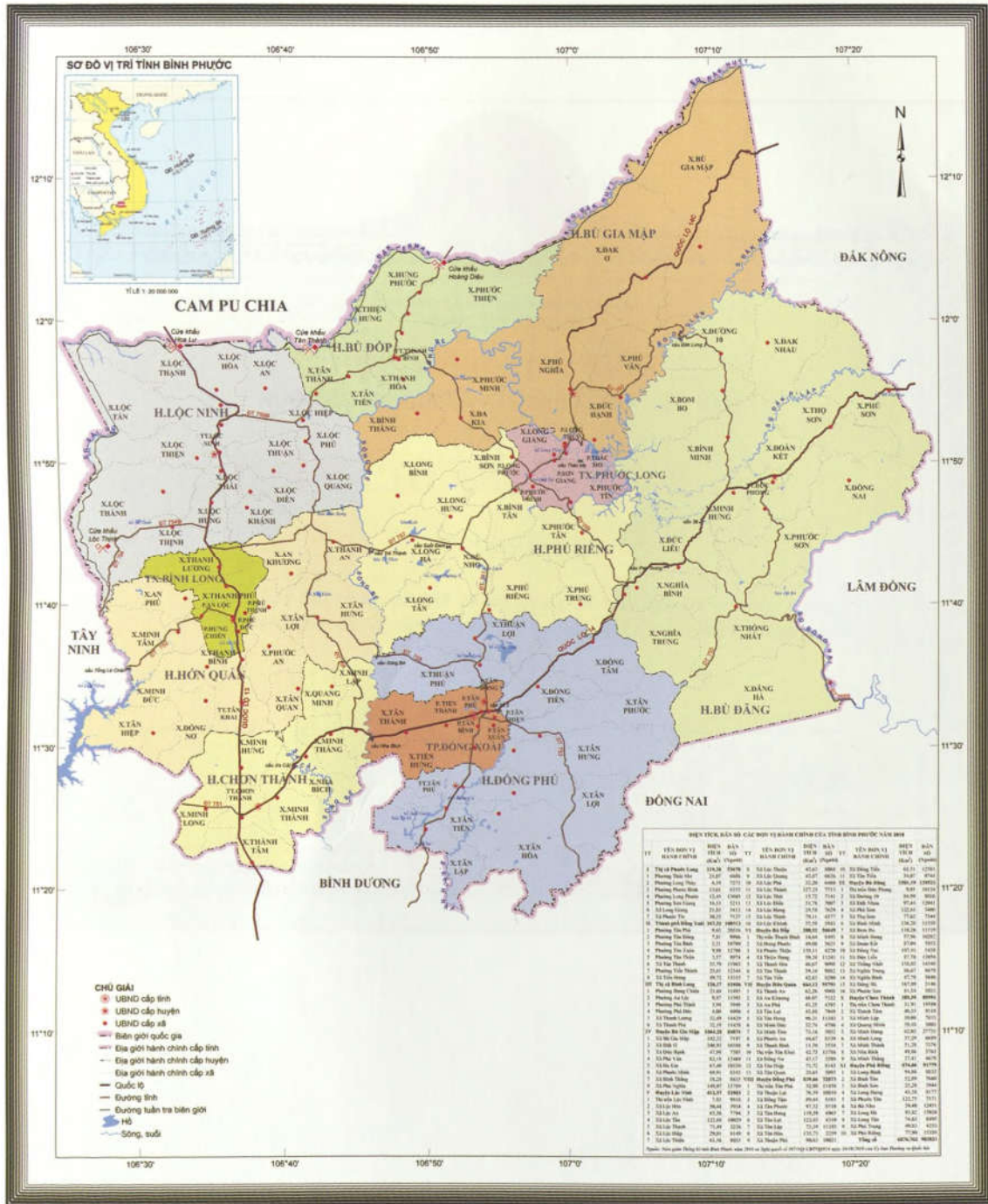
Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Tháng 9 năm 2020*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**



## BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH PHƯỚC







CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC**  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**TẶNG**  
**HUÂN CHƯƠNG SAO VÀNG**

TỈNH SÔNG BÈ

*Đã có công lao và thành tích to lớn trong 40 năm đấu tranh cách mạng,  
chiến đấu chống ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Xã hội chủ nghĩa*

Quyết định số 828 /KT-GT ngày 28 tháng 03 năm 1995  
VẠO SỐ VÀNG SỐ 24

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CHỦ TỊCH

Trương Chính





## LỜI GIỚI THIỆU

Bình Phước là tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ. Từ bao đời nay, Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã xây dựng được truyền thống yêu nước, cần cù, sáng tạo trong lao động, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Chính những phẩm chất cao quý đó đã tôi luyện, hun đúc nên con người Bình Phước ngày hôm nay.

Trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, Nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã nhiều lần đứng lên kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm, bảo vệ quê hương, đất nước. Bình Phước là nơi có chi bộ Đảng Cộng sản sớm nhất ở miền Đông Nam Bộ. Đó là Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng “Phú Riêng đỏ” được thành lập ngày 28/10/1929. Sau khi được thành lập, Chi bộ đã lãnh đạo công nhân cao su làm nên sự kiện “Phú Riêng đỏ” vào đầu năm 1930, ghi một dấu son chói lọi trong lịch sử vẻ vang của Đảng ta. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào cách mạng ở Bình Phước phát triển mạnh mẽ, rộng khắp. Các tổ chức đảng, cơ sở cách mạng, lực lượng vũ trang, dân quân du kích được hình thành, đã ngày đêm bám đất, giữ làng, trường kỳ kháng chiến, bảo vệ quê hương; đoàn kết, chung tay cùng với lực lượng bộ đội chủ lực lần lượt tiêu diệt các mục tiêu, cơ quan đầu não của địch đóng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giải phóng quê hương, góp phần cùng cả nước làm nên chiến thắng lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước vào ngày 30/4/1975.

Hòa bình lập lại, toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh nhanh chóng bắt tay vào khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng cuộc sống mới; chủ động, sáng tạo thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng đề xướng và lãnh đạo, góp phần xây dựng quê hương Bình Phước ngày càng giàu đẹp, Nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc theo mục tiêu, lý tưởng, con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn. Trong suốt quá trình đó, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã lãnh đạo các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh kề vai, sát cánh cùng với Nhân dân các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Nhân dân cả nước bước đầu quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Quá trình phát triển và lãnh đạo các phong trào cách mạng của Đảng bộ tỉnh Bình Phước từ khi ra đời đến nay đã trải qua hơn 90 năm. Trong suốt chặng đường



lịch sử vẻ vang đó, đã xuất hiện biết bao tấm gương sáng về tinh thần “tận trung với nước, tận hiếu với dân”, trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng; nhiều sự kiện lịch sử to lớn, nhiều chiến công oanh liệt đã khắc ghi dấu ấn không thể nào quên trong lòng Nhân dân tỉnh Bình Phước và cả nước.

Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng; nhằm ghi lại và phản ánh chân thực những chặng đường lịch sử vẻ vang của Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc tỉnh Bình Phước; tổng kết những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng của Đảng bộ tỉnh; biểu dương những tấm gương tiêu biểu trong chiến đấu, lao động, học tập, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng; bồi dưỡng và nâng cao niềm tin, lòng tự hào về Đảng, về đất nước, về quê hương Bình Phước anh hùng; động viên cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, nhất là thế hệ trẻ không ngừng phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, quyết tâm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước (khóa X) quyết định tổ chức biên soạn và phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (1930-2020)*.

Cuốn *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (1930-2020)* được biên soạn dựa trên cơ sở kế thừa nội dung của hai cuốn sách: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (1930-1975)* xuất bản năm 2000 và *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (1975-2005)* xuất bản năm 2008; đồng thời sưu tầm, khai thác tư liệu và nghiên cứu để viết tiếp lịch sử Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2005-2020.

Đây là một công trình khoa học được biên soạn khá công phu, với sự đóng góp tâm huyết, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương trong và ngoài tỉnh, nhất là sự tận tình của các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí đã từng giữ các chức vụ chủ chốt của tỉnh và sự nghiên cứu nghiêm túc của những người làm công tác nghiên cứu khoa học. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chân thành cảm ơn sự đóng góp ý kiến quý báu của tất cả các đồng chí, nhà khoa học trong quá trình biên soạn và xuất bản cuốn sách này.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (1930-2020)* với Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh, cùng bạn đọc gần xa.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

**BÍ THƯ**

**Nguyễn Văn Lợi**

PHẦN MỞ ĐẦU

**BÌNH PHƯỚC - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI  
VÀ PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG THỰC DÂN PHÁP  
TRƯỚC KHI CÓ ĐẢNG**

## Chương I

# ĐẶC ĐIỂM VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ NHỮNG BIẾN ĐỔI HÀNH CHÍNH QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

## I. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

Bình Phước là tỉnh biên giới thuộc miền Đông Nam Bộ, có diện tích tự nhiên là 6.876,76km<sup>2</sup>, dân số là 997.766 người<sup>1</sup>, mật độ dân số là 145 người/km<sup>2</sup>, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 17,9% dân số toàn tỉnh. Địa giới hành chính của tỉnh như sau: Phía đông giáp các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông và Đồng Nai; phía tây giáp tỉnh Tây Ninh và tỉnh Tbong Khmun (Campuchia); phía bắc giáp tỉnh Kratié và Mondulkiri (Campuchia) và phía nam giáp tỉnh Bình Dương. Bình Phước có đường biên giới tiếp giáp Campuchia dài 260,433km. Trong suốt quá trình lịch sử, Bình Phước luôn có vị trí hết sức quan trọng về chính trị, kinh tế và an ninh quốc phòng.

Về đất đai, Bình Phước có vùng đất đỏ bazan chiếm một nửa diện tích toàn tỉnh, còn lại là đất đỏ trên đá phiến, đất xám và đất vàng nâu. Vùng đất đỏ bazan chủ yếu tập trung ở các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Hớn Quản, Phú Riềng, thị xã Bình Long, thị xã Phước Long và chiếm một phần nhỏ diện tích thành phố Đồng Xoài và các huyện còn lại. Đất đai Bình Phước rất thích hợp với các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như tiêu, điều, cà phê, cao su. Đặc biệt, cây cao su trồng trên đất đỏ bazan có chu kỳ khai thác kéo dài, sản lượng mủ cao hơn nhiều so với cây cao su trồng trên đất xám. Bên cạnh những loại cây công nghiệp dài ngày, đất bazan còn thích hợp với nhiều loại cây màu, lương thực. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất đối với việc trồng trọt các loại cây ngắn ngày ở Bình Phước là thiếu nguồn nước tưới vào mùa khô, nên chỉ phát triển được vào mùa mưa.

---

1. Cục Thống kê tỉnh Bình Phước: *Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước năm 2019*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr.46.



Cũng như các tỉnh Nam Bộ, Bình Phước thuộc khí hậu nhiệt đới gió mùa ổn định. Khí hậu trong năm chia thành 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 và kéo dài đến cuối tháng 10 dương lịch. Những tháng đầu mùa mưa thường là mưa rào và mưa đều vào những tháng 7, 8 và 9, ít có ngày mưa dầm. Đặc biệt, ở Bình Phước hầu như không có bão, mà chỉ chịu ảnh hưởng của những cơn bão gần. Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 24.000mm, rải đều trong nhiều tháng, nên ít khi gây ra lũ lụt. Mùa khô bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình khoảng 29°C. Những tháng cuối mùa mưa sang đầu mùa khô, thời tiết thường se lạnh về đêm. Mùa khô thường có gió từ Tây Trường Sơn thổi tới nên khí hậu khô hanh. Mỗi ngày có trung bình từ 5 đến 7 giờ nắng. Vào mùa khô, nhiệt độ ban ngày có nơi lên đến 35-37°C. Nhưng thời gian nóng bức nhất này thường chỉ kéo dài khoảng hơn một tháng. Sau đó, nhiệt độ giảm dần để chuẩn bị đón nhận những cơn mưa đầu mùa.

Bình Phước có tài nguyên phong phú, trước hết là rừng. Đầu thế kỷ XX, Bình Phước vẫn còn những khu rừng bạt ngàn trải dài từ bắc đến nam, chiếm gần 100% diện tích toàn tỉnh. Trong đó, có những khu rừng già, những khu rừng nguyên sinh với nhiều loại gỗ quý của rừng nhiệt đới như cẩm lai, gõ đỏ, gõ nu, sao, bằng lăng; có nhiều loại cây dược liệu quý dùng làm thuốc chữa bệnh; nhiều loại song mây, tre, lồ ô... dùng làm bột giấy và các mặt hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu. Rừng Bình Phước có nhiều loại cây lấy củ và hạt như củ nân, củ mài, củ chụp, củ nho, hạt gắm, hạt bông... và nhiều loại rau rừng như lá nhiep, lá nhau, đọt mây, măng, môn dộc, tàu bay. Đây là nguồn lương thực, thực phẩm quan trọng đã từng góp phần nuôi sống lực lượng cách mạng trong những năm kháng chiến gian khổ, ác liệt. Cùng với các loại cây rừng, thú rừng ở Bình Phước cũng khá phong phú với các loại thú lớn, quý hiếm như voi, tê giác, trâu rừng, nai...; các loại thú vừa và nhỏ như mễn, khỉ, nhím, chồn, cheo và các loại chim, gà rừng...

Khi tư bản Pháp tiến hành phá rừng lập đồn điền cao su thì rừng Bình Phước bị thu hẹp lại. Với địa thế hiểm trở, trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, rừng Bình Phước là nơi xây dựng những căn cứ địa cách mạng. Hiện nay, rừng Bình Phước bị thu hẹp lại do bom đạn, chất độc hóa học trong chiến tranh tàn phá cùng với việc khai thác bừa bãi của bọn lâm tặc và dân di cư tự do. Tuy vậy, đến nay, ở Bình Phước, rừng và đất rừng vẫn còn khá phong phú, với trên 359.899ha, chiếm hơn 52% diện tích toàn tỉnh.



Về sông ngòi, sông Bé là phụ lưu của sông Đồng Nai nhưng là dòng sông lớn chảy trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Sông Bé dài khoảng 350km, đoạn chảy qua tỉnh Bình Phước dài khoảng 280km<sup>1</sup>. Ở phía bắc, đoạn chảy qua vùng cư trú của đồng bào Xtiêng, Mnông, sông Bé được gọi là sông Đắc Lung; đoạn xuôi về phía nam được gọi là sông Bé. Sông Bé có một số nhánh sông quan trọng như ở thượng nguồn có sông Đắc Quýt, Đắc Rấp bắt nguồn từ vùng Nam Tây Nguyên và Đông Bắc Campuchia. Vào mùa khô, ở vùng thượng lưu có chỗ mực nước hạ thấp còn khoảng 1m, người dân có thể lội qua sông. Nói chung, sông Bé đoạn chảy qua địa bàn tỉnh Bình Phước không thuận lợi cho giao thông đường thủy do có bờ dốc đứng, lòng sông có nhiều đá ngầm, ghềnh thác. Vào mùa mưa, nước từ các núi đồi, suối, rạch dồn dập đổ về khiến mực nước dâng cao đột ngột. Dòng sông hiền hòa trở nên hung dữ, nước cuộn cuộn chảy. Thượng nguồn sông đoạn ở Thác Mơ<sup>2</sup>, độ dốc lòng sông rất lớn, lắm ghềnh thác, quanh năm nước chảy ào ạt. Thác Mơ không chỉ là một cảnh đẹp thiên nhiên thơ mộng mà còn có giá trị kinh tế. Tại đây, ta đã xây dựng nhà máy thủy điện Thác Mơ. Điện Thác Mơ được hòa vào mạng lưới điện quốc gia để phục vụ cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và đời sống của Nhân dân cả nước, trong đó có phần ưu tiên cho Nhân dân Bình Phước. Ngoài sông Bé, phía tây Bình Phước còn có sông Sài Gòn, bắt nguồn từ phía bắc Lộc Ninh, đoạn chảy qua địa phận Bình Long gần 50km, tạo thành ranh giới tự nhiên giữa Bình Long và Tây Ninh. Ngoài ra còn có nhiều sông, suối nhỏ, hồ, bưng, bầu thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản và góp phần làm cho khí hậu của Bình Phước trở nên ôn hòa.

Trong lòng đất của Bình Phước chứa đựng nhiều khoáng sản phong phú. Các nhà địa chất đã phát hiện ở Bình Phước có vôi đá vôi trải dài từ Bình Long qua Lộc Ninh, là thứ đá vôi rỗng gần như không lẫn tạp chất, dễ khai thác và vận chuyển. Tuy trữ lượng không lớn bằng ở Hà Tiên nhưng đá vôi ở Bình Phước có chất lượng tốt hơn, giá trị kinh tế cao hơn. Bình Long có loại đá vôi biến chất thành đá hoa, màu sắc và cấu trúc đẹp, có độ cứng 3, rất có giá trị về nghệ thuật và kinh tế, dùng để trang trí trong xây dựng, tạc tượng, làm đồ lưu niệm và trang sức.

Bình Phước có trữ lượng các loại đá xây dựng khá lớn như: Đá bazan có trữ lượng 100,7 triệu mét khối, đá andesit có trữ lượng 67,5 triệu mét khối, đá granodiorit có trữ lượng 25,9 triệu mét khối... Ngoài ra, Bình Phước còn có

1. Xem Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước: *Địa chí Bình Phước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, t.1, tr.83.

2. Thác Mơ là tên do các tù chính trị phạm Bà Rá đặt.



các loại đất sét ở Mã Đà, Đồng Xoài, Tà Thiết, Phước Long, Bù Gia Mập... dùng để làm gạch ngói.

Tài nguyên nước ngầm của Bình Phước cũng có giá trị kinh tế. Các mũi khoan địa chất ở Bình Long, Lộc Ninh cho thấy nguồn nước ngầm của Bình Phước khá phong phú.

Bình Phước có hai trục đường giao thông chiến lược quan trọng là Quốc lộ 14 và Quốc lộ 13 nối liền Bình Phước với Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên và nước bạn Campuchia. Bên cạnh hai con đường chiến lược đó, trên địa bàn tỉnh còn có đường ĐT 741, ĐT 748, ĐT 749, ĐT 750..., các đường lộ dọc ngang ở từng huyện, xã, tạo thuận lợi cho việc đi lại của Nhân dân. Tổng chiều dài các con đường (không kể đường đất) trên địa bàn tỉnh là 1.233km.

Hiện nay, các con đường đang tiếp tục được làm mới, sửa chữa, nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại giữa Bình Phước với các tỉnh Nam Tây Nguyên và Nam Bộ. Trong tương lai, khi đường xuyên Á được xây dựng và tuyến đường sắt Lộc Ninh - Sài Gòn được khôi phục sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa và giao thông ở Bình Phước. Các tuyến đường liên huyện, liên xã cũng đang được làm mới, sửa chữa, nâng cấp để phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế và đời sống của Nhân dân.

## II. KINH TẾ

Bình Phước là tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; là cửa ngõ kết nối khu vực Tây Nguyên với Thành phố Hồ Chí Minh; tiếp giáp với Campuchia, các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh, Lâm Đồng, Đắk Nông. Phát huy lợi thế đó, những năm gần đây, diện mạo kinh tế của tỉnh Bình Phước đã có những thay đổi tích cực, luôn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao. Với tổng quỹ đất nông nghiệp trên 177.452ha, chiếm gần 26% diện tích toàn tỉnh, chủ yếu là đất đỏ bazan, tỉnh chú trọng phát triển các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như cao su, điều, cà phê, tiêu và đang hình thành các vùng sản xuất tập trung, có khả năng cung cấp số lượng lớn sản phẩm cho công nghiệp chế biến tại chỗ và xuất khẩu. Bình Phước là “thủ phủ” cây điều của cả nước.

Hiện nay, cơ cấu ngành kinh tế của tỉnh đang chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng khu vực nông - lâm nghiệp, tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ. Thành phần kinh tế thay đổi theo hướng gia tăng khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.



Vốn đầu tư xã hội tăng nhanh cả về quy mô, tốc độ và cơ cấu đầu tư. Chính sách mở rộng thu hút đầu tư trong và ngoài nước đã giúp Bình Phước đạt tỷ trọng vốn đầu tư/GDP tương đương với tỷ trọng chung của cả nước. Nhờ kinh tế phát triển, thu nhập bình quân đầu người được nâng cao, năm 2019 đạt 61,63 triệu đồng/người/năm.

### III. SỰ THAY ĐỔI ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH QUA CÁC THỜI KỲ

Dưới thời phong kiến nhà Nguyễn, Bình Phước thuộc trấn Biên Hòa. Đến giữa thế kỷ XIX, sau khi đặt ách đô hộ tại sáu tỉnh Nam Kỳ, thực dân Pháp chia Nam Kỳ thành bốn khu vực lớn là Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bát Xắc. Vùng đất Bình Phước thuộc khu vực Sài Gòn, trong đó vùng đất phía đông thuộc tiểu khu Biên Hòa, vùng đất phía tây nam và phía nam thuộc tiểu khu Thủ Dầu Một. Năm 1889, thực dân Pháp đổi các tiểu khu thành các tỉnh, một phần vùng đất Bình Phước thuộc địa phận tỉnh Biên Hòa và một phần thuộc tỉnh Thủ Dầu Một. Từ đó cho đến hết thời Pháp thuộc, địa giới, bộ máy hành chính cơ bản không thay đổi.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên địa bàn Bình Phước có hai hệ thống chính quyền cùng song song tồn tại. Về phía chính quyền Việt Nam Cộng hòa, vùng đất Bình Phước bị chia cắt, sáp nhập nhiều lần. Về phía chính quyền cách mạng, tháng 6/1960 ta thành lập Đảng bộ tỉnh Phước Long, tháng 10/1961 thành lập Đảng bộ tỉnh Bình Long. Trải qua nhiều lần thay đổi, lúc thuộc Khu 1, lúc thuộc Khu 6, Khu 10, đến ngày 30/01/1971, Trung ương Cục miền Nam quyết định thành lập Phân khu Bình Phước. Cuối năm 1972, phân khu Bình Phước giải thể, tỉnh Bình Phước chính thức được thành lập.

Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, để đáp ứng yêu cầu phát triển, ngày 02/7/1976, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định thành lập tỉnh Sông Bé bao gồm các tỉnh Thủ Dầu Một, Bình Phước và 4 xã thuộc huyện Thủ Đức (Thành phố Hồ Chí Minh). Tháng 02/1978, một số xã của huyện Bình Long và huyện Phước Long được tách ra để thành lập huyện Lộc Ninh. Năm 1988, huyện Phước Long được chia thành 2 huyện là Bù Đăng và Phước Long. Ngày 01/01/1997, tỉnh Bình Phước được tái lập, bao gồm 5 huyện phía bắc thuộc tỉnh Sông Bé cũ là: Đồng Phú, Bình Long, Lộc Ninh, Bù Đăng và Phước Long, tỉnh lỵ đặt tại thị trấn Đồng Xoài. Ngày 01/9/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 90/1999/NĐ-CP về việc thành lập thị xã Đồng Xoài và các phường, xã thuộc thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Ngày 01/01/2000, thị xã Đồng Xoài chính thức đi vào hoạt động. Ngày 20/02/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 17/2003/NĐ-CP về việc thành lập các huyện



Chơn Thành, Bù Đốp thuộc tỉnh Bình Phước. Ngày 11/8/2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 35/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc huyện Chơn Thành, huyện Bình Long, huyện Phước Long; điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bình Long, huyện Phước Long để thành lập thị xã Bình Long, thị xã Phước Long; thành lập các phường trực thuộc thị xã Bình Long, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Năm 2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa 13) ban hành Nghị quyết số 931/NQ-UBTVQH13 về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bù Gia Mập để thành lập huyện Phú Riềng. Năm 2018, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa 14) ban hành Nghị quyết số 587/NQ-UBTVQH14 về việc thành lập thị trấn Tân Khai thuộc huyện Hớn Quản; thành lập phường Tiến Thành thuộc thị xã Đồng Xoài và thành phố Đồng Xoài thuộc tỉnh Bình Phước. Hiện nay, tỉnh Bình Phước có 11 đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Đồng Xoài, thị xã Bình Long, thị xã Phước Long và 8 huyện: Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Chơn Thành, Đồng Phú, Hớn Quản, Lộc Ninh và Phú Riềng; với 111 xã, phường, thị trấn.

#### IV. DÂN CƯ VÀ VĂN HÓA

Từ xa xưa, vùng đất Bình Phước đã có con người sinh sống. Các hiện vật khai quật được tại các di chỉ khảo cổ đã chứng minh bề dày lịch sử của Bình Phước. Các nhà khảo cổ học đã thu thập được ở Bình Long, Lộc Ninh, Phước Long, Bù Đăng những rìu đá mài nhẵn bốn mặt mà các nhà khảo cổ gọi là “rìu tứ diện”. Loại rìu này được phân bố ở nhiều nơi trên đất nước ta và các nước Đông Nam Á. Những “thành tròn” phát hiện ở Bình Long, Lộc Ninh chứng tỏ đây là những khu vực cư trú tạm thời của các đoàn săn bắn tập thể của cư dân miền Đông Nam Bộ vào thời kỳ đồ đá chuyển sang đồ đồng cách đây 2.000-3.000 năm. Tuy trong các “thành tròn”, tầng văn hóa khảo sát không rõ rệt, hiện vật thưa thớt nhưng nó là cơ sở chứng minh sự có mặt của những tộc người cổ trên đất Bình Phước. Tại Lộc Ninh, người ta đã phát hiện được một trống đồng nằm sâu trong lòng đất. Bằng phương pháp khoa học, các nhà khảo cổ kết luận trống đồng Lộc Ninh có niên đại cùng thời với trống đồng Đông Sơn ở miền Bắc nước ta. Ngày 24/4/1998, hai trống đồng được phát hiện ở Thọ Sơn (Bù Đăng) và Long Hưng (Phước Long) cũng thuộc dòng trống đồng Đông Sơn, có niên đại cách đây khoảng 1.900 đến 2.200 năm.

Cuộc sống của những con người thời cổ trên vùng đất Bình Phước diễn ra như thế nào, tới nay vẫn chưa được làm rõ. Chỉ biết rằng, cho đến thế kỷ XVI, chủ nhân của vùng đất này là cư dân thuộc các dân tộc thiểu số Xtiêng, Chơ Ro, Mnông, Tà Mun... Họ sống chủ yếu bằng săn bắn, hái lượm, làm nương,



trúa lúa theo phương thức du canh du cư; sống rải rác theo từng buôn, sóc. Người Xtiêng có công khai phá vùng đất từ núi Bà Đen đến thượng nguồn sông Sài Gòn. Vùng núi Bà Rá và vùng hữu ngạn sông Đồng Nai là vùng đất xưa của người Chơ Ro. Sang đầu thế kỷ XVII, vùng đất này dần dần đón nhận những dân cư mới: Người Khmer lập làng ở vùng Nha Bích, người Kinh di cư từ các tỉnh phía Bắc vào. Trong số những người di cư từ phía Bắc vào, có những người vì không chịu nổi sự áp bức, bóc lột của chế độ phong kiến Trịnh - Nguyễn cũng như cảnh lầm than, chết chóc do chiến tranh phong kiến gây ra phải rời bỏ quê hương, có người mắc tội “nghịch mạng với triều đình” bị lưu đày, có người trốn tránh sưu thuế, binh dịch phải chạy vào đây tìm chốn nương thân. Cùng với đó, một số người Hoa cũng bắt đầu du nhập vào địa bàn Bình Phước. Trong thời kỳ đầu, người Kinh, người Hoa sống chủ yếu ở ven sông Đồng Nai, sông Sài Gòn. Về sau, dân số phát triển, họ mở rộng địa bàn cư trú lên các huyện phía bắc Bình Phước.

Cuối thế kỷ XVIII, sự tiếp xúc giữa người Kinh và người Xtiêng ở Bình Phước diễn ra tương đối thường xuyên thông qua những binh lính lưu đồn nhà Nguyễn và gia đình của họ. Những người Kinh này phần đông là dân cư vùng Trị Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định. Từ năm 1832, dân số người Kinh gia tăng rõ rệt. Người Kinh đã cư trú tập trung thành từng làng ở khu vực phía nam tỉnh. Thời kỳ này, những thống kê hành chính địa phương đã ghi tên các làng người Xtiêng và người Khmer ở vùng Hớn Quản theo tên gọi Hán - Việt do Nhà Nguyễn đặt như An Lộc, Bình Tây, Đông Phất, Đông Nơ, Xuân La, Nha Bích...

Đến thời Pháp thuộc, qua những lần khai thác thuộc địa, bọn tư bản thực dân mở đồn điền cao su, một bộ phận nông dân bị bán cùng hóa ở các tỉnh phía Bắc được thu hút về đây làm phu đồn điền. Do đó, số lượng người Kinh ở Bình Phước tiếp tục tăng lên rõ rệt, hình thành tầng lớp công nhân bị bóc lột hết sức nặng nề. Do tính chất tập trung và kỷ luật, công nhân cao su trở thành thành phần giác ngộ giai cấp sớm nhất.

Sang thời Mỹ - ngụy, một bộ phận tín đồ Thiên Chúa giáo di cư từ miền Bắc vào được ngụy quyền đưa lên khu vực Bình Phước lập ra các khu dinh điền, khu trù mật nhằm tạo cơ sở xã hội cho sự thống trị của chúng. Năm 1956, khi Ngô Đình Diệm thành lập tỉnh Phước Long, tỉnh Bình Long, số dân bị ép buộc di cư từ các tỉnh Trị Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định vào ngày càng nhiều, dẫn đến cơ cấu dân cư có sự thay đổi lớn... Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, khối liên minh công - nông được hình thành, làm nòng cốt cho Mặt trận Dân tộc thống nhất tỉnh đoàn kết, lãnh đạo Nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ đi đến thắng lợi, giải phóng quê hương, góp phần vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.



Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, dân số Bình Phước tiếp tục tăng nhanh, trong đó phần lớn là đồng bào các tỉnh đông dân di xây dựng kinh tế mới. Một số khác là cán bộ tập kết trở về, bộ đội phục viên, công nhân cao su được tuyển từ nơi khác đến để khôi phục và phát triển các nông trường cao su. Từ ngày 01/01/1997, tỉnh Bình Phước chính thức được tái lập, dân số Bình Phước lại tăng lên do nhiều người dân ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước đến lập nghiệp, xây dựng kinh tế và công tác.

Có thể nói, Bình Phước hiện nay là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam với bản sắc văn hóa đa dạng thống nhất. Nói đến văn hóa truyền thống ở Bình Phước, trước hết phải nói đến nền văn hóa truyền thống lâu đời của cư dân bản địa, mà tiêu biểu là truyền thống văn hóa của người Xtiêng. Một trong những nét văn hóa truyền thống nổi tiếng mà đồng bào Xtiêng và các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên đến nay vẫn còn bảo tồn được, đó là văn hóa cồng chiêng. Cồng chiêng có vị trí hết sức quan trọng trong đời sống văn hóa của đồng bào Xtiêng. Qua bao biến động, thăng trầm của lịch sử, văn hóa cồng chiêng vẫn được duy trì và lưu truyền cho tới ngày nay. Đối với người Xtiêng, cồng chiêng là vật gia bảo cha truyền con nối, thể hiện sự giàu có của từng gia đình, từng dòng tộc hay cộng đồng. Nhiều bộ cồng chiêng được lưu truyền hàng trăm năm. Về mặt âm nhạc, đây là nhạc cụ tiêu biểu, chủ đạo của đồng bào Xtiêng cũng như của hàng chục dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Cồng chiêng gắn bó mật thiết với đời sống từng con người, từng cộng đồng; gắn bó với cả một dân tộc trong quá trình lao động sản xuất, săn bắn, chiến đấu, trong những ngày lễ hội. Đặc biệt, do cách biểu diễn tập thể nên văn hóa cồng chiêng có tác dụng giáo dục tính cộng đồng tương thân tương ái và đoàn kết rất cao. Tuy nhiên, hiện nay, trong kho tàng văn hóa của người Xtiêng, có một số loại hình sinh hoạt văn hóa đã bị mai một như hát đối đáp, hát dẹt vải...

Bản sắc văn hóa của người Xtiêng còn thể hiện rõ nét trong cấu trúc nhà ở; tục đâm trâu; lễ dựng làng, lễ nghi cưới xin, chọn đất làm rẫy... Người Xtiêng có kỹ thuật rèn đúc khá sắc sảo.

Đặc điểm văn hóa của các dân tộc bản địa ở Bình Phước là có sự giao thoa và ảnh hưởng văn hóa của các dân tộc khác. Người Xtiêng ở Bình Phước giữ được phong tục, tập quán đặc thù, bản sắc văn hóa riêng nhưng cũng chịu ảnh hưởng văn hóa của người Việt, Chăm, Khmer, Mnông...

Tín ngưỡng truyền thống của đồng bào Xtiêng, Khmer, Mnông, Tà Mun, Châu Ro... ở Bình Phước là tín ngưỡng đa thần. Đến khi những cư dân người Kinh đến sinh sống thì ở Bình Phước xuất hiện các tôn giáo mới như đạo Phật,



Thiên Chúa giáo, Tin Lành... Đặc biệt, dưới thời Ngô Đình Diệm, có một số tôn giáo ở Bình Phước do Mỹ - Diệm chủ tâm phát triển nhằm phục vụ cho mưu đồ chính trị của chúng. Sau khi thành lập các tỉnh Phước Long, Bình Long, Mỹ - Diệm đưa dân cư từ các tỉnh miền Trung vào, đặc biệt là đồng bào Thiên Chúa giáo từ miền Bắc di cư vào được Mỹ - Diệm đưa về Bình Phước ngày càng đông làm hậu thuẫn chính trị và để làm lá chắn phòng thủ bảo vệ chúng ở các khu vực trung tâm và những nơi quan trọng. Cư dân các xứ đạo Long Điền (Phước Bình), Chu Ninh (Bù Đốp), Bù Đăng đều là dân công giáo miền Bắc di cư. Địch còn phát triển đạo Tin Lành trong đồng bào Xtiêng, lập nhà thờ ở Sơn Giang (Phước Long) và Bù Đăng để quy tụ đồng bào dân tộc thiểu số vào sinh hoạt. Chúng cho lập thánh thất Cao Đài ở Phước Long và tổ chức đưa tín đồ từ các vùng đồng bằng ở Nam Bộ lên định cư ở đây. Từ đầu thập niên 1990 trở lại đây, đạo Tin Lành phát triển khá mạnh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhìn chung, đồng bào các tôn giáo luôn chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân.

\*

\* \*

Tỉnh Bình Phước nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, gần kề các tỉnh, thành phố năng động, có tốc độ phát triển cao như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai... Đó là lợi thế để Bình Phước có thể hòa nhập, kêu gọi đầu tư. Đồng thời, sự phát triển nhanh của các tỉnh, thành phố lân cận có tác dụng thúc đẩy, kích thích, tạo sự cạnh tranh lành mạnh với Bình Phước.

Bình Phước có nguồn lao động dồi dào, với gần 300.000 người, trong đó người trong độ tuổi từ 16 đến 40 chiếm 40% tổng số lao động. Người dân Bình Phước có đức tính cần cù, chịu khó. Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước có bề dày lịch sử, qua các cuộc kháng chiến đã tôi luyện bản lĩnh chính trị vững vàng; có nhiều cán bộ trẻ có trình độ văn hóa, chuyên môn, chính trị cao, đủ khả năng đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Mặc dù còn phải nỗ lực phấn đấu để khắc phục khó khăn, hạn chế, song với những tiềm năng, thế mạnh nêu trên, hứa hẹn trong tương lai Bình Phước sẽ trở thành một tỉnh giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, Nhân dân có đời sống ấm no và hạnh phúc.

## Chương II

# PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP Ở BÌNH PHƯỚC TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

### I. CHÍNH SÁCH KHAI THÁC THUỘC ĐỊA VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA NGÀNH CAO SU

#### 1. Sự ra đời của ngành cao su ở Bình Phước

Sau khi thực dân Pháp thiết lập bộ máy cai trị ở xứ Nam Kỳ, năm 1882, Toàn quyền Đông Dương Pôn Đume (Paul Doumer) bắt đầu tổ chức thực hiện kế hoạch bình định vùng phía nam Bà Rá, Hớn Quản, phía nam Đắc Lắc, phía đông Campuchia. Đến năm 1892, thực dân Pháp thiết lập được bộ máy cai trị ở 6 tổng và 50 buôn làng phía bắc Thủ Dầu Một. Năm 1898, chúng lập ra một số đồn bót nhỏ ở các vùng Bù Đốp, Chơn Thành, Bà Rá, Hớn Quản, do binh lính người Việt trú đóng.

Từ năm 1899 trở về sau, thực dân Pháp tiếp tục tổ chức nhiều cuộc thám sát trên vùng đất Bình Phước, trong đó phải kể đến đoàn thám sát của Pôn Pátte (Paul Patte) đã tiến hành một chuyến đi dài ngày nhằm khám phá thêm vùng đất của đồng bào dân tộc thiểu số. Năm 1904, đoàn thám sát của Pôn Pátte gồm một bác sĩ, một nhân viên cầu đường, một viên đội người Pháp cùng 13 lính người Việt đã tiến hành thám sát hai bên bờ sông Bé, vùng Bà Rá và Hớn Quản.

Sau khi thâm nhập sâu vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thực dân Pháp tiếp tục tổ chức nhiều cuộc hành quân do các tên Đại úy Giênanh, Bá tước Batêlêmi (Barthélémy), Trung tá Cariê (Carrier) chỉ huy tiến hành đàn áp và bắt dân ở lưu vực sông Bé, dưới chân núi Bà Rá đưa về làm lao dịch. Thực dân Pháp dùng chính sách lừa mị kết hợp với biện pháp vũ lực để cướp đất của đồng bào dân tộc thiểu số, buộc họ phải rời bỏ buôn làng, nương rẫy.



Thâm hiểm hơn, chúng gây chia rẽ những cộng đồng bộ lạc, khơi lại nỗi hận thù xa xưa giữa các dân tộc thiểu số với người Kinh. Chúng xóa bỏ chế độ tù trưởng và dựng lên tầng lớp tay sai ở các làng, tổng.

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chính sách khai thác thuộc địa ở Đông Dương, trong đó có Việt Nam, được hình thành với tinh thần cơ bản là: Thuộc địa Đông Dương phải được đặc biệt dành riêng cho thị trường Pháp; nền sản xuất ở thuộc địa này chỉ được thu gọn trong việc cung cấp cho chính quốc; về kỹ nghệ, nếu cần được khuyến khích thì cũng chỉ sản xuất ra những gì nước Pháp cần. Chiếm Việt Nam để làm thị trường tiêu thụ hàng hóa, để khai thác tài nguyên là chính sách kẻ cướp của thực dân Pháp lúc đó.

Với chủ trương đó, ngay từ năm 1888, tức là chỉ sau 4 năm hoàn thành công cuộc đánh chiếm bằng quân sự đối với Việt Nam, toàn quyền Đông Dương đã ra nghị định cho phép bọn địa chủ thực dân được quyền lập đồn điền ở những vùng đất mà chúng gọi là “vô chủ”. Cái gọi là “đất hoang”, “đất vô chủ” thực chất là do chúng tìm cách đuổi người dân đi để chiếm đoạt. Việc cướp đoạt đất đai diễn ra trắng trợn, tàn bạo, gây nên những thảm cảnh khốn cùng cho người dân đã từng sinh sống bao đời trên mảnh đất quê hương.

Trong công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, ngành cao su ở Việt Nam nói chung và Bình Phước nói riêng đã hình thành. Ngành cao su ra đời trước tiên và chủ yếu là ở Nam Kỳ, gắn liền với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Đông Dương của thực dân Pháp. Bắt đầu từ năm 1897, Toàn quyền Pôn Đume cho lập vườn thí nghiệm Ông Yệm ở Thủ Dầu Một do một dược sĩ người Pháp là Raun (Raul) phụ trách và Suối Dầu ở Nha Trang do bác sĩ Yécxanh (Yersin) phụ trách. Cả hai vườn thí nghiệm này đều thành công. Sau khi thử nghiệm thành công, tư bản Pháp đã hùn vốn để chuẩn bị thành lập đồn điền. Các công ty cao su lần lượt ra đời theo chính sách khai thác thuộc địa của nhà cầm quyền Pháp. Các chủ nhà băng (ngân hàng), các nhóm tư bản tài phiệt Pháp đều có phần hùn vào các công ty lớn. Dùng mạnh lực đồng tiền và thế lực chính quốc, chúng nắm bọn viên chức thuộc địa từ Toàn quyền Đông Dương đến Thống đốc Nam Kỳ, chủ tỉnh. Vì vậy, bao nhiêu bất công, áp bức, đánh đập, giết chóc, bóc lột tàn bạo mà chúng gây ra đối với người dân đều được bao che, dung túng. Mỗi công ty là một vương quốc nhỏ, nắm quyền sinh sát.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, công cuộc khai thác cao su càng diễn ra ồ ạt vì lúc này nền công nghiệp Pháp mỗi năm cần đến 10 vạn tấn cao su, nhưng thứ hàng chiến lược này Pháp chưa tự túc được mà phải nhập của Anh.



Nắm được nhu cầu của thị trường Pháp, bọn tư bản thực dân tranh nhau đầu tư vào ngành cao su. Vốn đầu tư vào ngành cao su tăng vọt, diện tích trồng cao su cũng tăng. Các đồn điền cao su trên khắp miền Đông Nam Kỳ được thành lập. Trong đó, ở Bình Phước, các công ty cao su đã lập những đồn điền lớn như:

- Công ty cao su Đất Đỏ liên tiếp lập ra những đồn điền lớn như Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch, Xa Cát và nhiều đồn điền khác ở Biên Hòa, Bà Rịa. Không những thế, trong quá trình phát triển, công ty này còn mở rộng diện tích cao su sang tận Campuchia. Từ năm 1916 đến năm 1937, riêng ở đồn điền Quản Lợi đã phát triển thêm được 5.372,35ha, đồn điền Xa Cam được 3.100,63ha, đồn điền Xa Trạch được 1.613,51ha.

- Công ty Mitsolanh từ năm 1917 đến năm 1935 đã xây dựng hai đồn điền cao su lớn là Dầu Tiếng và Phú Riềng (sau đổi thành đồn điền Thuận Lợi).

- Công ty Cao su Xétxô (S.C.C.E.O) thành lập hai đồn điền cao su lớn là Lộc Ninh và Đa Kia.

Như vậy, gắn liền với quá trình khai thác thuộc địa ở Việt Nam, thực dân Pháp đã thành lập một loạt đồn điền cao su trên đất Bình Phước. Chính tại các đồn điền cao su này, đội ngũ công nhân cao su Bình Phước đã hình thành và trở thành lực lượng cách mạng quan trọng có sức mạnh to lớn góp phần vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc sau này.

## **2. Sự ra đời của đội ngũ công nhân và ách cai trị tàn nhẫn của thực dân Pháp trong các đồn điền cao su**

Cùng với sự ra đời của các đồn điền cao su trên vùng đất Bình Phước, đội ngũ công nhân cao su cũng bắt đầu xuất hiện. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, số lượng công nhân cao su chuyên nghiệp chưa nhiều vì lúc bấy giờ công việc chủ yếu của các công ty là phá rừng, dọn đất để lập đồn điền, việc trồng cao su mới chỉ bắt đầu và còn mang tính thăm dò. Do đó, đại bộ phận nhân công lúc này được thuê mướn tạm thời hoặc là những nông dân người địa phương hoặc người dân tộc thiểu số được các đồn điền tuyển dụng. Đa số những công nhân này hết hợp đồng lại trở về nhà với ruộng đồng và nương rẫy.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, số lượng công nhân cao su trên địa bàn Hớn Quản, Bà Rịa tăng lên rất nhanh. Nguồn gốc của công nhân đồn điền cao su cũng có sự thay đổi cùng với sự phát triển của ngành cao su. Do yêu cầu phát triển của ngành cao su, dân địa phương không đủ để cung cấp cho các đồn điền, buộc bọn chủ tư bản Pháp phải ra miền Bắc, miền Trung tuyển mộ. Chúng gọi việc này là “mộ phu”. Có một số đồn điền mộ phu từ



các thuộc địa của Hà Lan do thiếu công nhân chuyên nghiệp. Đến năm 1922, đồn điền cao su Lộc Ninh vẫn sử dụng công nhân người Chàvã (Javanais) - tức phu mộ từ Indônêxia, thuộc loại công nhân có tay nghề cao. Về sau, số công nhân này trở về vì không quen với môi trường xa lạ. Mặt khác, thực dân Hà Lan ở Indônêxia cấm xuất khẩu công nhân cao su để chống lại sự cạnh tranh của tư bản Pháp ở Việt Nam.

Đối tượng tuyển mộ của tư bản Pháp ở miền Bắc và miền Trung vào thời điểm trước và sau năm 1929 cũng có sự khác nhau. Trước năm 1929, đối tượng tuyển mộ chủ yếu là những thanh niên trai trẻ chưa lập gia đình. Sau năm 1929, chủ yếu là mộ cả gia đình nhằm bảo đảm nguồn lực lâu dài cho các đồn điền, đồng thời hạn chế sự đấu tranh chống đối của công nhân. Bằng các thủ đoạn dụ dỗ và cưỡng ép, từ năm 1919 đến năm 1929, thực dân Pháp đã mộ được hàng chục ngàn công nhân vào làm trong các đồn điền thuộc các quận Hớn Quản, Bà Rá. Riêng năm 1929, số công nhân được tuyển mộ đi làm đồn điền cao su tụt xuống nhiều là do có phong trào tẩy chay mạnh mẽ việc mộ phu đồn điền cao su do các tổ chức cách mạng trong nước phát động. Mặt khác, vụ ám sát Badanah (Bazin) - tên trùm mộ phu gian ác làm xôn xao dư luận khiến người đi mộ giảm hẳn.

Trong việc mộ phu cao su, thực dân Pháp khoanh vùng mộ phu cho các công ty để tránh sự tranh chấp. Các công ty trên địa bàn Hớn Quản, Bà Rá chủ yếu mộ phu từ các tỉnh Thái Bình, Hải Phòng, Bắc Giang, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Nam Định, Hà Nội. Đối với người nông dân nghèo khổ, việc mộ phu đi các đồn điền cao su trở thành tội ác xấu xa, gieo bao tai họa cho họ. Tờ báo *La Volonté Indochinoise* (Ý chí Đông Dương) ra ngày 10/8/1927 đã viết “Đó là sự tái bản giữa thế kỷ XX này của cái chợ buôn nô lệ”. Bọn mộ phu dùng mọi thủ đoạn để tuyển được nhiều phu cho đồn điền. Cứ mỗi người phu mộ được thì kẻ mộ phu được hưởng một khoản tiền hoa hồng. Vì thế, bọn mộ phu đổ xô đến các vùng dân cư ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ để đánh lừa dân nghèo, hứa hẹn đủ điều. Song thủ đoạn này chỉ có tác dụng thời gian đầu. Về sau, chúng phải dùng thủ đoạn tinh vi và trắng trợn hơn trước. Trần Tử Bình - người phu công tra thuộc lớp đầu tiên ở đồn điền cao su Phú Riềng, sau trở thành nhà hoạt động cách mạng đã kể lại: “Có người còn bị lừa ký hợp đồng bằng một cách thế này: chúng bảo phải chụp hình để trình Nhà nước. Có thể sau này sẽ xảy ra chuyện gì chính phủ mới bênh vực cho. Thế rồi chúng đưa người phu đi chụp ảnh. Chụp nghiêng, chụp thẳng đủ kiểu. Sau đó chúng đưa giấy bảo người ấy điểm chỉ để sau nhận ảnh. Sau mới biết té ra giấy đó



lại chính là một tờ hợp đồng in sẵn. Cái người bị lừa ấy không bao giờ biết là mình đã điểm chỉ vào giấy bán đứt tính mạng và tự do của mình cho chủ tư bản”<sup>1</sup>.

Người dân phu được tuyển mộ phải chịu sự quản lý chặt chẽ ngay từ khi ký tên vào giấy giao kèo. Bọn cai mộ tập trung dân phu đưa lên tàu hỏa hoặc tàu thủy, ô tô về các đồn điền. Chủ đồn điền phân bố họ về các làng. Chúng thường bố trí làng theo địa phương, quê quán của người dân phu. Tỉnh nào đông dân phu thì xếp thành làng riêng, các tỉnh ít dân phu thì ghép chung vào với nhau gọi là làng “tứ xứ”.

Hệ thống cai trị của giới chủ đồn điền hết sức chặt chẽ và khắc nghiệt. Đứng đầu một đồn điền là chủ đồn điền (bao gồm cả chủ nhất và chủ nhì). Chủ đồn điền có bộ phận chuyên môn giúp việc. Dưới chủ đồn điền là các chánh giám thị (xuvâyđăng sếp). Các chánh giám thị điều khiển các giám thị viên. Các giám thị viên (xuvâyđăng) chỉ huy các cai và các cai theo dõi giám sát các kíp sản xuất.

Một kíp sản xuất có khoảng 10 công nhân do một cai trông coi. Mỗi tên giám thị viên quản lý 3 kíp sản xuất và cứ ba kíp sản xuất được lập thành một đội sản xuất. Mỗi tên chánh giám thị chỉ huy ba tên giám thị viên. Trong mỗi đồn điền có nhiều chánh giám thị, những tên này chịu sự điều khiển của chủ nhất. Cai thì hầu hết là người Việt Nam, mức sống của cai khá hơn công nhân. Giám thị viên được ở nhà riêng, có một dân phu phục dịch. Do lối đối xử phân biệt nên trong hàng ngũ cai có sự phân hóa. Một số cai muốn ngoi lên giám thị viên để được hưởng quyền lợi cao hơn nên đã thẳng tay đàn áp công nhân, sẵn sàng quỳ gối làm theo mọi mệnh lệnh của bọn chủ. Một số khác thì lại đứng về phía công nhân trong các cuộc đấu tranh giành quyền dân sinh hàng ngày.

Để giữ chân công nhân, chúng dùng cờ bạc, rượu chè, thuốc phiện nhằm móc hết tiền lương làm cho họ trắng tay, suốt đời không thể về quê hương bản xứ.

Đặc biệt thâm hiểm là bọn chủ Pháp thường lợi dụng đồng bào dân tộc thiểu số để kiểm soát công nhân. Đồng bào dân tộc thiểu số là dân bản địa, các phum sóc của họ nằm rải rác xung quanh các đồn điền. Họ sống rất nghèo khổ, bản chất lại thật thà, chất phác. Lợi dụng điều đó, bọn chủ tư bản Pháp đã thưởng muối, vải, tiền cho người Thượng nào bắt được công nhân chạy trốn. Nhiều công nhân ở đồn điền Phú Riêng, Quản Lợi, Lộc Ninh... đã bị người dân tộc thiểu số bắt lại đem nộp cho chủ Pháp để lãnh thưởng. Ngoài

1. Trần Tử Bình: *Phú Riêng đỏ*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1965, tr.241.



những thủ đoạn trên, bọn chủ đồn điền còn tìm mọi cách chia rẽ giữa công nhân có đạo và công nhân không có đạo hoặc gây mối hiềm khích giữa dân phu cũ và dân phu mới. Chúng thường đưa dân công tra mới ở xen vào xóm dân công-tra cũ để thực hiện ý đồ nham hiểm “lính mai cai lính tối”.

Vào đồn điền, người công nhân cao su bị áp bức, bóc lột hết sức nặng nề và bị đối xử vô cùng tàn nhẫn. Họ phải làm việc mỗi ngày 10-12 giờ, tiền lương thì rẻ mạt, tiền thưởng không có, đau ốm không dám nghỉ vì sợ bị trừ lương. Ngày này qua ngày khác, từ 3 giờ 30 phút sáng, khi nghe tiếng keng vang lên, người phu cao su liền tất tả chạy đến sân điểm danh. Tại đây, việc điểm danh đi liền với những trận roi mây, roi gân bò, cù nèo đánh lên đầu, lên cổ. Đi chậm: đánh, ngồi không ngay hàng: đánh, trả lời chậm: đánh, trong thùng có cát: đánh, dao lứt: đánh, gọi không dạ mà ừ: đánh. Điểm danh xong, dân phu phải ra lô làm việc ngay, làm xong về tới nhà đã 8-9 giờ đêm. Công nhân cao su thường truyền nhau câu nói chua chát: “Con không biết mặt cha, chó không biết mặt chủ nhà”.

Ngoài bị đánh đập, lao động nặng nhọc, người công nhân còn phải đối mặt với muỗi, mòng, vắt, kiến lửa, mối... Muỗi gây bệnh sốt rét, mòng gây bệnh sâu quảng... Vì không có thuốc điều trị nên lâu ngày dẫn đến tàn phế, tử vong.

Chế độ làm việc đã vậy, chế độ ăn uống lại càng cơ cực hơn. Mỗi ngày một người phu cao su được chia 400g gạo mốc, mực cùng mấy con cá khô mực. Ăn uống đã khổ cực, chỗ ở cũng không hơn gì. Sáu người chen chúc nhau trong một căn nhà lá lụp xụp, tối tăm khoảng 24m<sup>2</sup>. Nhà không có bếp, người công nhân phải đun nấu ngay cạnh giường nằm, khói bụi đầy nhà.

Lao động cực nhọc, ăn ở tồi tàn mà lương thì rẻ mạt. Cách tính lương của chúng là làm sao cho hể hết tháng là công nhân cũng hết tiền. Lao động vất vả, ăn uống khổ cực, tiền lương chết đói chưa phải là tất cả nỗi thống khổ của công nhân. Các hình phạt tàn nhẫn, vô nhân đạo của bọn chủ đồn điền còn không ngừng trút lên đầu công nhân.

Sự áp bức, bóc lột, đối xử tàn nhẫn của bọn chủ đồn điền làm nhiều công nhân cao su bị chết. Ở các đồn điền thuộc Công ty cao su Đất Đỏ, tính ra cứ 100 công nhân thì có 19 người chết và 37 người bị bệnh nặng. Tại đồn điền An Lộc, tuổi thọ bình quân của nam công nhân ở đây không quá 30, có 95% nữ công nhân bị sẩy thai và ốm đau. Nhiều trẻ em mới 2-3 tuổi đã mắc bệnh sưng lá lách và phù thận.

Ngoài nỗi khổ nhục chung như mọi công nhân đồn điền cao su, nữ công nhân còn nỗi khổ nhục riêng không thể nào tả xiết. Nữ công nhân nào có



chút nhan sắc bị bọn cai, giám thị nhìn thấy thì lập tức bị điều lên nhà riêng của chúng để tưới hoa, quét nhà, coi vườn rồi giày vò chị em. Đến khi thấy chán chúng mới thả ra. Có gia đình, chồng đi làm ngoài lô, vợ ở nhà bị bọn cai, giám thị mò đến cưỡng hiếp. Trong hồi ký *Phụ Riềng đỏ*, Trần Tử Bình kể lại: “Nữ công nhân nom sạch mắt một chút lại càng tội nghiệp. Hết xuvâyđăng sếp đến xuvâyđăng thường, rồi cai tây, cai ta gọi lên. Chỉ qua vài tuần, thân đã tàn tạ chẳng khác nào chiếc lá héo. Nếu người ấy có chồng còn liên lụy đến cả chồng. Ai chống cự cưỡng lại chúng nó thì chúng nó đánh người chồng đến chết, còn vợ thì vẫn bị cướp đi mất, đến lúc nó giày vò chán chê rồi thả cho về là đã ra ma”. Sự tủi nhục này đã được công nhân đúc kết trong câu ca dao:

*“Vợ mình là thật vợ mình  
Xu, sếp muốn lấy mặc tình chẳng kiêng”.*

Tóm lại, chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp lúc này ở đồn điền cao su đã dồn những người công nhân vào tình cảnh khốn cùng. Chính sự áp bức, bóc lột vô cùng dã man ấy là yếu tố thúc đẩy công nhân cao su đứng lên đấu tranh với bọn chủ đồn điền để bảo vệ quyền lợi, cuộc sống của mình. Với truyền thống anh dũng quật cường, đồng bào các dân tộc thiểu số và công nhân cao su ở Bình Phước đã đứng lên đấu tranh chống lại ách thống trị của thực dân Pháp.

## II. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP Ở BÌNH PHƯỚC TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

### 1. Đồng bào dân tộc thiểu số khởi nghĩa vũ trang chống Pháp

Trong lịch sử Bình Phước, đồng bào các dân tộc thiểu số là chủ nhân đầu tiên của vùng rừng núi bao la, hoang vắng với đất đai màu mỡ và gỗ quý bạt ngàn. Từ thuở xa xưa, họ đã phải đấu tranh liên tục với thiên nhiên để tồn tại và phát triển cuộc sống của mình. Điều kiện sống nơi thiên nhiên hoang dã đã hun đúc nên bản tính tự lực, tự cường, tự do, phóng khoáng, thật thà, trọng tín nghĩa của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Sau khi đặt ách cai trị lên vùng đất Bình Phước, thực dân Pháp đã cướp đoạt trắng trợn đất đai, nương rẫy của đồng bào dân tộc thiểu số để thành lập các đồn điền cao su. Đồng bào phải rời bỏ buôn làng, phum sóc thân yêu của mình, bỏ lại những vùng đất bằng phẳng, màu mỡ cho bọn chủ tư bản Pháp mà chuyển vào rừng sâu. Tại nơi ở mới, họ cũng không được yên thân. Đồng bào phải gồng một nắm đất mang về nộp cho chủ đồn điền, nếu là đất đỏ, chúng lại tìm mọi cách xua đuổi họ để chiếm đất mở rộng đồn điền.



Chính sách mị dân của cái gọi là “Đất Thượng của người Thượng” mà thực dân Pháp rêu rao dần dần đã bộc lộ sự giả dối trước đồng bào dân tộc thiểu số. Sự mất mát những quyền lợi thiết thân hằng ngày cùng nhiều đau khổ do giặc Pháp gây ra đã tạo nên mối thù sâu sắc trong đồng bào dân tộc thiểu số làm bùng nổ những cuộc đấu tranh quyết liệt chống lại thực dân Pháp.

Lúc đầu, tù trưởng các bộ lạc là những người đề xướng các cuộc chiến đấu chống Pháp lẻ tẻ. Ngay từ năm 1908, ở vùng Hớn Quản, dưới sự lãnh đạo của ông Điều Dố - người Xtiêng ở sóc Thủ Bồn, Xa Trạch, quận Hớn Quản, đông đảo đồng bào các dân tộc Xtiêng, Chơ Ro, Tà Mun, Mnông đã đứng lên cùng nhau đánh đuổi giặc Pháp. Cuộc khởi nghĩa này được đông đảo đồng bào các dân tộc thiểu số ở khu vực Hớn Quản hưởng ứng. Ông Điều Dố quy tụ được nhiều người khỏe mạnh, hăng hái vào lực lượng khởi nghĩa. Mỗi lần ra trận, ông Điều Dố và nghĩa quân dưới quyền chỉ có giáo mác, cung tên, cây rừng vạt nhọn, nhưng tinh thần chiến đấu thì vô cùng anh dũng. Ông Điều Dố lập căn cứ tại Núi Gió (Quản Lợi), chỉ huy nghĩa quân đánh các bót Hớn Quản, Bù Đốp và hoạt động ở nhiều nơi khác. Thực dân Pháp hoảng sợ, nhiều lần mở các cuộc càn quét đàn áp cuộc khởi nghĩa. Trước sức mạnh quân sự của Pháp và do lực lượng quá chênh lệch, ông Điều Dố và nghĩa quân rút về xóm Mát, xã Long Nguyên, huyện Bến Cát. Đến năm 1918, trong một cuộc chiến đấu ở vùng ngã ba Nhà Mát, xã Long Nguyên, ông Điều Dố bị giặc Pháp bắn chết. Không còn người chỉ huy nhưng đồng bào dân tộc thiểu số nơi đây vẫn tiếp tục cuộc chiến đấu chống lại ách thống trị của thực dân Pháp. Trong nhiều năm liền, từ năm 1919 đến năm 1923, nghĩa quân người dân tộc Xtiêng vẫn hoạt động và có lúc mở rộng địa bàn sang cả đất Campuchia ở vùng Xơây Khotum (Srey Khtum) và Xơây Chia (Srey Chia). Thực dân Pháp mở nhiều cuộc tấn công và kêu gọi nghĩa quân đầu hàng nhưng không có kết quả.

Từ năm 1912 trở đi, dưới sự lãnh đạo của N'Trang Lơng<sup>1</sup>, đồng bào các dân tộc vùng núi Bà Rá, Phú Riềng, Hớn Quản, Lộc Ninh... đã tổ chức nhiều cuộc khởi nghĩa chống lại giặc Pháp. Cầm đầu các cuộc khởi nghĩa là những người được đồng bào dân tộc thiểu số gọi là “Tướng lĩnh” như các ông R'Đinh - Chủ làng Xtiêng ở sóc Bù Kơn, ông R'Ônglen - Chủ làng Mnông ở khu vực sông Đắc Lung, sóc Bom Bu Nơr... Đội quân của họ thường có từ 150 đến 170 người, có lúc lên đến 400-500 người, gồm cả dân làng.

1. N'Trang Lơng (còn gọi là P'Trang Long, 1870-1935) là người Mnông, thủ lĩnh của phong trào chống Pháp ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ từ năm 1912 đến năm 1935.



Đầu năm 1912, trong một trận mở màn, nghĩa quân N'Trang Lơng đã phục kích bất ngờ, tấn công vào tòa đại lý Pu Sra tiêu diệt một số lính khố xanh và tên quan đồn. Sở chỉ huy của chúng ở chân núi Nam Lia cũng bị tiêu diệt cùng lúc. Phát huy thắng lợi vừa giành được, ngay sau đó, nghĩa quân lại phục kích các đơn vị tiếp tế của Henri Maike từ Kratié tới. Sau những chiến thắng đó, thanh thế của nghĩa quân ngày càng lớn mạnh. N'Trang Lơng lấy núi Nam Lung ở phía nam Đắc Mil làm căn cứ hoạt động.

Năm 1914, tiếp tục phát huy thế chủ động, N'Trang Lơng chỉ huy nghĩa quân tiêu diệt đồn Bu Mira. Tên Đại úy Đồn trưởng Henri Maike là kẻ có nhiều nợ máu với đồng bào dân tộc thiểu số. Chính hắn đã hãm hiếp, giết cả vợ và con của N'Trang Lơng. Đồn được xây dựng kiên cố với hai trung đội lính ngự được trang bị đầy đủ vũ khí nên N'Trang Lơng phải dùng kế trá hàng. Ông cho hai chỉ huy thân tín là R'Ônglen và R'Đinh dẫn một số nghĩa quân ra trá hàng.

Ngày 02/4/1914, lễ “đầu thú” được tổ chức long trọng tại Bu No - một địa điểm cách đồn Bu Mira hơn nửa ngày đường. Nghĩa quân kéo về dự rất đông. Lợi dụng việc bọn Pháp không biết mặt mình, N'Trang Lơng trà trộn vào một số thủ lĩnh ra “đầu thú”, chờ có cơ hội thuận tiện sẽ nhanh chóng tiêu diệt Henri Maike cùng những tên lính đi theo, sau đó sẽ tập kích đồn Bu Mira tiêu diệt số lính còn lại. Về phía Henri Maike, hắn tới địa điểm làm lễ “đầu thú” cùng 40 lính với súng ống đầy đủ.

Lễ “đầu thú” được tiến hành vào lúc xế chiều. Theo phong tục của đồng bào thì khi đình chiến hoặc liên minh quân sự với nhau, vũ khí của hai bên đều phải mang ra tế thần để cầu thần chứng giám. Giáo, mác, cung, nỏ của nghĩa quân cùng tất cả súng ống của giặc đều được bó lại và chất thành đống. Henri Maike cũng phải cởi cây súng ngắn và đặt trên sàn nhà bên cạnh các cây kiếm của thủ lĩnh nghĩa quân. Lúc “làm phép vũ khí”, N'Trang Lơng ngồi trước mặt Henri Maike mà hắn không biết vì được giới thiệu là một “Đầu làng”. Nhanh như chớp, N'Trang Lơng chồm lên đâm chết Henri Maike. Sau khi tiêu diệt xong bọn lính Pháp tại lễ đầu thú, nghĩa quân dùng kế nghi binh tiêu diệt đồn Bu Mira.

Sau thất bại cay đắng ở Bu Mira, thực dân Pháp tập trung lực lượng quân sự truy lùng ráo riết hòng bắt sống N'Trang Lơng. Trong hoàn cảnh đó, N'Trang Lơng cùng ban lãnh đạo khởi nghĩa tạm lánh sang vùng phía tây Di Linh (thuộc tỉnh Lâm Đồng ngày nay) hoạt động bí mật, chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài. Trong thời gian đó, Bu Luk Amprak vốn là



chủ làng người Mnông ở lưu vực sông Đăk Huýt, một tướng lĩnh tài giỏi được N'Trang Long giao cho việc lãnh đạo đồng bào Xtiêng, Mnông trên địa bàn rộng lớn thuộc toàn bộ vùng đất tỉnh Bình Phước ngày nay.

Mặc dù bị thực dân Pháp khủng bố dữ dội nhưng phong trào đấu tranh của các dân tộc thiểu số ở vùng Bà Rá, Hớn Quản vẫn được duy trì. Năm 1925, thực dân Pháp mở con đường 14 nối liền Sài Gòn với Đăk Lăk đến miền biển Trung Kỳ.

Đồng bào dân tộc thiểu số quanh vùng bị đẩy vào tình cảnh vô cùng khốn khổ: Thanh niên và người khỏe mạnh bị bắt đi làm phu cho Pháp, nhà cửa bị phá, dân phải bỏ đi ở nơi khác xa nguồn nước, nương rẫy đang mùa thu hoạch cũng không gặt hái được... Căm phẫn trước hành động tước đoạt tàn ác của giặc, đồng bào các dân tộc đã chống lại lệnh của tên quận trưởng, tổ chức lực lượng nghĩa quân do ông Rít Đình - tướng lĩnh của N'Trang Long chỉ huy, chặn đánh một số lính đi đàn áp đồng bào. Tên Quận trưởng Gatille đã bị nghĩa quân và đồng bào ở Bù Đốp tổ chức phục kích tiêu diệt. Thực dân Pháp đàn áp dã man nhưng cuộc đấu tranh của Nhân dân không vì thế mà bị dập tắt, khiến cho việc làm con đường này có lúc bị ngưng trệ. Tên Morie về thay làm Quận trưởng Bà Rá vẫn thực hiện chính sách thực dân, kẻ cướp. Đồng bào dân tộc thiểu số lại tiếp tục đấu tranh tìm cách tiêu diệt hắn.

Tinh thần đấu tranh bất khuất, kiên cường của nghĩa quân và đồng bào các dân tộc vùng Hớn Quản, Bà Rá là niềm tự hào của Nhân dân Bình Phước. Truyền thống đó tiếp tục được phát huy trong những năm dài theo Đảng kháng chiến để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc.

## **2. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su**

Trong thời Pháp thuộc, giai cấp công nhân nói chung và đội ngũ công nhân cao su nói riêng, luôn bị áp bức, bóc lột hết sức nặng nề. Trước sự áp bức và bóc lột tàn bạo của bọn chủ đồn điền và tay chân của chúng, người công nhân không có con đường nào khác là phải đứng lên đấu tranh chống lại để bảo vệ quyền sống của mình.

Trong thời kỳ đầu, do chưa có sự giác ngộ về giai cấp, chưa có nhận thức đúng đắn về phương hướng và mục tiêu đấu tranh nên những cuộc đấu tranh của công nhân cao su đều là những cuộc đấu tranh tự phát đòi tăng lương, cải thiện đời sống hoặc chống bóc lột, đàn áp. Những hình thức phản kháng tự phát khá phổ biến lúc bấy giờ là bỏ trốn, tự tử, nổi dậy giết những tên giám thị, cai độc ác, chém Tây, lãn công, triệt hạ cây trồng...



Bỏ trốn là một kiểu phản ứng thường thấy của những người phu trong giai đoạn đầu mới thành lập đồn điền. Nhưng trong số những người đi trốn, thì số trốn thoát được rất ít. Đa số họ, hoặc làm mồi cho thú dữ, hoặc bị những người dân tộc thiểu số bị Pháp mua chuộc bắt đem về nộp cho dịch lính thưởng, hoặc bị bọn lính đồn bắt lại trừng phạt, hành hạ đến thừa sống thiếu chết như trường hợp 7 người phu trốn bị lính bắt lại ở đồn điền Phú Riềng mà Trần Tử Bình đã kể lại trong hồi ký *Phú Riềng đỏ*: “Thằng chủ hạ lệnh cho lính mang giày đinh đá vào người, bắt dẫn người xuống đất, cho lính giẫm giày đinh lên lồng ngực, người đứng ngoài nghe thấy tiếng xương gãy kêu rau rầu. Giẫm giày đinh xong, chúng còn đánh tiếp một trận gậy “thừa sống thiếu chết” nữa rồi bỏ vào nhà tối cùm lại. Một tuần sau, nhân có chuyện phạt cùm một công nhân khác, chúng mở cửa nhà tối ra thì 7 người bữa đó đã chết hết, chân vẫn còn tra chéo trong cùm”. Đối với hình thức đấu tranh này của công nhân cao su, trở ngại lớn nhất là số đồng bào dân tộc thiểu số bị bọn chủ tư bản đồn điền Pháp vừa dọa dẫm, vừa dụ dỗ theo chúng để lòng bắt những công nhân chạy trốn. Có một số công nhân đồn điền cao su thoát khỏi bọn cai, bọn lính khố xanh nhưng lại không thoát khỏi tay một số người Thượng bị mua chuộc. Do đó, muốn chạy trốn được, anh em công nhân phải phá vỡ được âm mưu chia rẽ dân tộc bằng cách cảm hóa và xây dựng tình thương yêu, đoàn kết với đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là phải làm cho họ thấy được người Kinh và người dân tộc thiểu số tuy cảnh ngộ khác nhau nhưng đều là bạn, là anh em ruột thịt và đều có kẻ thù chung là thực dân Pháp. Trong quá trình đấu tranh tự phát chống bọn chủ tư bản đồn điền, công nhân cao su đã dần dần làm thất bại âm mưu chia rẽ dân tộc của thực dân Pháp. Số công nhân chạy trốn và thoát được ngày càng tăng.

Do số phu đồn điền bỏ trốn ngày càng nhiều nên năm 1927, thực dân Pháp phải thành lập “Sở những người kiểm soát lao động” (Service de controleurs de travail) với quyền hạn đặc biệt để bắt lại những công nhân chạy trốn. Do đó, từ những năm 1928-1929, chúng bắt được nhiều người bỏ trốn hơn so với thời gian trước.

Tự tử cũng là hình thức phản kháng tự phát, mang tính tiêu cực ở thời kỳ đầu. Do cuộc sống đen tối và đầy bi thảm, không có lối thoát, không hy vọng, không còn tha thiết gì với tương lai, công nhân đồn điền cao su đã dùng cách tự sát để chấm dứt nỗi khổ cực của mình. Cũng có người tự sát vì bị ô nhục, tinh thần bị tổn thương, phẩm giá bị nhơ nhuốc. Những trường hợp tự tử như vậy không phải là ít ở các đồn điền cao su trong những ngày đầu khi chưa có cách mạng dẫn dắt đấu tranh.



Nguyễn Mạnh Hồng - một công nhân cao su kỳ cựu từ năm 1930 ở đồn điền Phú Riềng nói về tình hình tự tử của phu đồn điền như sau: “Tự sát thì nhiều vì con đường đánh Tây để về Bắc rất khó nên người đau ốm chỉ giải quyết bằng cách tự sát: Tự sát trong nhà, tự sát ở suối nước. Từ nhà ra rừng cao su lúc nào cũng có mùi hôi thối của người tự sát treo cổ”<sup>1</sup>.

Trong cuốn hồi ký *Phú Riềng đỏ*, Trần Tử Bình cũng nói: “Công nhân thì quá cực đến nỗi có người ra rừng mượn sợi dây treo cổ lên cành cây cho thoát nợ”.

Nổi dậy chém giám thị, cai ác ôn và Tây là hình thức phản kháng quyết liệt nhất trong thời kỳ đầu. Uất ức đến cùng cực, lại cảm thấy không còn con đường sống nào khác, một số công nhân cao su đã chọn một hình thức phản kháng quyết liệt là vùng dậy chém bọn chủ Tây độc ác. Tiêu biểu nhất là tháng 10/1927, anh Nguyễn Đình Tư cầm đầu 120 công nhân làng 2 đồn điền cao su Phú Riềng nổi dậy chém chết tên Môngtây (Monteil). Thường xuyên chứng kiến cảnh công nhân bị đánh đập tàn nhẫn và hành động dâm dăng của bọn giám thị, cai, nhất là tên Môngtây, anh Nguyễn Đình Tư cùng một số anh em công nhân đã đồng lòng quyết trả thù bọn Tây, mà đối tượng đầu tiên là tên Môngtây khét tiếng tàn ác. Vào một buổi sáng điểm danh như thường lệ, lợi dụng lúc Môngtây đang mải mê hạch sách, nạt nộ công nhân, anh Nguyễn Đình Tư đột ngột đứng lên vung cao lưỡi búa nguyệt bổ xuống người hắn. Tiếp theo là hàng loạt lưỡi búa chứa chất căm hờn của công nhân làng 2 bổ tới tấp vào người tên ác ôn. Mặc dù bị tấn công bất ngờ và bị thương nặng nhưng hắn vẫn cố chạy về buồng riêng lấy súng. Tuy nhiên, mới tới chân cầu thang, Môngtây đã bị 9 nhát búa vào thân thể. Nhát búa cuối cùng bửa mất một nửa mặt của hắn. Những tên cai khác bị anh em công nhân dùng dao, cuốc, rựa đuổi chạy tán loạn.

Cuộc nổi dậy đã đạt được mục tiêu, Môngtây bị giết chết, nhưng ngay sau đó, anh em công nhân bị đàn áp khốc liệt. Tên chủ sở Triai (Trie) huy động lính vây tròn bốn phía, bắt đi khoảng 40-50 công nhân, đích thân Triai giương súng bắn chết một số người. Một số công nhân chạy thoát ra rừng nhưng họ bị bọn lính cùng người Thượng đuổi bắt đem về nộp lấy thưởng. Một số khác trúng đạn bị thương, bị lính lôi về nhưng không được cứu chữa theo lệnh chủ sở nên cũng chết. Những người chết bị vùi xác luôn ngoài rừng, cả những người còn ngắc ngoải cũng bị chôn sống. Sở Mật thám Biên Hòa tra tấn dã

---

1. Trích bài nói chuyện của đồng chí Nguyễn Mạnh Hồng, tài liệu lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Bình Dương.



man tất cả số công nhân bị bắt để tìm ra người chủ mưu. Anh Nguyễn Đình Tư bị Tòa án Biên Hòa kết án tử hình, hai công nhân khác bị xử tù chung thân. Sau vụ này, tên chủ sở Triai càng khùng bố, đàn áp công nhân dữ dội hơn. Cuộc nổi dậy này tuy bị tổn thất, do anh em công nhân chưa thấy được kẻ thù chính cần phải đánh đổ để tự giải phóng là toàn thể bọn chủ tư bản và bè lũ tay sai trong đồn điền, là chủ nghĩa thực dân Pháp đang nô dịch cả dân tộc, song đã tạo ra tiếng vang rất lớn. Báo chí tiếng Việt, tiếng Pháp xuất bản tại Sài Gòn đều đưa tin về sự việc này.

Kiện ra tòa và tố cáo tội ác của bọn chủ đồn điền cũng là một hình thức phản kháng tự phát của công nhân cao su trong thời kỳ đầu khi chưa có Đảng lãnh đạo. Tiêu biểu là vụ kiện ra tòa tên Valăngtanh (Valentin) đánh chết anh Nguyễn Văn Chánh ở đồn điền cao su Phú Riềng vào cuối năm 1927<sup>1</sup>.

Cầm phần trước hành động tàn ác của Valăngtanh, một số công nhân tiến bộ đã vận động mọi người cùng vợ anh Chánh làm đơn kiện ra Tòa án Biên Hòa. Chiếu theo đơn kiện, Tòa án Biên Hòa đã cử người về đồn điền lấy khẩu cung và khám nghiệm tử thi nhưng bọn chủ sở đã đút lót để chạy tội cho tên giết người. Vì vậy, kết quả xét xử thật chua chát. Tòa án Biên Hòa cho rằng Valăngtanh chỉ phạm tội ngộ sát và bắt hấn bồi thường 5 đồng cho vợ anh Chánh. Điều đó làm cho công nhân vừa phẫn uất, vừa bi quan nhưng đây cũng là bài học lớn đối với họ: Không bao giờ có sự công bằng và bình đẳng giữa kẻ đi xâm lược và người bị thống trị.

Cùng với việc kiện ra tòa, công nhân cao su đồn điền Phú Riềng còn khéo léo tố cáo tội ác của bọn chủ sở với thanh tra Pháp và thanh tra Việt khi họ về thanh tra đồn điền. Lần đầu, công nhân cao su tố cáo tội ác của bọn chủ sở với Đờlama (Delamarre) - Thanh tra lao động người Pháp vào cuối năm 1927; lần thứ hai công nhân tố cáo tội ác của bọn chủ đồn điền với Bùi Bằng Đoàn - Thanh tra của Chính phủ Nam Triều vào cuối năm 1928. Cả hai lần, công nhân đều khéo léo để các viên thanh tra này tận mắt chứng kiến tội ác man rợ của bọn chủ đồn điền. Song, việc tố cáo này của công nhân cũng không đem lại kết quả. Đờlama trong khi thu thập tư liệu đã ăn nhậu

---

1. Anh Nguyễn Văn Chánh là cai làng 2. Tuy làm cai nhưng anh Chánh là người tốt, không vào hùa với bọn cai, giám thị ác ôn hành hạ công nhân. Những vụ lãn công của anh chị em công nhân thường được anh Chánh che chở, hỗ trợ. Việc làm của anh không qua mắt được những tên do thám, chỉ điểm và làm cho tên chủ sở bức bối. Một buổi sáng, Valăngtanh ra lô sục sạo, kiểm chuyện với anh Chánh. Anh Chánh cãi lại, thế là nó đá vào mạng mỡ anh khiến anh ngã xuống ngất lịm. Thấy thế, nó cho là anh Chánh nằm vạ bèn đá bồi thêm mấy cái nữa. Anh Chánh chết ngay tại chỗ, bỏ lại vợ và hai đứa con còn nhỏ dại.



chè chén, nhận quà đút lót của chủ sở rồi lặng lẽ ra về. Còn Bùi Bằng Đoàn, với tính tình khảng khái, cũng thu thập được nhiều tư liệu nhưng không làm được gì vì triều đình Huế đã quá yếu thế, chỉ còn là công cụ để bọn thực dân đế quốc sai khiến.

Trong các hình thức đấu tranh tự phát của công nhân cao su trước khi Đảng ra đời còn có hình thức lãn công, triệt hạ cây. Hình thức đấu tranh này cũng giống hình thức đấu tranh phá hoại máy móc của công nhân công nghiệp phương Tây. Người công nhân trút căm thù lên tài sản của bọn chủ đồn điền. Hình thức đấu tranh này cũng gây ra cho bọn chủ đồn điền thiệt hại đáng kể về mặt kinh tế. Vì vậy, chúng buộc phải thay đổi cách đối xử và phương thức bóc lột. Ở đồn điền Phú Riềng, khi Vasê (Vachet) về thay cho Triai. Vừa đặt chân đến đồn điền (1928), hắn đã tuyên bố: “Cấm xuvâyđăng đánh đập công nhân”. Vasê còn bỏ tiền ra mua sắm quần áo, mũ mao, nhị, trống cho công nhân lập phường chèo, phường nhạc cổ. Bằng cách đó, Vasê cho rằng sẽ xoa dịu được công nhân để họ khỏi nổi loạn. Ngoài ra, Vasê còn đặt ra chế độ khoán công việc nhưng lương vẫn cố định để hạn chế việc công nhân lãn công.

Như vậy, ngay trong những ngày đầu tư bản thực dân Pháp khai thác đồn điền cao su, công nhân đã đứng lên chống lại chế độ hà khắc, chống lại sự đối xử dã man, tàn bạo của bọn chủ tư bản đồn điền với nhiều hình thức, mức độ khác nhau. Các cuộc đấu tranh này thực chất là đấu tranh giai cấp nhưng nhìn chung mới chỉ là những phản kháng mang tính tự phát. Một vài hình thức đấu tranh còn mang tính chất tiêu cực, ý thức giác ngộ giai cấp chưa cao. Mặt khác, những cuộc đấu tranh này diễn ra lẻ tẻ ở nơi này, nơi khác, chưa kết hợp thành phong trào đấu tranh chung, do vậy, hầu hết bị thất bại và nhiều trường hợp bị đàn áp đẫm máu. Tuy nhiên, qua những cuộc đấu tranh thời kỳ này, công nhân càng yêu thương, hiểu biết và gắn bó với nhau hơn. Nhận thức của họ về kẻ thù, về giai cấp ngày càng được nâng cao, kinh nghiệm đấu tranh cũng được tích lũy phong phú hơn.

Sau một thời kỳ đấu tranh dưới các hình thức tự phát chống lại chế độ hà khắc và sự dã man ở các đồn điền, cuối những năm 20 của thế kỷ XX, cùng với phong trào công nhân cả nước, phong trào đấu tranh của công nhân cao su ở Bình Phước bắt đầu có những chuyển biến mới mang tính tự giác.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, sau là Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở đồn điền Phú Riềng, công nhân cao su Bình Phước bắt đầu chuyển từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh



tự giác, ý thức giai cấp và phong trào đấu tranh của công nhân cao su có sự trưởng thành vượt bậc, góp phần to lớn vào phong trào đấu tranh cách mạng của Nhân dân cả nước.

\*

\* \*

Từ khi thực dân Pháp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, đồng bào các dân tộc thiểu số đã anh dũng đứng lên đấu tranh chống lại sự cướp đoạt trắng trợn và tàn bạo của bọn tư bản thực dân. Các cuộc đấu tranh của đồng bào dân tộc thiểu số làm cho tư bản thực dân Pháp phải mất nhiều năm mới thành lập được các đồn điền cao su và dựng lên tầng lớp tay sai thân Pháp để đàn áp Nhân dân.

Cùng với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, các đồn điền cao su được thành lập và đội ngũ công nhân cao su ra đời. Khi chưa có Đảng lãnh đạo, công nhân cao su phải chịu bao cảnh cơ cực, lầm than do sự bóc lột tàn khốc của tư bản đồn điền Pháp. Không cam chịu kiếp sống nô lệ, buổi đầu, công nhân cao su phản ứng chống lại bọn chủ tư bản Pháp nhưng chỉ là những cuộc đấu tranh tự phát, đơn lẻ, không đem lại thắng lợi. Trái lại, bọn chủ tư bản đồn điền kết hợp với bộ máy thống trị thực dân đã đàn áp công nhân vô cùng dã man. Cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số và công nhân cao su cực kỳ đen tối, tưởng như không có lối thoát.

Việc Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và sau đó là Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời ở đồn điền Phú Riềng đã tạo một luồng sinh khí mới cho phong trào cách mạng của Nhân dân địa phương. Chi bộ cộng sản ở đồn điền Phú Riềng là một trong những chi bộ ra đời sớm nhất ở miền Đông Nam Bộ. Đó là kết quả quá trình đấu tranh anh dũng của đồng bào các dân tộc thiểu số và công nhân cao su, là kết quả của quá trình tuyên truyền vận động, xây dựng tổ chức của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Đông Dương Cộng sản Đảng. Với truyền thống anh dũng quật cường, vùng đất Bình Phước chính là một trong những nơi ươm trồng những hạt giống cách mạng của Đảng. Từ khi có chi bộ cộng sản, công nhân cao su và đồng bào các dân tộc thiểu số được tuyên truyền, giác ngộ và tổ chức lại. Họ đã nhận rõ bản chất, bộ mặt thật của bọn tư bản thực dân, từng bước giác ngộ giai cấp và nhận thức phương pháp đấu tranh cách mạng đúng đắn theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chính vì vậy, phong trào đấu tranh của công nhân cao su và đồng bào các dân tộc thiểu số trong những năm 1928-1930 đã chuyển dần từ tự phát sang tự giác. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, phong trào đấu tranh cách mạng của Nhân dân Bình Phước bước vào giai đoạn mới: Đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.



PHẦN I

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN BÌNH PHƯỚC  
ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA  
GIÀNH CHÍNH QUYỀN  
(1930-1945)**





## **Chương I**

# **SỰ RA ĐỜI CỦA CHI BỘ CỘNG SẢN ĐẦU TIÊN VÀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THÀNH LẬP ĐẢNG (1930-1939)**

### **I. CHI BỘ CỘNG SẢN ĐẦU TIÊN RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO CUỘC ĐẤU TRANH CỦA CÔNG NHÂN CAO SU PHÚ RIÊNG (1929-1930)**

Tháng 6/1925, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra đời ở Quảng Châu (Trung Quốc), do đồng chí Nguyễn Ái Quốc sáng lập và lãnh đạo. Đây là tổ chức tiền thân chuẩn bị cho sự ra đời một đảng mácxít ở Việt Nam. Nhiều hội viên sau khi học, tập huấn luyện ở đây đã trở về nước hoạt động.

Năm 1927, Kỳ bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Nam Kỳ được thành lập. Năm 1928, thực hiện chủ trương “Vô sản hóa”, nhiều hội viên của Kỳ bộ đã đi làm phu, làm thợ ở các nhà máy, đồn điền miền Đông Nam Kỳ để tuyên truyền, vận động và xây dựng tổ chức cách mạng, đồng thời cũng tự rèn luyện lập trường, quan điểm giai cấp công nhân. Một trong những hội viên tiêu biểu là đồng chí Nguyễn Xuân Cừ (tức Nguyễn Văn Vĩnh) được cử “vô sản hóa” ở đồn điền cao su Phú Riềng. Đồng chí Cừ quê ở Bắc Ninh, học sinh trường Bưởi Hà Nội, có bằng tú tài, nói tiếng Pháp thông thạo, sớm giác ngộ cách mạng. Đồng chí đến thực hiện “vô sản hóa” ở cao su Phú Riềng vào khoảng đầu năm 1928.

Làm công nhân ở Phú Riềng, đồng chí rất thận trọng khi thâm nhập vào công nhân. Trước khi tuyên truyền cho ai, đồng chí đều điều tra, nghiên cứu kỹ người đó. Đồng chí tuyên truyền những kinh nghiệm, cũng như phương pháp đấu tranh cụ thể, chỉ ra cho họ thế nào là một cuộc đấu tranh có tổ chức (phải đề ra khẩu hiệu, yêu sách đấu tranh, phải lập ban lãnh đạo, phải có tổ chức bảo hộ, phải tích trữ lương thực...). Đồng chí kể cho họ nghe về nước Nga Xôviết, về phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân thế giới... Quan trọng hơn cả là đồng chí thường giảng giải kỹ vấn đề lý luận cách mạng có

quan hệ trọng đại đến phong trào cách mạng như thế nào và nêu lên những phương pháp đấu tranh mới. Những vấn đề đó hoàn toàn mới mẻ đối với những người công nhân ở đây, có tác dụng lớn đối với phong trào công nhân Phú Riềng. Người đầu tiên đồng chí tìm đến liên lạc là Trần Tử Bình, lúc đó đang làm công nhân quét dọn, giặt giũ ở trạm xá, người nổi tiếng trong các cuộc đấu tranh trước đây. Sau một thời gian vận động, tuyên truyền, nhiều công nhân dần dần nảy sinh tình cảm đối với cách mạng và ít lâu sau họ xin vào tổ chức.

Tháng 4/1928, Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đồn điền Phú Riềng được thành lập gồm 5 hội viên Nguyễn Xuân Cừ, Trần Tử Bình, Phan Thu Hồng, Tạ và Hòa; do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư. Đây là tổ chức cách mạng có xu hướng cộng sản đầu tiên, đã lãnh đạo công nhân Phú Riềng cho đến cuối tháng 10/1929.

Ngày 20/10/1929, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, một cuộc đình công lớn với 2.000 công nhân tham gia đã nổ ra ở Phú Riềng. Đây là cuộc đình công đông đảo nhất so với trước đó. Anh em công nhân cử đại diện lên gặp tên chủ sở Xumanhắc (Soumagnac) đưa các yêu sách đòi tăng lương, chống đánh đập, không ăn gạo ảm, gạo mục, nữ công nhân nghỉ đẻ vẫn được hưởng lương... Đầu tiên, tên chủ sở cho lính đến đàn áp và bắt một số công nhân đánh đập dã man. Anh em công nhân kiên trì đấu tranh không manh động, buộc chủ chấp nhận giải quyết các yêu sách. Thắng lợi này đã cổ vũ phong trào công nhân địa phương trong bối cảnh các tổ chức cộng sản đang hình thành trên cả nước.

Sau khi được thành lập, khoảng tháng 8/1929, Trung ương lâm thời Cộng sản Đảng ở Bắc Kỳ cử đồng chí Ngô Gia Tự và một số đồng chí khác vào Sài Gòn xây dựng 3 cơ sở trọng yếu của Đảng ở 3 nơi trên đất Nam Kỳ đó là: Vĩnh Kim (Mỹ Tho), Ba Son (Sài Gòn) và Phú Riềng. Sau một thời gian ở Sài Gòn, đồng chí Ngô Gia Tự liên lạc được với đồng chí Nguyễn Xuân Cừ ở Phú Riềng. Lúc này, đồng chí Cừ bên trong là Bí thư Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Phú Riềng, bên ngoài lại là Thư ký cho tên giám thị Lobông ở làng 3, nên được chủ sở cấp giấy đi lại tự do. Nhờ vậy, đồng chí Cừ đi lại nhiều lần lên Sài Gòn - Chợ Lớn, lấy cớ đi thăm họ hàng, nhưng thực chất là lên gặp đồng chí Ngô Gia Tự để báo cáo tình hình và nhận sự chỉ đạo.

Thực hiện chủ trương phát triển tổ chức của Trung ương lâm thời Đông Dương Cộng sản Đảng, đồng chí Ngô Gia Tự đã chỉ đạo cho đồng chí Nguyễn Xuân Cừ thành lập Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở Phú Riềng. Vào đêm



28/10/1929, tại bờ suối trong khu rừng sau lưng làng 3, Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đồn điền cao su Phú Riềng được thành lập, gồm có 6 đảng viên là: Nguyễn Xuân Cừ, Trần Tử Bình, Phan Thu Hồng, Tạ, Hòa và Doanh. Đồng chí Nguyễn Xuân Cừ được cử làm Bí thư Chi bộ. Đây là chi bộ cộng sản đầu tiên của Bình Phước và cũng là chi bộ đầu tiên của ngành cao su Việt Nam.

Sau khi thành lập, Chi bộ phân công các đồng chí đảng viên phụ trách các mặt công tác: Đồng chí Trần Tử Bình phụ trách Đội Thanh niên xích vệ, đồng chí Tạ phụ trách làng 2, đồng chí Hồng phụ trách nghiệp đoàn, đồng chí Doanh phụ trách làng 3, đồng chí Hòa cùng làm ở gara ô tô để giúp đồng chí Hồng trong công tác vận động công nhân lái xe và cơ khí ở đó. Các đảng viên trong chi bộ khẩn trương bước vào cuộc chiến đấu mới, nhằm đáp ứng yêu cầu của phong trào công nhân, đồng thời nhằm đối phó với những âm mưu và hành động nham hiểm của kẻ thù.

Các đảng viên được học tập về chủ trương của Đảng, trong đó có các vấn đề đem lại ruộng đất cho dân cày, công nhân phải tiến lên giành lại nhà máy, đồn điền và giải phóng dân tộc, được đọc báo *Thanh niên giải phóng* của Đông Dương Cộng sản Đảng, báo *Nhân đạo* của Đảng Cộng sản Pháp.

Về phương hướng đấu tranh, Chi bộ chủ trương đi ngay vào việc tổ chức đấu tranh đòi các quyền lợi thiết thực như tăng lương, cải thiện chỗ ăn, chỗ ở, điều kiện sinh hoạt văn hóa, tinh thần của công nhân, đấu tranh không được cúp phạt, đánh đập...

Trên cơ sở Nghiệp đoàn công nhân đã được thành lập tháng 6/1928, đến lúc này, Chi bộ chú ý xây dựng một nghiệp đoàn bí mật, đông đảo và vững mạnh hơn. Nghiệp đoàn do đồng chí Hồng làm thư ký. Tháng 11/1929, đồng chí Hồng đã tổ chức thành công cuộc đấu tranh đưa yêu sách cho bọn cai quản xưởng cơ khí đòi tăng lương, chống đánh đập, trợ cấp cho phụ nữ hậu sản... Công nhân tham gia nghiệp đoàn rất đông. Thông qua nghiệp đoàn vận động, mọi chủ trương của Chi bộ đều được công nhân ủng hộ. Chính nhờ tổ chức này mà Chi bộ Phú Riềng dù chưa đến 10 đảng viên nhưng vẫn đủ sức lãnh đạo các cuộc đấu tranh từ nhỏ đến lớn.

Nghiệp đoàn còn ra tờ báo *Giải thoát* nhằm tuyên truyền, giáo dục ý thức cách mạng, hướng dẫn công nhân đấu tranh theo đường lối của Đảng. Tờ báo được in bí mật và phân phát cho công nhân chuyền tay nhau xem. Nội dung báo sát với tình hình, phê phán những thói hư tật xấu trong công nhân do chế độ thực dân gây ra, nêu kinh nghiệm đấu tranh của công nhân các nơi, nêu lên đạo đức mới của công nhân, thông tin hoạt động nghiệp đoàn ở các đồn điền,



thời sự, chính trị quốc tế... Tờ *Giải thoát* được đồng chí Ngô Gia Tự thường xuyên theo dõi và chỉ dẫn. Đây là tờ báo đầu tiên của công nhân ngành cao su Việt Nam. Tờ *Giải thoát* cùng với những tờ báo, tài liệu do cấp trên chuyển đến và sự hoạt động tích cực của các đảng viên cộng sản, các cán bộ nghiệp đoàn đã góp phần nâng cao sự giác ngộ của giai cấp công nhân và chỉ cho họ biết con đường để đấu tranh giành thắng lợi.

Ngoài tổ chức nghiệp đoàn, Chi bộ còn có một đội thanh niên xích vệ rất mạnh, do đồng chí Trần Tử Bình phụ trách. Chi bộ tổ chức ở mỗi làng một tiểu đội gồm 40 thanh niên công nhân, vũ trang bằng nhiều thứ vũ khí tự tạo. Tổ chức này có nhiệm vụ bảo vệ Chi bộ, bảo vệ công nhân trong các cuộc đấu tranh, lúc bình thường thì canh gác xóm làng. Đội vũ trang này đã phát huy vai trò rất lớn trong cuộc nổi dậy “Phú Riềng đỏ” vào tháng 02/1930.

Chi bộ Phú Riềng rất chú trọng công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên mới. Đêm ngày 07/11/1929, Chi bộ bí mật tổ chức kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga và kết nạp đảng viên mới là đồng chí Nguyễn Mạnh Hồng. Ngoài ra, Chi bộ còn góp phần vào việc đào tạo “hạt giống đỏ” cho các đồn điền khác. Đến cuối năm 1929, đồng chí Nguyễn Xuân Cừ - Bí thư Chi bộ bị thực dân Pháp đuổi khỏi đồn điền vì chúng nghi ngờ đồng chí làm chính trị. Đồng chí phải thôi việc, về Sài Gòn hoạt động bất hợp pháp. Đồng chí Trần Tử Bình thay thế làm Bí thư Chi bộ và tiếp tục lãnh đạo cuộc đấu tranh trong tình hình mới.

Cuối tháng 01/1930, Chi bộ phát động một cuộc đấu tranh lớn, được tuyệt đại đa số anh em công nhân ủng hộ. Mục đích của cuộc đấu tranh này là đòi quyền lợi kinh tế cho nhiều đối tượng. Để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh, đêm ngày 28 Tết (tức ngày 27/01/1930), Ban Chấp hành Nghiệp đoàn cao su, theo chỉ thị của Chi bộ cộng sản, đã mở Hội nghị đại biểu công nhân của 5 trong số 10 làng công nhân, thảo luận nhiều lần và nhất trí với các yêu sách: Cấm đánh đập, cấm cúp phạt lương, miễn sưu thuế, trả lương cho công nhân nghỉ đẻ, bồi thường cho công nhân bị tai nạn lao động, trả về quê cũ những người hết hạn giao kèo, trả tự do cho những người bị bắt...; đồng thời, kiểm tra lại tình hình chuẩn bị, thống nhất yêu sách đề ra, thống nhất đánh “đòn thị uy ra quân” vào dịp chúc Tết chủ sở vào sáng mồng 1 Tết.

Sáng mồng 1 Tết Canh Ngọ (tức ngày 30/01/1930), cuộc đấu tranh mở đầu bằng “đòn thị uy ra quân”. Công nhân lợi dụng việc chúc Tết, đưa các yêu sách lên chủ sở, nhưng không được trả lời. Trước tình hình đó, các đảng viên và cán bộ nghiệp đoàn tăng cường tuyên truyền, giải thích cho công nhân hiểu rõ vì sao họ bị cực khổ, đồng thời kêu gọi anh em đồng tâm hiệp lực kiên trì



đấu tranh đòi cho được quyền lợi. Được đông đảo công nhân đồng tình ủng hộ, Chi bộ quyết định tiến tới bãi công sau 3 ngày Tết.

Ban Chấp hành Nghiệp đoàn, được sự chỉ đạo của Chi bộ, đã bí mật thông báo cho công nhân ở đâu cứ ở yên đó, đến bao giờ bọn chủ giải quyết những yêu sách của mình, Ban Chấp hành Nghiệp đoàn sẽ thông báo cho anh em đi làm.

Ngày 03/02/1930 (mồng 5 Tết) - ngày trở lại làm việc đầu tiên sau kỳ nghỉ Tết, 5.000 công nhân thực hiện tổng bãi công.

Về phía chủ sở, thấy hết hạn nghỉ mà toàn thể phu, thợ không ai đi làm, chúng bèn ra lệnh cho bọn cai, lính đến thúc ép công nhân đi làm. Tên cai Tây Đờcát Ly đã đánh chết anh Cảo ở làng 9, bắt giam anh cai Lự... Công nhân lập tức phản kháng, đánh đuổi và sau đó đưa đơn kiện lên chủ sở.

Nhảy bén với sự kiện nóng hổi vừa xảy ra, Chi bộ giao cho Nghiệp đoàn phát động biến cảm thù bằng một cuộc thị uy trực diện với chủ sở và đưa những yêu sách mới: Phải bồi thường tính mạng anh Cảo, trả tự do cho cai Lự, đuổi tên cai Tây giết người..., đồng thời đổi khẩu hiệu mới là “Chủ sở không chấp nhận yêu sách, quyết không đi làm”. Cuộc đấu tranh đã được đại đa số công nhân đồng tình ủng hộ.

Sáng ngày 04/02/1930, nghiệp đoàn tổ chức một cuộc biểu tình lớn bao gồm công nhân 10 làng tham gia, có các đội tự vệ hỗ trợ. Quận trưởng Bà Rá Morie trực tiếp dẫn 25 lính khố đỏ đến đàn áp công nhân. Nhưng đối mặt với khoảng 800 công nhân cùng khí thế áp đảo, bọn chúng phải nhượng bộ, rút lui. Ta bắt được 5 tên, thu 7 khẩu súng, trang bị cho đội tự vệ. Đoàn biểu tình hiên ngang kéo thẳng vào gặp Chủ sở Xumanhắc. Chủ sở sợ quá phải mở cửa điều đình. Công nhân cử 2 đồng chí là Hồng và Tà đưa yêu sách đã vạch ra từ trước. Tên Chủ sở Xumanhắc sợ hãi phải chấp nhận yêu sách mà không dám chần chừ. Biên bản được ký kết giữa chủ sở và công nhân, cam kết thực hiện những yêu sách của công nhân. Đây là điều có một không hai ở Phú Riềng vào lúc đó. Lần đầu tiên trong lịch sử, tư bản đồn điền cao su Pháp ở Việt Nam ký vào biên bản chấp nhận yêu sách của công nhân.

Sau thắng lợi của công nhân, đại diện Ban Chấp hành Nghiệp đoàn tuyên bố giải tán lực lượng để ngày mai đi làm. Tuy nhiên, chủ trương đúng đắn này không được chấp hành nghiêm chỉnh. Anh em công nhân vì quá say sưa với chiến thắng, một số cán bộ, đảng viên nảy sinh tư tưởng manh động, nên trên đường về làng đã biểu dương lực lượng, hoạt động công khai. Họ tổ chức diễn văn nghệ, luyện tập quân sự, diễn thuyết, bắn súng thị uy làm khơi dậy tinh thần khởi nghĩa. Bọn cai, lính hoang mang bỏ chạy, không dám chống cự.



Tình hình đó càng làm cho anh em công nhân tưởng rằng ngày đấu tranh giành chính quyền ở Phú Riềng đã đến. Do đó, ở nhiều làng, bà con công khai treo cờ đỏ búa liềm, các tổ chức nghiệp đoàn, thanh niên tự vệ, Chi bộ đảng từ chỗ hoạt động bí mật chuyển ra hoạt động công khai. Công nhân làm chủ các làng và làng 3 trở thành trung tâm hoạt động công khai. Họ tổ chức đi phá kho gạo, kho thực phẩm... lấy chia cho công nhân, còn lại đem vào rừng dự trữ, phòng khi cuộc đấu tranh kéo dài thì vẫn có lương thực để sống.

Đến đây, một vấn đề cấp bách đặt ra là cuộc đấu tranh sẽ được phát triển như thế nào và sẽ đi tới đâu? Một cuộc tranh luận đã diễn ra ở Hội nghị Chi bộ đảng. Có hai luồng ý kiến khác nhau: Một luồng ý kiến của đa số đảng viên là đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh; còn một luồng ý kiến của các đồng chí Trần Tử Bình, Nguyễn Mạnh Hồng và một số đảng viên khác thì không đồng ý, đề nghị giải tán để bảo toàn lực lượng.

Trong lúc đang có hai luồng ý kiến như vậy, Xứ ủy Nam Kỳ đã cử đồng chí Nguyễn Xuân Cừ (lúc này ở Sài Gòn) đến Phú Riềng để kịp thời chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh. Đồng chí Nguyễn Xuân Cừ đã nắm tình hình và cùng Chi bộ, cán bộ nghiệp đoàn thuyết phục công nhân chấp hành chủ trương của Đảng: Trở về gia đình, trở lại lao động, trả vũ khí cho chủ.

Ngày 06/02/1930, công nhân tổ chức biểu tình ngòi. Riêng tại làng 3 và làng 9, nhiều tình huống căng thẳng giữa ta và địch đã diễn ra.

Trong khi đó, tên Xumanhắc tìm biện pháp đối phó mạnh. Một mặt, hấn tập trung 10 nhân viên người Tây và một số cai, sếp lính người Việt có vũ khí để bảo vệ dinh cơ; mặt khác báo về cho Tỉnh trưởng Biên Hòa, Thống đốc Nam Kỳ ở Sài Gòn xin giải cứu.

Nhận được điện báo của Xumanhắc, địch cấp tốc huy động một lực lượng lớn gồm có Thống đốc Nam Kỳ, Chánh mật thám Đông Dương, Công sứ Biên Hòa cùng 500 lính bộ binh, xe bọc thép, 3 máy bay đến uy hiếp tinh thần công nhân và sẵn sàng nổ súng. Tuy nhiên, chúng không thực hiện được ý đồ vì ta đã chủ động đấu tranh ôn hòa nên địch không có lý do gì để đàn áp. Chúng chỉ dọa rằng cứ đi làm việc ngày mai thì được lãnh gạo, còn ai đình công thì bị phạt.

Tất cả công nhân đều ngòi chỉnh tề và cử đại diện đứng ra đối đáp với chủ sở, rồi đưa yêu sách. Riêng ở làng 9, lúc đầu chánh mật thám hạ lệnh bắt 25 công nhân lên xe, ta đấu tranh quyết liệt nên chúng phải thả hết. Rồi hai bên tiếp tục đấu lý với nhau và sau đó, bọn chúng đành phải nhượng bộ và hứa sẽ giải quyết những yêu sách của công nhân...



Sau 8 ngày đấu tranh anh dũng (từ ngày 30/01 đến ngày 06/02/1930), “Phú Riềng đỏ” đã giành được thắng lợi to lớn, gây ảnh hưởng rộng rãi và để lại nhiều bài học sâu sắc. Cuộc đấu tranh này đã làm rung chuyển cả hệ thống “địa ngục cao su Đông Dương”, làm chấn động dư luận trong nước và nước Pháp.

Sự kiện “Phú Riềng đỏ” chứng tỏ rằng một khi phong trào đấu tranh của công nhân có sự lãnh đạo của tổ chức đảng Cộng sản thì sẽ phát huy được bản chất sáng tạo của lực lượng quần chúng, làm xuất hiện những nhân tố mới, khả năng mới; đồng thời cũng chứng minh năng lực lãnh đạo, uy tín lãnh đạo của Chi bộ Phú Riềng đỏ - Chi bộ Đảng của giai cấp công nhân.

## II. ĐẤU TRANH CHỐNG KHỦNG BỐ TRẮNG, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG (1930-1935)

### 1. Khủng bố trắng của thực dân Pháp sau năm 1930

Trước làn sóng cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ khắp nơi trong cả nước, thực dân Pháp và tay sai đã tập trung mọi lực lượng khủng bố những người cộng sản và tổ chức cơ sở đảng. Chúng thẳng tay đàn áp dã man những chiến sĩ cách mạng, nhiều cơ sở đảng bị tan vỡ, nhiều đảng viên ưu tú bị chúng sát hại. Phong trào cách mạng trong tỉnh cũng như trong cả nước lâm vào tình thế khó khăn nghiêm trọng.

Trên phạm vi cả nước, chỉ trong 3 ngày tháng 5/1931, thực dân Pháp đã bắt giam 246.532 người, kết án tử hình 8 người và kết án tù chung thân 98 người. Tại Sài Gòn, tính đến năm 1935, chúng đã giết hại 833 người. Tháng 4/1931, đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú và hầu hết các đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng đều bị địch bắt. Xứ ủy Nam Kỳ cũng tan rã.

Từ năm 1932 đến tháng 5/1935, Xứ ủy Nam Kỳ 4 lần bị thực dân Pháp đánh tan. Nhưng với truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm, Nhân dân cả nước vẫn tìm cách bảo vệ những cơ sở cách mạng. Các cơ sở cách mạng vẫn khéo léo tiếp tế cho các chiến sĩ cách mạng bị cầm tù và đấu tranh hợp pháp giữ vững quyền lợi kinh tế hàng ngày và giữ vững tấm lòng son sắt với cách mạng.

Về tình hình trong tỉnh, phong trào cách mạng cũng gặp khó khăn vì hệ thống trạm kiểm soát, mạng lưới mật vụ, chỉ điểm thực dân Pháp hoạt động ráo riết. Ở Phú Riềng, sau cuộc đấu tranh của công nhân vào tháng 02/1930, theo lệnh Chánh mật thám Đông Dương, tên Quận trưởng Bà Rá Morie đã đưa 10 lính “sen đầm” và 120 nhân viên an ninh Việt gian tiến hành khủng bố



những công nhân tham gia đấu tranh. Chúng bắt đồng chí Bí thư Chi bộ, nhiều đảng viên cộng sản và hơn 100 công nhân, trong đó có nhiều thanh niên tự vệ và cán bộ nghiệp đoàn.

Sở dĩ có tổn thất lớn này là do ta chưa có kinh nghiệm hoạt động bí mật. Do quá say sưa trong thắng lợi của những ngày nổ ra cuộc đấu tranh nên đa số các đồng chí trong Chi bộ và Ban Chấp hành Nghiệp đoàn đều bị địch phát hiện. Những người bị bắt bị địch đem về giam ở nhà tù Bà Rá, sau chuyển sang khám Biên Hòa. Ở hai nơi này, họ phải chịu nhiều đòn tra tấn dã man, nhưng hầu hết đều giữ vững khí tiết, không chịu khai báo. Không những thế, họ đều chuẩn bị tư tưởng trước khi ra trước tòa án đế quốc.

Ở Tòa án Biên Hòa, các đồng chí Trần Tử Bình, Nguyễn Mạnh Hồng, Tạ, Doanh... đấu lý với bọn quan tòa quyết liệt, đã dũng cảm vạch trần tội ác của chúng với những lý lẽ đanh thép, hùng hồn. Tư thế vững vàng, bất khuất của họ đã tạo được tiếng vang lớn, tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh của công nhân và tầng lớp lao động ở Biên Hòa, nhất là công nhân nhà máy cửa BIF Biên Hòa. Trước tình hình đó, bọn quan tòa vội vàng tuyên án cho xong.

Đến tháng 5/1930, vụ án Phú Riềng lại tiếp tục được đưa ra tòa án đại hình ở Sài Gòn. Được sự hậu thuẫn của công nhân và Nhân dân Sài Gòn có mặt trong phiên tòa, cùng với sự khích lệ của phong trào đấu tranh sôi nổi nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5 trong cả nước, một lần nữa, những người cộng sản và công nhân Phú Riềng đã thể hiện tư thế vững vàng, đầy dũng khí làm cho mọi tầng lớp nhân dân Sài Gòn khâm phục.

Thực dân Pháp âm mưu qua vụ xử án công khai này để làm ô danh Đảng ta và ngăn chặn các cuộc nổi dậy của quần chúng cách mạng, nhưng chúng đã thất bại. Các đồng chí của ta đã biến phiên tòa thành diễn đàn tố cáo tội ác của bọn thực dân ngay tại Sài Gòn - trung tâm chính trị, kinh tế của xứ Đông Dương lúc bấy giờ.

Cuộc khủng bố trắng của thực dân Pháp ở nước ta diễn ra trong bối cảnh cuộc khủng hoảng kinh tế của tư bản chủ nghĩa đã ảnh hưởng trực tiếp đến Đông Dương. Vì vậy, Nhân dân Nam Bộ nói chung và Nhân dân Bình Phước nói riêng càng chịu những hậu quả rất nặng nề, bi thảm. Thực dân Pháp tưởng rằng những chính sách đàn áp đẫm máu của chúng có thể tiêu diệt được Đảng Cộng sản và dập tắt phong trào cách mạng, nhưng chúng đã lầm. Từ năm 1932, phong trào cách mạng bắt đầu được khôi phục trên phạm vi cả nước.



## 2. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su

Mở đầu cho sự khôi phục phong trào cách mạng ở Đông Nam Bộ là cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Dầu Tiếng vào giữa tháng 12/1932.

Cuộc đấu tranh này vừa chấm dứt thì tháng 02/1933, ở Dầu Tiếng lại nổ ra một cuộc đấu tranh mới. Trước tình hình các cuộc đấu tranh ở Dầu Tiếng nổ ra liên tiếp, Thành ủy Sài Gòn đã cử đồng chí Văn Công Khai<sup>1</sup> đến đây tổ chức Công hội đỏ để làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh và chuẩn bị xây dựng chi bộ đảng.

Những cuộc đấu tranh của công nhân Phú Riềng, Dầu Tiếng đã ảnh hưởng sâu rộng đến các đồn điền cao su khác. Công nhân các đồn điền Lộc Ninh, Đa Kia đã thấy rõ vai trò của mình trong sự nghiệp đấu tranh giành quyền sống và giải phóng giai cấp, từ đó hướng theo ngọn cờ của Đảng đứng lên đấu tranh. Tháng 5/1935, hơn 500 công nhân các làng, sở thuộc đồn điền Lộc Ninh, Đa Kia đã bãi công, biểu tình đòi chủ sở không được tự tiện giảm lương công nhân từ 46 xu/ngày xuống 30 xu/ngày, không được uy hiếp công nhân. Bọn chủ sở viện lý do đó là quyết định của chính phủ bảo hộ nên chúng không chấp nhận yêu sách. Công nhân các đồn điền Lộc Ninh, Đa Kia, dưới sự lãnh đạo của Ban Tổ chức đấu tranh, đã mang gậy, giáo mác ùn ùn kéo đến văn phòng chủ sở. Đoàn đấu tranh lúc đầu có khoảng 500 người, nhưng về sau đông lên gần gấp đôi, có cả công nhân người Thượng cầm xà gạc, cung tên, ná, nổ tham gia. Đoàn người đến điểm tập trung, đồng thanh hô khẩu hiệu: “Không được giảm lương của công nhân”.

Đại diện công nhân gặp chủ sở đưa tận tay bản yêu sách, buộc chúng phải giải quyết ngay. Trước khí thế sôi sục của công nhân, một mặt chủ sở phải cử người nhận yêu sách của công nhân và xoa dịu bằng cách bảo rằng chờ nghiên cứu giải quyết; mặt khác điều cấp tốc mấy chục quân lính với trang bị vũ khí đầy đủ đến đàn áp, nổ súng nhằm uy hiếp công nhân. Cuộc đấu tranh diễn ra quyết liệt. Anh em công nhân xông tới đánh nhau với bọn lính. Bọn lính bắn vào đoàn biểu tình làm chết 1 người và bắt đi gần 40 người. Trước sức mạnh đấu tranh của công nhân, chủ sở buộc phải chấp nhận yêu sách, điều bọn lính đàn áp đi nơi khác và thả số công nhân vừa bị bắt.

Cuộc đấu tranh của công nhân các đồn điền cao su Lộc Ninh, Đa Kia đã giành được thắng lợi. Tối hôm đó, công nhân các làng tổ chức truy điệu, an táng công nhân đã hy sinh và chăm sóc những người bị thương.

---

1. Đồng chí Văn Công Khai quê ở quận Châu Thành, tỉnh Thủ Dầu Một, đã từng làm công nhân ở Dầu Tiếng từ năm 1927.



Phối hợp với đấu tranh phản đối giảm lương, số anh em mãn hạn giao kèo đã đưa đơn đòi trở về quê quán cũ, kiên quyết không chịu tái đăng ký. Bọn chủ dùng thủ đoạn khuyến giải anh em ở lại làm thêm nhưng không có kết quả nên chúng phải chấp nhận cho 43 người trở về quê cũ.

Các cuộc đấu tranh của công nhân cao su các đồn điền cùng phong trào cách mạng trong cả nước đã ảnh hưởng đến công nhân cao su Hớn Quản (Bình Long). Khẩu hiệu đòi dân sinh, dân chủ trong các đồn điền tiếp tục được phát động buộc chúng phải giải quyết những yêu sách chính đáng của công nhân. Mặc dù bị đàn áp dã man nhưng công nhân các đồn điền Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch thuộc Công ty Đất Đỏ vẫn lần lượt nổi dậy đấu tranh trực diện với chủ đồn điền, buộc chúng phải giải quyết yêu sách của công nhân như: Không phát gạo mứt, cá thối, giảm lương của công nhân.

Thông qua các cuộc đấu tranh này, đội ngũ công nhân được củng cố, kinh nghiệm đấu tranh được tích lũy. Nhiều công nhân qua thử thách đã trở thành những cán bộ ưu tú của Đảng. Từ sau năm 1933, dân công tra ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ vào đông. Anh em công nhân cũ xiết chặt hàng ngũ với anh em dân phu mới đoàn kết đấu tranh, làm cho phong trào càng mạnh. Trước sức mạnh phong trào đấu tranh của công nhân, bọn chủ nhiều đồn điền ở Hớn Quản, Lộc Ninh, Thuận Lợi... buộc phải hủy bỏ chế độ ăn chung, ở chung, phát gạo cho công nhân về nhà nấu ăn riêng. Một số đồn điền đã bắt đầu mở trường dạy học cho con em công nhân.

### **3. Phong trào đấu tranh của đồng bào dân tộc thiểu số**

Cùng chung số phận với công nhân, đồng bào các dân tộc thiểu số cư trú ở vùng Hớn Quản, Bà Rá (Bình Phước ngày nay) cũng chịu chung ách thống trị của bọn thực dân Pháp. Với truyền thống yêu nước, lòng căm ghét áp bức bất công và sự tác động mạnh mẽ từ các cuộc đấu tranh của công nhân Phú Riềng, Hớn Quản, Lộc Ninh..., đồng bào dân tộc thiểu số đã đứng dậy tự tổ chức nhiều cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp. Trong đó, đáng chú ý là vụ giết tên Quận trưởng Bà Rá Morie vào tháng 10/1933 và cuộc đấu tranh của đồng bào dân tộc thiểu số trên vùng đất Phước Long, Bù Đăng ngày nay vào năm 1934.

Tên Quận trưởng Morie khét tiếng gian ác đã gây nhiều tội ác đối với công nhân và đồng bào dân tộc thiểu số vùng Bà Rá. Hắn thi hành nhiều chính sách thâm độc như “lấy người Thượng trị người Thượng”, “dùng người Kinh đàn áp người dân tộc thiểu số”; áp dụng chế độ lao dịch 5-6 tháng trong



một năm để bắt dân đi làm đường bộ, xây dựng đồn bót, làm phu cho các sở cao su..., trong khi đó lương thực phải tự túc, mà gia cảnh luôn thiếu đói, đau ốm không có thuốc trị, nhiều người đã chết do lao động quá sức. Hấn còn có những hành vi rất ngang ngược như bắt những cô gái đẹp về hãm hiếp, làm tội tở... Không chịu nổi những thủ đoạn tàn bạo đó, hai anh em Điều Môn và Điều Mốt vốn là nghĩa quân của phong trào N'Trang Lơng ở sóc Bù Xum, được dân tin cậy, đã đứng ra vận động lập đội nghĩa quân và kết hợp cùng 200 dân trong các làng Bù Xum, Bù Kế, Bù Tó, Bù Tung... bàn mưu kế tiêu diệt tên Quận trưởng Morie.

Sau một thời gian xây dựng lực lượng và tìm hiểu kẻ địch, vào gần cuối tháng 10/1933, nghĩa quân phục kích trên Đường 14 đoạn gần sóc Bù Xum (nay là xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng). Nghĩa quân chờ suốt hai ngày liền mà chúng không đến, nên đành giải tán. Riêng hai ông Môn và Mốt vẫn kiên trì ở lại phục kích và còn vận động thêm vài người nữa như ông Nhím, ông Giang... cùng tham gia. Do nắm chắc quy luật, mỗi tuần, tên Quận trưởng Morie sẽ cưỡi ngựa cùng bọn lính từ Bà Rá sang Đường 14 để kiểm tra việc làm đường của dân làm xấu. Đến ngày thứ ba (25/10/1933), tên Morie cùng với mấy tên lính hộ vệ đã lọt vào trận địa phục kích. Ông Điều Mốt giả vờ xin lửa hút thuốc rồi nhanh như chớp dùng xà gạc chém chết tên Morie, sau đó rút lui an toàn.

Ngày hôm sau, thực dân Pháp tập trung càn quét, bắn phá dữ dội vùng Bù Xum, bắn chết nhiều dân làng. Trước cảnh đàn áp thảm khốc, đồng bào các dân tộc phải rút lui vào rừng sâu, cấm chông ngăn địch đàn áp, lùng sục.

Đồng thời với cuộc nổi dậy giết chết tên Morie, đồng bào dân tộc thiểu số còn nổi dậy tiêu diệt đồn Bù Có. Đồn này được lập vào năm 1933, do tên Gecbe làm Đồn trưởng. Đây là nơi xuất phát của lực lượng đi càn quét, gây tội ác với đồng bào các buôn làng ở nhiều vùng như Hớn Quản, Lộc Ninh, Bà Rá... Cuộc tấn công nổ ra ngày 02/01/1934, với sự tham gia của hơn 300 nghĩa quân người Xtiêng, phần nhiều được trang bị cung tên tẩm thuốc độc, giáo mác, xà gạc và một ít súng săn. Trước khi tấn công, những người chỉ huy đã tổ chức hạ cây cản đường nhằm chặn viện binh địch từ Bù Na qua. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Do kế hoạch thiếu chu đáo, bị địch phát hiện và tấn công nên nghĩa quân buộc phải rút lui. Tuy ta chỉ bắn chết và làm bị thương hai tên, nhưng đã làm cho địch khiếp vía, bỏ đồn Bù Có về co cụm ở Bù Đăng.

Sau trận này, các thủ lĩnh nghĩa quân ở Bù Đốp, Bà Rá và lưu vực sông Đồng Nai liên hệ với nhau khá chặt chẽ. Dựa vào thế hiểm trở và không gian



rộng lớn của núi rừng với diện tích rộng lớn gần 3.000km<sup>2</sup>, các nghĩa quân gần như làm chủ khu vực, địch tấn công nhiều lần nhưng vẫn không kiểm soát được. Ngoài ra, đồng bào còn tổ chức cấm chông, bảo vệ buôn, sóc, ngăn địch lùng sục. Phong trào này lan rộng từ vùng đồng bào Xtiêng đến các địa bàn cư trú lân cận của người Mnông, Mạ, Chơ Ro, đến cả đồng bào các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Bên cạnh đó, đồng bào còn hết lòng đùm bọc, che chở cho một số công nhân, cán bộ trốn đồn điền, vượt ngục Bà Rá, Tà Lài... Cuộc chiến đấu kéo dài đến năm 1935 mới tạm ngưng khi ông N'Trang Lơng - thủ lĩnh nghĩa quân ở Tây Nguyên bị địch bắt.

Nhìn chung, phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn Bình Phước trong giai đoạn này chỉ dừng lại ở mức độ tự phát. Các cuộc đấu tranh chỉ tập trung vào mục đích bảo vệ quyền tự chủ núi rừng, chưa có ý thức sâu sắc về chính trị. Hơn nữa, lúc này, lực lượng đảng viên Đảng Cộng sản trên địa bàn Bình Phước rất ít, chưa đủ điều kiện làm công tác vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nên ảnh hưởng của Đảng đến khu vực này chưa lớn. Tuy vậy, đó là những bước tập dượt đầu tiên đặt tiền đề cho chặng đường đấu tranh chống thực dân đế quốc của đồng bào dân tộc thiểu số dưới sự lãnh đạo của Đảng sau này.

### III. ĐẤU TRANH ĐÒI QUYỀN DÂN SINH, DÂN CHỦ TRONG CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1936-1939

Sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, chủ nghĩa phátxít trở thành nguy cơ lớn đe dọa hòa bình và an ninh quốc tế. Trước tình hình đó, tháng 7/1935, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII được tổ chức. Đại hội đã chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân quốc tế là đấu tranh chống chủ nghĩa phátxít và nguy cơ chiến tranh do chúng gây ra. Do vậy, giai cấp công nhân quốc tế phải thống nhất hàng ngũ của mình và lập mặt trận thống nhất rộng rãi với các giai cấp và tầng lớp khác để hoàn thành nhiệm vụ trước mắt.

Sau Đại hội này, Mặt trận Bình dân Pháp do Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt, giành được thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử tháng 4/1936, Chính phủ Mặt trận Bình dân lên cầm quyền, do Lêông Blum - lãnh tụ Đảng Xã hội làm Thủ tướng. Chính phủ do Lêông Blum làm Thủ tướng đã thi hành một số điều khoản trong Cương lĩnh Mặt trận Bình dân Pháp đã vạch ra, trong đó có những chủ trương tiến bộ, nhân đạo như thả tù chính trị ở các thuộc địa Pháp, thành lập Ủy ban điều tra tình hình thuộc địa ở Bắc Phi và Đông Dương, thay



đổi một số chế độ lao động đối với công nhân. Những điều đó đã tạo thuận lợi cho cách mạng nước ta.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các cuộc đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp đã diễn ra sôi nổi ở ba miền đất nước. Phong trào Đông Dương Đại hội, phong trào “đón” Gôđa sang Đông Dương, những cuộc mít tinh nhân ngày Quốc tế Lao động... đã thu hút hàng nghìn, hàng vạn quần chúng tham gia và những cuộc đấu tranh dân quyền cũng giành được những thắng lợi bước đầu. Chính phủ Pháp phải ra lệnh ân xá tù nhân chính trị.

Giữa lúc tình hình thế giới, trong nước có sự chuyển biến tích cực, ở Thủ Dầu Một, phong trào quần chúng lên cao, kết nạp thêm được nhiều đảng viên mới, thành lập thêm nhiều chi bộ, cơ sở đảng. Tình hình này cho phép thành lập Tỉnh ủy.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, củng cố, kiện toàn công tác tổ chức, thực hiện Chỉ thị của Xứ ủy Nam Kỳ, cuối năm 1935, đồng chí Trương Văn Nhâm - Xứ ủy viên và đồng chí Trương Văn Bang - Ủy viên Liên tỉnh ủy miền Đông đến gặp Tỉnh ủy Gia Định bàn việc tách các chi bộ của Thủ Dầu Một (đang sinh hoạt hoặc ghép trong Đảng bộ Gia Định) để thành lập Đảng bộ mới.

Đầu năm 1936, Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một ra đời với cấp ủy gồm 5 đồng chí (4 nam, 1 nữ), đồng chí Trương Văn Nhâm được cử làm Bí thư. Việc thành lập Tỉnh ủy lâm thời vào mùa Xuân năm 1936 đánh dấu một bước ngoặt trong phong trào cách mạng của giai cấp công nhân nói riêng và Nhân dân Thủ Dầu Một nói chung.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời, trong năm 1936, nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, thầy giáo, công chức... đã liên tiếp nổ ra ở khắp nơi trong tỉnh, do Công hội đỏ và Nông hội đỏ làm nòng cốt. Sau đó, phong trào tiếp tục phát triển. Các tầng lớp quần chúng sôi nổi tham gia cuộc vận động Đông Dương Đại hội và đấu tranh trong Mặt trận Dân chủ Đông Dương, tận dụng tình hình thuận lợi đòi Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp phải thi hành những cải cách dân chủ và cải thiện đời sống cho Nhân dân.

Hớn Quản và Bù Đốp là phần đất thuộc tỉnh Thủ Dầu Một, nơi có nhiều đồn điền cao su, đội ngũ công nhân đã lớn mạnh, đang cùng chung sống với các tầng lớp nhân dân người Kinh, Xtiêng, Chơ Ro, Tà Mun, Nùng, Chăm, Khmer và một số Hoa kiều. Tuy xa xôi, đất rộng, người thưa nhưng Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một đã quan tâm chỉ đạo sâu sát địa bàn này.



Cuối năm 1936, Tỉnh ủy lâm thời mở hội nghị nhằm đánh giá tình hình, đề ra nhiệm vụ sát hợp với phong trào và bầu Ban Chấp hành mới gồm 7 đồng chí. Tháng 01/1937, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một được cấp trên chuẩn y và công nhận chính thức. Đồng chí Hồ Văn Cống giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy.

Cũng trong năm 1936, ở Biên Hòa, phong trào đấu tranh đòi địch bỏ thuế thân, giảm các khoản sưu cao thuế nặng, đòi quyền tự do cư trú, tự do đi lại làm ăn... nổ ra liên tiếp. Đặc biệt, cuộc vận động hưởng ứng phong trào Đông Dương Đại hội và tham gia Mặt trận Dân chủ Đông Dương có phần sôi nổi hơn.

Phong trào đấu tranh của quần chúng lên cao, và từ đó, tổ chức đảng cũng được phát triển. Cuối năm 1936, đồng chí Trương Văn Bang được Liên tỉnh ủy miền Đông cử về Biên Hòa để lãnh đạo phong trào, củng cố xây dựng cơ sở đảng và thành lập Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa. Tháng 01/1937, Tỉnh ủy Biên Hòa được cấp trên công nhận chính thức. Đồng chí Trương Văn Bang làm Bí thư Tỉnh ủy.

Việc thành lập Tỉnh ủy Biên Hòa đã đánh dấu bước phát triển có ý nghĩa về chất trong phong trào đấu tranh của quần chúng trong tỉnh, đặc biệt là đối với công nhân các đồn điền cao su trên địa bàn.

Quận Bà Rá là vùng đất phía bắc tỉnh Biên Hòa, có dân cư thưa thớt, nơi sinh sống của đồng bào các dân tộc Xtiêng, Mnông, Chơ Ro, Mạ, là một vùng “rừng thiêng nước độc”. Từ năm 1925, thực dân Pháp đã cho lập nhà tù Bà Rá để đày ải các chiến sĩ cách mạng. Đồn điền cao su Thuận Lợi (Phú Riềng cũ) đã đi vào khai thác, nhưng đời sống công nhân vẫn lầm than, đói khổ. Sau sự kiện “Phú Riềng đỏ”, địch tiến hành khủng bố trắng, nhiều đảng viên bị bắt, chi bộ bị phá, phong trào công nhân tạm lắng.

Sau khi Tỉnh ủy Biên Hòa được thành lập, Đảng đã chỉ đạo Tỉnh ủy quan tâm và cử cán bộ về đồn điền Thuận Lợi để tổ chức lại phong trào. Ngày 01/5/1938, công nhân đồn điền Thuận Lợi đã tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động công khai, hợp pháp. Lần đầu tiên sau 7 năm thoái trào, đồn điền Thuận Lợi mới tổ chức lại được phong trào công nhân đấu tranh có ý nghĩa chính trị.

Bà Rá của Biên Hòa và Hớn Quản của Thủ Dầu Một (địa bàn tỉnh Bình Phước ngày nay) là hai quận rộng lớn, nằm sát biên giới, là nơi xa xôi cách trở, phương tiện đi lại, liên lạc khó khăn. Vì còn thiếu cán bộ, đồng thời phải tập trung sức chỉ đạo phát triển phong trào cách mạng, phát triển Đảng ở vùng đông dân cư phía nam nên Tỉnh ủy Biên Hòa và Tỉnh ủy Thủ Dầu Một đều cử



cán bộ đi về để triển khai chỉ thị, nghị quyết và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy đến các nông cốt và các hội quần chúng, chứ không bám trụ lại. Do các hội, các tầng lớp nhân dân, kể cả công nhân, thiếu sự dìu dắt, chỉ đạo cụ thể, thường xuyên của tổ chức đảng nên phong trào cách mạng của quần chúng phát triển không đều, tốc độ phát triển chậm. Hai quận này chưa phát triển được đảng viên tại chỗ, chưa thành lập được chi bộ. Đây là một hạn chế rất lớn của phong trào cách mạng trên địa bàn.

Tuy nhiên, nhờ tình hình chung trên thế giới, đặc biệt là ở nước Pháp, tình hình sôi động trong nước và các quận phía nam của hai tỉnh, chủ trương của hai Tỉnh ủy được phổ biến đến công nhân nông cốt và các hội quần chúng, nên phong trào cách mạng vẫn liên tiếp nổ ra trên địa bàn.

Ngày 04/5/1938, cuộc biểu tình của 150 công nhân Thuận Lợi diễn ra. Công nhân cử đại diện lên gặp chủ sở đưa ra yêu sách: Chống đánh đập, ngày làm 8 giờ, chống bán gạo mục, bán đắt... Sự kiện này nổ ra còn có sự tác động từ phong trào đấu tranh của công nhân cao su Dầu Tiếng, cao su Lộc Ninh. Lúc đó, Dầu Tiếng đã có Chi bộ Đảng và Hội Ái hữu hoạt động mạnh. Các đồng chí ta lợi dụng việc công nhân hai đồn điền Dầu Tiếng và Thuận Lợi qua lại bình thường, đã bí mật tuyên truyền và gây dựng cơ sở cách mạng ở Thuận Lợi.

Tiếp đó, cuộc bãi công của công nhân đồn điền cao su Quản Lợi nổ ra để phản đối hành động đánh đập của bọn cai. Trong cuộc bãi công này, 4 công nhân bị bắt, nhưng cũng đã làm cho bọn cai, xếp chùn tay.

Ngày 21/12/1938, hơn 300 công nhân các làng của đồn điền cao su Lộc Ninh tổ chức bãi công, biểu tình và cử đại diện đưa yêu sách cho tên Đờlălăng - Chủ Công ty Xétxô, với nội dung: Tăng lương cho công nhân, thi hành ngày làm việc 8 giờ, giảm phần cạo từ 400 cây xuống 350 cây/ngày, công nhân bị bệnh phải có thuốc uống. Công nhân đã tổ chức thành đội ngũ, từng đoàn đi diễu hành từ làng đến văn phòng sở, vừa đi vừa hô to khẩu hiệu: “Hoan hô Mặt trận Bình dân Pháp giành được thắng lợi lớn trong cuộc tổng tuyển cử”. Được tin báo công nhân nổi dậy biểu tình, Đờlălăng cấp tốc tập hợp bọn tay sai bàn cách đối phó. Hắn cho điều lính gác sở và đám tay sai người dân tộc thiểu số do tên Tổng Mé cầm đầu bố trí trong khu vực văn phòng sở. Khoảng 9 giờ sáng ngày 21/12/1938, hai đoàn người từ hai hướng tiến về văn phòng sở. Đại diện công nhân đi thẳng đến văn phòng sở. 15 phút trôi qua vẫn chưa thấy đại diện công nhân trở ra, còn bọn lính từ phía sau văn phòng thì ào tới chỗ đoàn biểu tình, xô đẩy công nhân bắt phải giải tán. Nhưng bọn chúng không giải tán



được đoàn biểu tình. Được sự chỉ đạo của Ban Tổ chức, anh chị em ào lên vây đánh bọn chúng, đòi để tất cả mọi người kéo vào văn phòng. Trước tình hình ngày càng căng thẳng, bọn chủ đành hứa sẽ giải quyết những yêu sách của công nhân. Cuộc bãi công do Hội Ái hữu đứng ra tổ chức đã giành được thắng lợi (lúc này ở đây chưa có chi bộ, chưa có đảng viên cộng sản). Đoàn biểu tình phấn khởi, tiếp tục diễu hành, sau đó giải tán trở về các làng.

Nhìn chung, trong thời kỳ 1936-1939, các tổ chức đảng trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã nhạy bén, sáng tạo thực hiện đường lối cách mạng của Đảng, tập hợp quần chúng nhân dân dưới ngọn cờ Mặt trận Dân chủ Đông Dương; xây dựng được nhiều tổ chức quần chúng vừa công khai, bán công khai dưới nhiều hình thức, đấu tranh từ thấp đến cao với khẩu hiệu dân sinh, dân chủ thiết thực, phù hợp với nguyện vọng bức thiết của quần chúng lao động. Trong thời kỳ này, công nhân ở các đồn điền cao su Quản Lợi, Xa Cát, Xa Trạch, Lộc Ninh, Đa Kia... cùng nông dân và các tầng lớp nhân dân khác trong tỉnh, dưới sự lãnh đạo của tổ chức đảng, đã nổi dậy đấu tranh, góp phần vào phong trào chung của cả nước. Qua các phong trào đấu tranh, quần chúng nhân dân hiểu hơn về Đảng Cộng sản, nhận thức rõ Đảng là tổ chức cách mạng chân chính, vì lợi ích của người lao động mà đấu tranh. Tuy nhiên, ở một số vùng (đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số), quần chúng nhân dân chưa hiểu rõ về Đảng, phong trào cách mạng chưa phát triển mạnh vì thiếu sự tuyên truyền, giác ngộ của lực lượng đảng viên.

\*

\*   \*

Ngày 28/10/1929, Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở đồn điền Phú Riêng được thành lập. Kể từ đây, phong trào đấu tranh của công nhân và các tầng lớp nhân dân khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước chống thực dân Pháp đã có sự lãnh đạo của tổ chức đảng Cộng sản. Vừa mới ra đời, Chi bộ lãnh đạo công nhân đấu tranh chống lại chính sách hà khắc, tàn bạo của bọn chủ đồn điền, đòi các quyền lợi về kinh tế, đặc biệt là làm nên sự kiện “Phú Riêng đỏ” vào tháng 02/1930.

Trong giai đoạn 1930-1935, trước làn sóng đấu tranh cách mạng diễn ra ở nhiều nơi, thực dân Pháp đã tiến hành đàn áp dã man nên nhiều cơ sở đảng, tổ chức quần chúng trên địa bàn tỉnh bị tan rã, nhiều cán bộ, đảng viên, quần chúng ưu tú bị địch bắt, sát hại. Nhưng với truyền thống đấu tranh anh dũng, bất chấp gian khổ, hy sinh, quân và dân Bình Phước đã kiên trì đứng lên đấu tranh, gây cho địch nhiều tổn thất.



Sau khi giành thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử tháng 4/1936, Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp lên nắm quyền đã ban hành những chính sách, chủ trương tiến bộ đối với nhân dân các nước thuộc địa, tạo điều kiện thuận lợi cho các phong trào đấu tranh đòi quyền lợi thiết thực của các tầng lớp nhân dân. Trên địa bàn tỉnh Bình Phước, dưới sự lãnh đạo của Đảng phong trào đấu tranh công khai hợp pháp, bán hợp pháp diễn ra rầm rộ. Theo đó nhiều chi bộ, cơ sở đảng được thành lập. Để chỉ đạo kịp thời phong trào cách mạng, năm 1936, Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một ra đời, đến đầu năm 1937 Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa được thành lập. Sự ra đời của các tổ chức đảng cấp tỉnh là nền tảng vững chắc đưa phong trào đấu tranh cách mạng của các tầng lớp nhân dân ngày càng phát triển, góp phần làm nên thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trên địa bàn tỉnh.

## Chương II

# **THỰC HIỆN CHUYỂN HƯỚNG CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC CÁCH MẠNG TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1939-1945)**

### **I. CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN HƯỚNG CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC CỦA ĐẢNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA KHỞI NGHĨA NAM KỲ ĐỐI VỚI PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở BÌNH PHƯỚC (1939-1940)**

Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Để phục vụ cho chiến tranh đế quốc, ở Đông Dương, thực dân Pháp đã ra lệnh tổng động viên, vơ vét tiền bạc của Nhân dân, bắt lính, xóa bỏ các quyền tự do dân chủ. Chúng tấn công vào Đảng Cộng sản, các tổ chức quần chúng; đóng cửa báo chí tiến bộ; xóa bỏ các tổ chức dân chủ và những quyền lợi mà quần chúng đã giành được trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939. Ngày 28/9/1939, Toàn quyền Đông Dương Catoru (Catroux) ra nghị định giải tán các tổ chức ái hữu, nghiệp đoàn, tịch thu giấy tờ và tài sản của các tổ chức đó.

Cuộc chiến tranh đế quốc đã đặt đất nước ta vào tình thế mới. Đấu tranh hợp pháp giành các quyền dân sinh, dân chủ không còn khả năng, mà cũng không phải là mục tiêu trực tiếp của cách mạng lúc này. Đảng ta quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, tiếp tục hoàn chỉnh việc giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền về tay Nhân dân.

Từ ngày 06 đến ngày 08/11/1939, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ sáu (khóa I) họp tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định), dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Văn Cừ. Tham dự hội nghị có các đồng chí: Lê Duẩn, Võ Văn Tần, Phan Đăng Lưu... Hội nghị quyết định chuyển hướng sự chỉ đạo chiến lược cách mạng ở Đông Dương cho phù hợp với hoàn cảnh mới: Xác định kẻ thù chủ yếu của cách mạng Đông Dương lúc này là chủ nghĩa đế quốc và bọn tay sai phản bội dân tộc, xác định cuộc cách mạng Đông Dương là cuộc cách mạng



giải phóng dân tộc. Về hình thức đấu tranh, Hội nghị nêu rõ cần được thay đổi cho phù hợp với nhiệm vụ mới và chuẩn bị điều kiện để “bước tới bạo động làm cách mệnh giải phóng dân tộc”<sup>1</sup>, “Song phải hết sức tránh những cuộc tranh đấu non, tranh đấu không phương pháp, vô chuẩn bị”<sup>2</sup>.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ sáu (11/1939) đã đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược, đánh giá một cách toàn diện vấn đề dân tộc và phong trào giải phóng dân tộc, coi phong trào giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của phong trào cách mạng thế giới, đã giải quyết đúng đắn những vấn đề chiến lược và phương pháp cách mạng nhằm đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai, mở ra một thời kỳ mới cho cách mạng Việt Nam.

Lúc này, mặc dù bị khủng bố ác liệt, nhiều cán bộ Trung ương và Xứ ủy bị bắt, song các tổ chức cơ sở đảng trên địa bàn Bình Phước vẫn tồn tại. Sách báo và truyền đơn của Đảng vẫn được lưu hành và phổ biến rộng rãi, các đội tuyên truyền vẫn thâm nhập vào quần chúng để giải thích tinh thần Nghị quyết Trung ương 6. Đặc biệt, phong trào chống bắt lính nổi ra sôi nổi và rộng khắp. Những đợt tuyên truyền, cổ động binh lính chống chiến tranh đế quốc và ủng hộ cách mạng được tổ chức ở nhiều nơi trong tỉnh.

Tháng 6/1940, Pháp đầu hàng Đức, nước Pháp bị phátxít Đức chiếm đóng. Ở Đông Dương, thực dân Pháp tăng cường khủng bố, đàn áp, nhiều cơ sở cách mạng bị phá, lực lượng cán bộ cách mạng bị tổn thất, nhưng phong trào đấu tranh của Nhân dân vẫn tiếp tục được duy trì, nhất là ở các vùng nông thôn.

Trước tình hình đó, tháng 7/1940, Xứ ủy Nam Kỳ triệu tập hội nghị mở rộng tại ấp Tân Thuận, làng Tân Hương, tỉnh Mỹ Tho. Tham dự hội nghị có 24 đại biểu của Xứ ủy, các liên tỉnh ủy, tỉnh ủy và các ngành công vận, nông vận, binh vận. Sau nhiều ngày thảo luận, hội nghị đi đến nhất trí thông qua chủ trương, kế hoạch khởi nghĩa và thành lập Ủy ban khởi nghĩa của Xứ ủy và Ban Quân sự các cấp. Hội nghị bầu ra Xứ ủy mới do đồng chí Tạ Uyên làm Bí thư và đề cử đồng chí Phan Đăng Lưu ra Bắc dự Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (11/1940), xin chỉ thị của Trung ương về chủ trương khởi nghĩa, trong khi đó vẫn chuẩn bị sẵn sàng theo kế hoạch.

Từ ngày 21 đến ngày 25/9/1940, Xứ ủy Nam Kỳ tiếp tục mở hội nghị tại Hóc Môn (Gia Định) để quyết định về một số vấn đề công tác trọng yếu: Quyết định khởi nghĩa, chuẩn bị tích cực về mọi mặt và giao cho Thường vụ

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr.552, 554.



Xứ ủy quyền quyết định ngày tiến hành khởi nghĩa và ban bố lệnh khởi nghĩa. Ngoài ra, hội nghị còn quyết định mẫu cờ là nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh.

Sau hội nghị 10 ngày, ngày 03/10/1940 Ban Thường vụ Xứ ủy lại họp để uốn nắn những sai lầm, lệch lạc về tư tưởng cũng như hành động xuất hiện trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa, nhắc nhở thêm một số công việc mà hội nghị lần trước chưa đề cập. Hội nghị quyết định khởi nghĩa; lệnh khởi nghĩa được gửi đi các nơi, quyết định toàn Xứ ủy thống nhất khởi nghĩa vào đêm 22/11/1940. Trong lúc đó, sau khi dự Hội nghị Trung ương 7, đồng chí Phan Đăng Lưu mang chỉ thị của Trung ương hoãn cuộc khởi nghĩa về Sài Gòn thì bị địch bắt nên chưa kịp phổ biến, hơn nữa lệnh khởi nghĩa đã xuống tận cơ sở nên không thể hoãn được.

Thực hiện chủ trương của Xứ ủy, ở tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Biên Hòa, công tác chuẩn bị khởi nghĩa được tiến hành khẩn trương. Ở tỉnh Thủ Dầu Một, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Nhân dân một số nơi trong tỉnh đã đứng lên hưởng ứng cuộc khởi nghĩa. Ban Khởi nghĩa của tỉnh do đồng chí Hồ Văn Cống - Bí thư Tỉnh ủy phụ trách. Ở Biên Hòa, Tỉnh ủy giao cho đồng chí Huỳnh Liễu tổ chức một đội vũ trang trên 30 người ở Mỹ Lộc (Tân Uyên) luyện tập võ nghệ chuẩn bị khởi nghĩa.

Dù kế hoạch khởi nghĩa bị lộ nhưng cuộc khởi nghĩa vẫn nổ ra. Ngày 23/11/1940, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ, chủ yếu là ở vùng nông thôn đông dân. Trung tâm khởi nghĩa ở miền Tây Nam Kỳ là Cai Lậy, Vĩnh Kim của Mỹ Tho. Chính quyền cách mạng ở Mỹ Tho tồn tại được 40 ngày, đã tịch thu ruộng đất của địa chủ phản động chia cho dân nghèo, lập tòa án nhân dân trừng trị những tên phản cách mạng. Đây là một thành tích quan trọng của khởi nghĩa Nam Kỳ. Ở miền Đông Nam Kỳ, trung tâm khởi nghĩa là vùng Hóc Môn - Bà Điểm, tỉnh Gia Định.

Ở Thủ Dầu Một, khởi nghĩa đã nổ ra ở các nơi: Dầu Tiếng, Dĩ An, thị xã Thủ Dầu Một, Bến Súc, ấp Kiến Điền (Bến Cát)... Ở Biên Hòa, khởi nghĩa nổ ra ở các làng Mỹ Lộc, Uyên Hưng, Thường Lang... Tại cảng<sup>1</sup> Bà Rá (Phước Long), ngày 12/12/1940, 4 chiến sĩ cách mạng bị giam cầm tại trại C đã nổi dậy giết 1 tên lính gác, lấy 1 súng, 5 viên đạn rồi bỏ trốn, làm cho Pháp phải lo sợ. Trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, ở Hớn Quản - Bà Rá tuy không có nổi dậy như các nơi khác nhưng những tấm gương chiến đấu anh dũng của các chiến sĩ cách mạng đã gây ảnh hưởng sâu sắc đến công nhân cao su nơi đây.

---

1. Cảng: Tức nhà tù.



Theo gương các chiến sĩ Nam Kỳ khởi nghĩa, công nhân các đồn điền cao su Quản Lợi, Lộc Ninh, Thuận Lợi... đã nổi dậy đấu tranh chống đế quốc và tư bản Pháp, đòi quyền dân sinh với các yêu sách như: Chấm dứt việc đánh đập, cúp phạt, không được trì hoãn việc trả lương công nhân; cho công nhân về quê theo đúng thời hạn; không được phát gạo mủn, cá thối cho công nhân; mở thêm trường học cho con em công nhân học, mở thêm bệnh viện để chữa trị...

Sau thất bại của khởi nghĩa Nam Kỳ, các đồn điền cao su và vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Hớn Quản - Bà Rá đã trở thành nơi ẩn náu của cán bộ, đảng viên trước sự truy lùng, bắt bớ của thực dân Pháp, trở thành miếng đất giữ gìn và ươm trồng hạt giống cách mạng. Trong hai năm 1941-1942, một số đảng viên đã từng tham gia Mặt trận Dân chủ Đông Dương và khởi nghĩa Nam Kỳ ở các tỉnh Mỹ Tho, Tân An, Gò Công, Sài Gòn, Chợ Lớn... như đồng chí Lê Đức Anh, đồng chí Nguyễn Xang, đồng chí Nguyễn Văn Tảng... lần lượt quy tụ về các đồn điền cao su Hớn Quản, Lộc Ninh. Từ khi các đồng chí đảng viên cộng sản về hoạt động trong phong trào công nhân, các cơ sở cách mạng được xây dựng và phát triển mạnh. Nhiều cuộc đấu tranh đã mang đậm màu sắc dân tộc và giai cấp với khẩu hiệu “Tổ quốc và sự giải phóng cần lao”. Tại các đồn điền Quản Lợi, Lộc Ninh, Đa Kia, công nhân đòi thực dân Pháp rút về nước, trả lại đồn điền cho người Việt Nam quản lý.

Khởi nghĩa Nam Kỳ bị thất bại, nhưng qua đó, phong trào đấu tranh của công nhân cao su lại dâng cao hơn nhờ những hoạt động của số cán bộ, đảng viên chuyển vùng về các đồn điền.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại vì nổ ra không đúng thời cơ, điều kiện chưa chín muồi, nhưng vẫn gây được tiếng vang trong cả nước, cho thấy rõ tinh thần quật khởi và quyết tâm của Nhân dân ta không bỏ lỡ cơ hội nào để nổi dậy đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp. Cuộc khởi nghĩa đã để lại cho Đảng ta nhiều bài học xương máu về nắm thời cơ khởi nghĩa, về sự phối hợp đồng bộ giữa địa phương và cả nước, giữa thành phố và nông thôn, giữa phát động quần chúng nhân dân nổi dậy với vận động binh lính quay súng chống lại quân thù, về tinh thần cảnh giác cách mạng... Đó là những kinh nghiệm quý báu cho giai đoạn cách mạng tiếp theo.

## II. CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG CHO KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1941-1945)

Ngay sau khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, tháng 12/1940, Xứ ủy liên tiếp mở hai hội nghị ở xã An Phú Tây và xã Đa Phước thuộc huyện Bình Chánh (Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay), để rút kinh nghiệm, cử ra Xứ ủy mới.



Hội nghị cũng quyết định một số chủ trương xuất phát từ tình hình mới sau khi khởi nghĩa thất bại: Đưa Nhân dân ra sống hợp pháp với địch nhằm hạn chế sự hy sinh, tổn thất; cán bộ, đảng viên về bám cơ sở, bám dân, chống khủng bố, người nào bị lộ thì chuyển vùng hoạt động, phân tán và giấu súng. Các tỉnh, quận, có cơ sở cách mạng phải lo củng cố và phát triển lực lượng quần chúng cách mạng là chính, không được bộc lộ lực lượng. Hội nghị cũng quyết định phân công các xứ ủy viên đi về các tỉnh để chấp nối lại tổ chức, duy trì phong trào, quyết định ra tờ báo *Giải phóng* để hướng dẫn các cấp bộ đảng và quần chúng cách mạng về đường lối, nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài và tìm mọi cách liên lạc với Trung ương.

Những năm 1941-1943 là giai đoạn đầy khó khăn của Đảng bộ Nam Bộ. Xứ ủy, liên tỉnh ủy, tỉnh ủy bị phá vỡ, phải lập đi lập lại nhiều lần. Phần lớn đảng viên bị bắt cầm tù. Riêng Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chỉ còn lại khoảng 20 cán bộ, đảng viên<sup>1</sup>, phải chuyển vùng về nông thôn, các đồn điền cao su... để ẩn náu, tạo dựng cơ sở, tạo thế đứng chân để khôi phục phong trào cách mạng và coi việc chuẩn bị tổng khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân trong giai đoạn hiện tại.

Trong thời gian này, bọn thực dân Pháp ở thuộc địa phân hóa thành hai phái: Phái Pétanh (Pétain) đầu hàng phátxít Đức và phái Đờ Gôn (De Gaul) kháng chiến chống phátxít.

Những chuyển biến ấy đã tác động đến tình hình cách mạng Việt Nam. Riêng ở trên địa bàn Bình Phước, những người cộng sản trung kiên bắt đầu có những hoạt động mới.

Năm 1942, cảng Bà Rá<sup>2</sup> giam giữ gần 400 quần chúng yêu nước và những người cộng sản, trong đó phần lớn bị bắt vì tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ. Các đồng chí bí mật liên lạc thông báo tin tức cho nhau. Riêng ở trại Công tác, các đồng chí tổ chức “Hội người cùng quê” để làm công tác binh vận, liên lạc với người nhà để nhận sách báo và tin tức đấu tranh ở các tỉnh.

---

1. Trước khởi nghĩa Nam Kỳ, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một có 80 đảng viên, sau khởi nghĩa còn lại 20 đảng viên. Số quần chúng tham gia và ủng hộ khởi nghĩa bị thực dân Pháp bắt và thủ tiêu hàng trăm người. Đồng chí Hồ Văn Cống - Bí thư Tỉnh ủy bị bắt, đày đi Côn Đảo và hy sinh tại đó.

2. Cảng Bà Rá ở núi Bà Rá thuộc phường Sơn Giang, thị xã Phước Long ngày nay. Cảng có trước năm 1925, đến năm 1941 mang tên mới “Trại tập trung đào tạo những người lao động đặc biệt”. Cảng có 3 trại A, B và trại Công tác. Trại A nhốt thường phạm, trại B nhốt nữ và trại Công tác nhốt chính trị phạm cộng sản, những người nghi là cộng sản, phần tử Tờrốtkit, tín đồ Cao Đài, Hòa Hảo.



Cuối năm 1942, ở đồn điền Lộc Ninh, hơn 100 công nhân cao su các làng 4, 9 và 10 đã biểu tình thị uy, đòi chủ sở phải giảm giờ làm, ngày làm 8 tiếng, không được cúp lương. Thực dân Pháp và chủ sở đáp lại bằng cách nổ súng đàn áp, làm gần 10 người chết và bị thương, bắt đi một số người khác. Hành động này càng làm tăng thêm lòng căm thù bọn thực dân của hai vạn công nhân cao su đang sống ở 11 làng. Lúc này, đồng chí Lê Đức Anh đang hoạt động hợp pháp ở Lộc Ninh, đã lập ra nhóm “công nhân nòng cốt” để củng cố và phát triển phong trào đấu tranh.

Qua cuộc đấu tranh đó, các đảng viên và công nhân đã rút được kinh nghiệm, củng cố lại tổ chức. Vào đầu năm 1943, hơn 300 công nhân của 4 làng thuộc đồn điền cao su Lộc Ninh kéo đến văn phòng chủ sở đòi giảm giờ làm, không được cúp lương, tăng lương cho công nhân. Lần này, đội ngũ công nhân đã tổ chức ra một lực lượng thanh niên để bảo vệ đoàn biểu tình, được trang bị dao, gậy và nhiều vũ khí khác giấu sẵn trong người, chuẩn bị tinh thần chống trả đàn áp. Đoàn người kéo đến cổng dinh chủ sở hô to: “Không được cúp lương, phải tăng lương”, “phải thi hành luật ngày làm việc 8 giờ”. Mặc dù địch đàn áp dã man, bắn xối xả vào đám đông làm chết 2 người và nhiều người bị thương, nhưng công nhân vẫn kiên cường vượt chướng ngại vật đi thẳng đến bao vây nhà tên Chủ sở Đờ Lalăng. Hoảng sợ trước sức mạnh đấu tranh của công nhân, Đờ Lalăng buộc phải nhượng bộ, tiếp đón đại diện công nhân. Hắn hứa sẽ giải quyết theo nội dung yêu sách của công nhân, đồng thời chấp nhận thay số lính ác ôn vừa đàn áp công nhân đi nơi khác. Cuộc đấu tranh của công nhân giành thắng lợi. Tối hôm đó, công nhân các làng tập trung về làng 4 dự lễ truy điệu, an táng cho 2 công nhân đã anh dũng hy sinh.

Cuối năm 1942, các nhóm đảng viên hoạt động ở Quản Lợi, Lộc Ninh, Dầu Tiếng, Thuận Lợi đã vài lần hội họp với các đảng viên hoạt động ở Lái Thiêu, thị xã Thủ Dầu Một để thành lập Tỉnh ủy, kết thúc thời kỳ tạm lảng.

Từ năm 1943, sau khi Hồng quân Liên Xô chuyển sang phản công. Với chiến thắng lịch sử Xtalingrát và đập tan cuộc phản công của quân Hítle ở vòng cung Cuốcxcơ, Chiến tranh thế giới bước vào giai đoạn mới: Hồng quân Liên Xô phản công, sự sụp đổ của phátxít Đức bắt đầu. Trên mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, phátxít Nhật tuy còn khá mạnh, nhưng không còn hùng hổ như trước.

Trước tình hình đó, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp từ ngày 25 đến ngày 28/02/1943 ở Võng La (Đông Anh, Hà Nội). Hội nghị nhận định: “Năm 1943 này là năm phe dân chủ sẽ đánh phe phátxít một cách



quyết liệt hơn để sửa soạn điều kiện cho bước thắng lợi cuối cùng”<sup>1</sup>; cách mạng Việt Nam có thể tiến lên bằng những bước nhảy vọt; toàn bộ công tác của Đảng phải nhằm vào chỗ chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Hội nghị chủ trương phát triển Mặt trận Dân tộc thống nhất trên cơ sở không ngừng củng cố và phát triển các tổ chức của công nhân và nông dân, bảo đảm quyền lãnh đạo của Đảng; thành lập Mặt trận Dân chủ chống phátxít Nhật ở Đông Dương nhằm tập hợp tất cả các lực lượng chống phátxít Nhật bao gồm cả ngoại kiều và bắt tay có điều kiện với phái Đờ Gôn (Pháp).

Những chủ trương đúng đắn đó đã tạo điều kiện đưa cách mạng trong cả nước không ngừng phát triển mạnh mẽ.

Trong bối cảnh chung đó, việc phục hồi cấp ủy tỉnh cũng diễn ra gấp rút. Năm 1943, tại làng 1 đồn điền cao su Dầu Tiếng, Ban Cán sự Đảng (tức Tỉnh ủy lâm thời) tỉnh Thủ Dầu Một được thành lập gồm các đồng chí: Văn Công Khai, Nguyễn Văn Thi, Nguyễn Văn Trung, Lê Đức Anh và Vũ Văn Hiến. Đồng chí Văn Công Khai được cử làm Bí thư; các đồng chí Nguyễn Văn Trung, Lê Đức Anh phụ trách vấn đề các dân tộc thiểu số. Theo sự phân công của Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Văn Trung, Lê Đức Anh về hoạt động ở vùng Hớn Quản, Lộc Ninh để chỉ đạo các phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân và đồng bào các dân tộc thiểu số. Các đồng chí còn bàn bạc về các công tác cụ thể như: Phục hồi các chi bộ đảng trên cơ sở những đảng viên đủ phẩm chất; lựa chọn quần chúng tốt trong các tổ chức hợp pháp đang hoạt động, làm nòng cốt để lập ra các hội cứu quốc; móc nối liên lạc với các đồng chí trong Xứ ủy, Thành ủy Sài Gòn, Tỉnh ủy Gia Định để nắm tình hình chung và tiếp nhận tài liệu của Trung ương.

Cuối năm 1943, vì chưa biết ở Thủ Dầu Một đã thành lập Tỉnh ủy, Xứ ủy Tiền phong<sup>2</sup> cử đồng chí Dương Quang Đông (Dung Văn Phúc) - Ủy viên Thường vụ Xứ ủy, đến gặp đồng chí Văn Công Khai và 3 người khác đang công tác tại thị xã Thủ Dầu Một. Đồng chí Dương Quang Đông truyền đạt chỉ đạo của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và chỉ định đồng chí Văn Công Khai làm Bí thư. Lúc này, ở Thủ Dầu Một, nhiều chi bộ đã được lập lại, một số

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.7, tr.279.

2. Sau khởi nghĩa Nam Kỳ, nhiều đồng chí trong Xứ ủy bị địch bắt. Vì chưa liên lạc được với nhau nên nhóm đồng chí Trần Văn Giàu, Dương Quang Đông vượt ngục Tà Lài (3/1941) đã bắt được liên lạc với một số đồng chí liên tỉnh ủy lập ra Xứ ủy mới do đồng chí Trần Văn Giàu làm Bí thư, xuất bản tờ báo *Tiền phong* nên gọi là Xứ ủy Tiền phong. Trong lúc đó, đồng chí Nguyễn Thị Thập cũng tổ chức ra Xứ ủy mới và cử đồng chí Trần Văn Di làm Bí thư, xuất bản tờ báo *Giải phóng* nên gọi là Xứ ủy Giải phóng. Sau đó, theo chỉ đạo của Trung ương, hai xứ ủy hợp nhất thành Xứ ủy Nam Kỳ.



đảng viên ở các đồn điền cao su Dầu Tiếng, Quán Lợi, Lộc Ninh đều tập trung vào công tác phục hồi phong trào quần chúng, đẩy mạnh đấu tranh, do đó phong trào cách mạng trong năm 1944 có bước phát triển mới.

Tháng 02/1944, Chi bộ Lộc Ninh được thành lập gồm 3 đảng viên<sup>1</sup>. Đồng chí Lê Đức Anh - Ủy viên Ban Cán sự Đảng tỉnh Thủ Dầu Một phụ trách vấn đề dân tộc thiểu số làm Bí thư. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về việc thành lập Mặt trận Việt Minh, Chi bộ đã phổ biến sâu rộng Điều lệ Việt Minh trong công nhân và Nhân dân vùng này. Ngoài ra, Chi bộ còn thành lập nhóm trung kiên gồm các ông Mé, Ký Thịnh, Khiêm, Ba Đền, Cai Loại và Hai Đình (con ông Ba Đền) làm nòng cốt vận động phong trào Việt Minh, tạo cơ sở cho các hội cứu quốc ra đời.

Đầu năm 1944, tại đồn điền cao su Lộc Ninh, khoảng 300 dân công tra tấn hành bãi công. Cuộc bãi công bị đàn áp nặng nề. Các anh Đậu, Cần, Ngân bị địch sát hại; hàng chục người bị đánh đập, bắt giam.

Ở đồn điền cao su Quán Lợi, nhiều công nhân do nhóm thợ sơn, thợ nguội cầm đầu đã đứng lên chống lại bọn cai xếp gian ác.

Ở nhà tù Bà Rá (Phước Long), các đồng chí của ta nhiều lần đấu tranh đòi cải thiện đời sống, đòi thuốc chữa bệnh... Chi bộ ở đây tích cực chuẩn bị gạo, muối... cho cuộc vượt ngục. Tại trại Công tác nhà tù Bà Rá, giữa những người cộng sản như Hồ Bá Phúc, Tô Ký, Trương Văn Bang... và nhóm Tờrốtkit do Lê Văn Thử cầm đầu cũng diễn ra nhiều cuộc tranh luận về vấn đề “Nga, Đức ai thắng ai”. Các đồng chí ta dùng nhiều lý lẽ chứng minh Nga thắng, Đức thua. Nhóm Tờrốtkit thì nói ngược lại. Quan điểm của các đồng chí của ta được anh em tù chính trị và một số anh em trong “Hội người cùng quê” đồng tình.

Đầu năm 1945, các hội cứu quốc lần lượt ra đời và hoạt động rộng khắp. Hội cứu quốc hoạt động ở Quán Lợi, Lộc Ninh, Thuận Lợi, Bà Rá phát triển mạnh. Đến giữa năm 1945, phần lớn công nhân đều là hội viên cứu quốc. Các hội cứu quốc này lại cử người đến các làng, sóc vận động đồng bào dân tộc Xtiêng, Khmer, Mạ... tham gia tổ chức của đồng bào dân tộc thiểu số với tên gọi “Tổ chức những người Việt Nam mới”. Tổ chức này thu hút rất đông Nhân dân tham gia, lập ra các đội tự vệ, mỗi đội vài chục người với trang bị thô sơ như cung, nỏ, súng săn... Sau khi được thành lập, các hội cứu quốc tích cực vận động đồng bào tham gia đấu tranh chống lại Pháp, Nhật và chuẩn bị giành chính quyền.

---

1. Gồm đồng chí Lê Đức Anh, 1 đồng chí làm việc trên tuyến xe lửa Lộc Ninh - Sài Gòn và 1 đồng chí là con trai của đồng chí Nguyễn Văn Tạo (Sau này là Bộ trưởng Bộ Lao động).



### III. CAO TRÀO KHÁNG NHẬT, CỨU NƯỚC TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945

#### 1. Chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa

Từ cuối năm 1944 đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai đã chuyển qua giai đoạn kết thúc. Quân đội Xôviết và liên quân Anh - Mỹ mở những cuộc tiến công như vũ bão về phía Béclin, lần lượt giải phóng các nước Trung Âu, Đông Âu.

Ở Đông Dương, trước những chuyển biến mới của cuộc chiến tranh, đúng như Đảng ta đã dự đoán, tình trạng tạm thời hòa hoãn giữa hai tên phátxít Nhật, Pháp đã chấm dứt, mâu thuẫn giữa chúng ngày càng gay gắt. Nhìn thấy triển vọng chiến thắng của quân Đồng minh đang đến gần, lực lượng Pháp theo Đờ Gôn ở Đông Dương đã hoạt động ráo riết, chuẩn bị kế hoạch tái chiếm Đông Dương khi quân Đồng minh đổ bộ vào tiến công quân Nhật.

Âm mưu và hành động đó không lọt qua được tai mắt phátxít Nhật. Chúng đưa thêm quân đội vào Đông Dương và quyết định hành động trước để tiêu diệt quân Pháp. Ngày 09/3/1945, Nhật đưa tối hậu thư đòi Pháp phải trao tất cả quyền hành cho chúng và bắt giam Toàn quyền Đờ Cu (Decoux) ở Sài Gòn. Trên toàn Đông Dương, Nhật nổ súng tấn công, quân Pháp không chống cự nổi và đã đầu hàng nhanh chóng.

Đảng ta theo dõi tình hình rất sát. Ngay trong đêm Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh), do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì. Hội nghị chủ trương “phát động một cao trào *kháng Nhật cứu nước* mạnh mẽ để làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa”<sup>1</sup>. Nội dung của hội nghị được trình bày trong bản chỉ thị lịch sử ngày 12/3/1945: “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Chỉ thị quan trọng này thể hiện rõ sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, kịp thời và sáng tạo của Đảng ta. Nó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng trong cao trào chống Nhật, cứu nước, dẫn đến thắng lợi của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám.

Dưới ánh sáng Chỉ thị của Trung ương và tác động của tình hình mới, từ sau tháng 3/1945, phong trào đấu tranh cách mạng trên địa bàn tỉnh phục hồi nhanh chóng. Nhiều đồng chí cán bộ, đảng viên bị giặc bắt giam đã thoát khỏi nhà tù trở về hoạt động, bắt lại liên lạc với các đồng chí còn lại ở địa phương,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.7, tr.367.



nhANH chóng khôi phục tổ chức đảng, khôi phục phong trào. Nhiều đồng chí đảng viên các nơi khác cũng quy tụ về địa bàn tỉnh, một số đảng viên phá trại giam Bà Rá về cũng nhanh chóng móc nối, hòa nhập vào phong trào. Số đảng viên tăng lên nhanh, phần lớn các đồng chí có năng lực tổ chức lãnh đạo. Các nhóm cộng sản đều có sự liên lạc và kết hợp với nhau trên một số mặt công tác. Tất cả các nhóm đều ra sức phát triển tổ chức đảng, mở rộng cơ sở, ráo riết chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa.

Về phía kẻ thù, sau khi Nhật đảo chính Pháp, bộ máy thống trị vẫn được duy trì nguyên vẹn, chỉ có một điều khác trước là phátxít Nhật thay Pháp làm toàn quyền, khâm sứ, thống đốc, công sứ nắm toàn bộ quyền lợi. Nhật đưa Trần Trọng Kim lên lập ra chính phủ bù nhìn.

Trên địa bàn tỉnh, từ sau tháng 3/1945, Nhật ra sức xây dựng bộ máy cai trị của chúng, đồng thời tìm mọi cách đàn áp phong trào cách mạng. Chúng sử dụng lại tên ác ôn đầu sỏ Lương Sơ Khai làm tỉnh trưởng, Đỗ Văn Công làm quận trưởng..., cùng với bè lũ tay sai. Chúng giữ nguyên hệ thống hành chính cũ bao gồm tỉnh, quận (4 quận), tổng (12 tổng) và làng (123 làng). Ngoài ra, chúng còn bố trí nhiều trung đoàn bộ binh chiếm đóng các vị trí quan trọng về quân sự, kinh tế và chính trị như thị xã, các thị trấn, các đồn điền cao su lớn Lộc Ninh, Hớn Quản, Dầu Tiếng, Thuận Lợi..., đồn biên phòng ở biên giới Việt Nam - Campuchia, nhà ga xe lửa Lộc Ninh - Sài Gòn.

Các tổ chức, đảng phái thân Nhật như Thanh niên ái quốc đoàn, Thanh niên bảo quốc đoàn, Võ sĩ đoàn, Nghĩa đạo thực hành đoàn... đẩy mạnh các hoạt động lừa bịp Nhân dân, tuyên truyền về nền độc lập giả hiệu của Chính phủ Trần Trọng Kim, thuyết “Đại Đông Á”, thuyết “Đồng văn, đồng chủng”, tuyên truyền Nhật sẽ ủng hộ Việt Nam độc lập. Bọn Tờrốtkit cũng làm tay sai cho Nhật.

Cùng với việc xây dựng và củng cố bộ máy cai trị, bọn quân phiệt Nhật còn ra sức vơ vét của cải để nuôi dưỡng và kéo dài chiến tranh. Chúng xây dựng một hệ thống gồm hàng trăm kho tàng ở những nơi bảo đảm bí mật và ở 10/22 đồn điền (Quận Lợi, Lộc Ninh, Đa Kia, Thuận Lợi, Xa Cam, Dầu Tiếng, Phước Hòa...), tích trữ hàng ngàn tấn lương thực, thực phẩm, dược liệu, nguyên vật liệu... mà chúng ăn cướp từ nhiều tỉnh, thành ở Nam Kỳ. Chúng định mức thuế cao đối với các loại hàng xuất; bắt hàng ngàn dân công đi xây dựng hệ thống hầm kho, hầm trú ẩn, hào chiến đấu, công trình bảo vệ phi trường, các đồn lính Nhật ở khắp nơi trên địa bàn tỉnh như Phú Hòa, thành Săng Đá (thị xã), Tân Uyên, Chơn Thành, Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp, Lộc Ninh...



Đã man nhất là chúng đã thủ tiêu tất cả những người đào hầm cất giấu vũ khí, các mặt hàng chiến lược cho chúng ở tất cả các nơi để bịt đầu mối<sup>1</sup>.

Tình cảnh vô cùng khốn đốn đó đã làm cho các tầng lớp nhân dân nhận ra bộ mặt thật của phátxít Nhật. Được Đảng Cộng sản tuyên truyền, giáo dục và tổ chức, nên các tầng lớp nhân dân, nhất là quần chúng lao động, sục sôi tinh thần cách mạng, quyết tâm vùng lên đánh đổ phátxít Nhật và tay sai để giành lại đất nước của mình.

Cao trào chống Nhật, cứu nước của Nhân dân trong tỉnh được mở đầu bằng cuộc nổi dậy “tự giải thoát” của 200 tù chính trị ở cảng Bà Rá vào lúc 7 giờ ngày 10/3/1945. Cuộc “tự giải thoát” đã thành công nhờ có sự chuẩn bị từ trước và nhân cơ hội Pháp bỏ chạy, binh lính Nhật (1 đại đội) mới đến, chưa kịp vào cai quản. Ngoài việc tự giải thoát, các đồng chí còn vận động binh lính người Việt và người Pháp bỏ trại và giấu súng<sup>2</sup>. Sau khi ra khỏi cảng, các đồng chí đã tổ chức một cuộc mítting bên bờ sông Bé gồm 40 người, trong đó có các đồng chí Nguyễn Thành A, Hồ Bá Phúc, Trương Văn Bang, Liên, Giáo, Nữ, Xuân, Hồng, Thơm... Tại cuộc mítting, đồng chí Nguyễn Thành A thay mặt đoàn đọc bản Tuyên ngôn của Mặt trận Việt Minh và nhắc nhở mọi người khi về địa phương hãy góp phần cùng Đảng bộ và Nhân dân chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền<sup>3</sup>.

Tiếp theo cuộc nổi dậy của tù chính trị tại cảng Bà Rá, công nhân, nông dân ở nhiều vùng khác trên địa bàn tỉnh cũng phá kho thóc của Nhật để cứu đói cho Nhân dân trong vùng.

Giữa lúc phong trào cách mạng của quần chúng đang bắt đầu phát triển, đồng chí Văn Công Khai - Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một triệu tập hội nghị Tỉnh ủy tại nhà anh Nguyễn Thiện Hành (Sáu Trọng) ở làng Mỹ Phước, với sự có mặt của đồng chí Nguyễn Văn Trấn - phái viên của Xứ ủy Tiền phong phụ trách các tỉnh ủy miền Đông.

Hội nghị nhận định Nhật là kẻ thù chính, trước mắt; đồng thời đề ra chủ trương phải đẩy mạnh công tác phát triển Đảng và hội cứu quốc, lập ra đội tự vệ, sắm sửa vũ khí để giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào.

1. Ở vùng Bà Rá còn 1 người sống sót đã tố cáo tội ác dã man này của Nhật với cách mạng. Sau ngày 30/4/1975, ta còn thu được những thùng phuy xăng máy bay của Nhật ở phía nam chân núi Bà Rá.

2. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, các đồng chí Lâm Quốc Dũng, Tô Ký đến lấy số súng đó về trang bị cho tự vệ vùng Gia Định.

3. Có 20 đồng chí về lại 14 tỉnh, thành, hầu hết tham gia cấp ủy địa phương.



Chủ trương đúng đắn đó của Tỉnh ủy được phổ biến đến tận chi bộ, các nhóm đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh.

Sau khi dự hội nghị ở tỉnh về, đồng chí Lê Đức Anh đã tổ chức thực hiện chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa trên tất cả các làng ở đồn điền Lộc Ninh, Hớn Quản, Đa Kia... đến các vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Công tác chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền được đẩy mạnh với hàng loạt các tổ chức đoàn thể ra đời và bắt đầu hoạt động công khai. Công tác chuẩn bị khởi nghĩa cũng lan rộng trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Tháng 5/1945, dưới sự chỉ đạo của Xứ ủy Tiền phong, tổ chức Thanh niên Tiền phong được thành lập tại Sài Gòn do Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch - đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương làm thủ lĩnh. Trong thời gian ngắn vận động và tổ chức, với sự hoạt động tích cực của cán bộ, đảng viên, đoàn viên công đoàn, đội ngũ Thanh niên Tiền phong đã phát triển nhanh chóng ở hầu hết các tỉnh Nam Kỳ.

Ở Thủ Dầu Một, tổ chức Thanh niên Tiền phong được thành lập, do đồng chí Trịnh Kim Ảnh<sup>1</sup> làm thủ lĩnh. Hoạt động của Thanh niên Tiền phong rất sôi nổi. Anh chị em Thanh niên Tiền phong ngày đêm học tập, canh gác, giữ gìn trật tự đường phố, đi dạy các lớp bình dân học vụ... Khí thế sục sôi cách mạng bao trùm thị xã, thị trấn, nông thôn đến đồn điền cao su. Không chỉ có thanh niên mà thiếu niên, người già, phụ nữ cũng tham gia tích cực. Hàng ngày, trên khắp nẻo đường, những lời hát “Này thanh niên ơi, đứng lên đáp lời sông núi”, “Nào anh em ta cùng nhau xông pha lên đường...” vang lên, hun đúc tinh thần yêu nước, nâng cao tinh thần đấu tranh cho tự do, độc lập của dân tộc.

Bên cạnh các hoạt động chính trị, văn hóa để chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa, tháng 5/1945, Liên tỉnh ủy miền Đông đã triệu tập hội nghị tại Biên Hòa, với sự tham dự của các đại biểu của đảng bộ các tỉnh Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Gia Định, Biên Hòa để phổ biến tình hình và nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới, phổ biến chủ trương của Xứ ủy là gấp rút xây dựng, phát triển cả lực lượng chính trị và vũ trang để chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Đây là cuộc họp quan trọng, là cơ sở để đoàn kết các đảng viên cộng sản, tạo sự thống nhất hành động trước thời cơ mới.

Sau Hội nghị Liên tỉnh ủy miền Đông, tỉnh, cấp ủy đảng chủ trương phát động phong trào sắm sửa vũ khí, lập đội tự vệ, trang bị vũ khí và huấn luyện

---

1. Đồng chí Trịnh Kim Ảnh sau này là Giáo sư, Bác sĩ, Giám đốc Bệnh viện Chợ Rẫy; hiện nay đã từ trần.



quân sự cho thanh niên. Trong các tổ chức Thanh niên Tiên phong, Thanh niên Cứu quốc, hầu hết đoàn viên đều tự trang bị gậy tầm vông, dao găm, luyện tập võ nghệ. Hàng trăm thợ rèn ở khắp nơi trong tỉnh coi việc rèn dao, gươm cho Việt Minh là hành động yêu nước. Ngoài ra, ta còn tổ chức lấy được hàng trăm khẩu súng của bọn Nhật, Pháp và ngụy quân đem trang bị cho thanh niên, công nhân, nông dân.

Không khí chuẩn bị khởi nghĩa sôi nổi, khẩn trương của quần chúng cách mạng đã lôi cuốn những người đang lừng chừng, do dự, bàng quan trong giai cấp tư sản, địa chủ ngả theo Việt Minh, ngăn chặn được những hoạt động của bọn tay sai thân Nhật.

## **2. Khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8/1945 trên địa bàn Bình Phước**

Sau khi đánh tan quân phátxít Đức, ngày 09/8/1945, Hồng quân Liên Xô tổ chức tấn công đạo quân Quan Đông của Nhật. Ngày 13/8/1945, phátxít Nhật đầu hàng không điều kiện các nước Đồng minh. Sự kiện này làm cho quân đội Nhật ở Đông Dương mất tinh thần, hoang mang, rệu rã, Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim hoàn toàn tê liệt từ trên xuống dưới.

Từ ngày 13 đến ngày 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào khẳng định: Điều kiện tổng khởi nghĩa đã chín muồi, Đảng phải lãnh đạo toàn dân nổi dậy giành chính quyền trong cả nước trước khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương<sup>1</sup>. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập, do đồng chí Trường Chinh làm Trưởng ban. Được tin Nhật đầu hàng Đồng minh, ngay trong đêm 13/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra Quân lệnh số 1 hạ lệnh Tổng khởi nghĩa.

Ngày 16/8/1945, cũng tại Tân Trào, Đại hội Quốc dân khai mạc, có hơn 60 đại biểu của ba miền Bắc, Trung, Nam tham dự. Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng và 10 chính sách của Việt Minh; quyết định thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đại hội cũng quy định quốc kỳ, quốc ca của nước Việt Nam mới.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, 25 triệu đồng bào ta đã nhất tề vùng dậy “đem sức ta mà giải phóng cho ta”. Sức mạnh của cuộc Tổng khởi nghĩa như triều dâng, thác đổ, nhấn chìm lũ cướp nước và bán nước.

Quán triệt Nghị quyết của Trung ương Đảng và Xứ ủy Nam Kỳ về Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, đồng chí Văn Công Khai - Bí thư Tỉnh ủy tổ chức

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.7, tr.424-430.



ngay cuộc họp Tỉnh ủy mở rộng đến bí thư chi bộ<sup>1</sup> bàn việc thực hiện Nghị quyết của Xứ ủy và lệnh Tổng khởi nghĩa của Trung ương. Hội nghị quyết định:

- 1) Thành lập Ủy ban khởi nghĩa ở tỉnh do đồng chí Văn Công Khai phụ trách.
- 2) Các cơ sở lập ngay Ủy ban khởi nghĩa.
- 3) Ngày 25/8/1945, tập trung lực lượng trong toàn tỉnh giành chính quyền tại thị xã.
- 4) Các thị trấn, đồn điền cao su đồng loạt khởi nghĩa, hoặc sớm hơn tùy tình hình cụ thể.

Hội nghị chủ trương hết sức tránh những vụ khiêu khích của địch. Nếu chúng chống lại thì ta dùng lực lượng tự vệ chiến đấu và huy động quần chúng đấu tranh. Hội nghị khẳng định dù tình thế khó khăn thế nào cũng phải khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

Chấp hành chủ trương của Tỉnh ủy và Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, Nhân dân trên địa bàn tỉnh đã nhất tề đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong khí thế tiến công sôi sục.

Tại Lộc Ninh, sáng sớm ngày 24/8/1945, nông dân và công nhân các đồn điền cao su Lộc Ninh, Đa Kia với nòng cốt là lực lượng thanh niên quyết chiến, tự vệ, lực lượng của tổ chức “những người Việt Nam mới” nhất tề nổi dậy. Từng đoàn người với gậy tầm vông vạt nhọn, xà beng, giáo mác, cung nỏ tiến vào các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền cao su và các cơ sở sản xuất. Đoàn người ồ ạt vượt rào, leo tường, giương cao cờ đỏ sao vàng, căng khẩu hiệu “chính quyền về tay Nhân dân”, “Việt Nam độc lập muôn năm”, “Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm”. Bọn lính Nhật đa số đầu hàng, những tên không đầu hàng thì bị bắt hoặc bị trừng trị.

Riêng tại nhà chỉ huy của phátxít Nhật, viên chỉ huy Nhật ra lệnh bắn vào lực lượng thanh niên quyết chiến đang tiến tới. Tình hình trở nên khó khăn. Đồng chí Lê Đức Anh chọn ra một đội gồm những chiến sĩ cảm tử và đích thân chỉ huy đánh chiếm mục tiêu. Địch bắn xối xả, nhiều chiến sĩ ngã xuống, song người này ngã, người khác tiếp bước xông lên đánh chiếm mục tiêu. Sau 15 phút, ta chiếm được mục tiêu, 18 lính Nhật bị giết, trong đó có 2 tên chỉ huy, những tên còn lại đầu hàng. Ta thu 40 khẩu súng và toàn bộ quân trang, quân dụng.

---

1. Hội nghị họp tại chợ Bưng Cầu, làng Tương Bình Hiệp.



Trong cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tại Lộc Ninh, 22 chiến sĩ, công nhân đã hy sinh anh dũng. Lộc Ninh trở thành một trong những nơi giành chính quyền sớm nhất trong tỉnh Thủ Dầu Một. Sau cuộc khởi nghĩa thắng lợi, đồng chí Lê Đức Anh cùng các đồng chí Ba Quyên (lái xe), Ba Ánh (công nhân), Ba Đèn, Cầu, Kỳ, Ngân - những người lãnh đạo phong trào trở thành những người phụ trách chính quyền. Đó là chính quyền độc lập đầu tiên ở Lộc Ninh.

Tại Bù Đốp, lực lượng khởi nghĩa gồm có nông dân, công nhân với dao, gậy... bao vây đánh địch, chiếm được kho súng, trong đó có cả súng máy. Đây là nguồn súng góp phần trang bị cho lực lượng vũ trang địa phương.

Tại Hớn Quản, sáng ngày 25/8/1945, đông đảo công nhân và Nhân dân các đồn điền Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch, Xa Cát... nổi dậy tổ chức mítting rồi chuyển sang biểu tình, mang xẻng, cuốc, gậy gộc, xà beng, búa, cả súng trường và lựu đạn, kéo nhau đi chiếm nơi ở và làm việc của bọn chủ, giành lại quyền làm chủ đồn điền. Đối với bọn Nhật, công nhân và nông dân với gậy tầm vọt nhọn, dao găm và một ít súng tối vậy các đồn bót có lính Nhật chiếm đóng. Các đại biểu công nhân hùng dũng tiến vào tận sào huyệt địch. Trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng cách mạng, bọn tư bản Pháp và bọn chỉ huy quân Nhật đều run sợ, chúng vội vàng giao chìa khóa tủ sắt, công xưởng, các kho tàng, máy móc, đồn bót cho đại biểu nhân dân, trả lại đồn điền cho công nhân.

Sau khi giành được quyền quản lý các đồn điền, đông đảo công nhân cùng với nông dân và đồng bào dân tộc thiểu số, mà nòng cốt là lực lượng thanh niên, kéo về chợ Hớn Quản tổ chức mítting lớn nhằm biểu dương lực lượng cách mạng, đồng thời giành chính quyền ở quận lỵ. Tại cuộc mítting, đồng chí Nguyễn Văn Trung - Tỉnh ủy viên được cử làm lãnh đạo khởi nghĩa, đã nói chuyện trước Nhân dân, giải thích rõ cuộc cách mạng đồng thời kêu gọi Nhân dân ủng hộ cách mạng giữ vững chính quyền vừa giành được. Cuộc mítting mà thực chất là cuộc nổi dậy biểu dương lực lượng giành chính quyền đã diễn ra với khí thế vô cùng rầm rộ, náo nức.

Cũng trong sáng ngày 25/8/1945, cùng với việc khởi nghĩa giành chính quyền ở quận, xã, các đồn điền, Ủy ban khởi nghĩa cử khoảng 100 công nhân Lộc Ninh, Hớn Quản và 50 nông dân người dân tộc thiểu số, với trang bị chừng 30-40 khẩu súng kéo xuống thị xã Thủ Dầu Một tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ.

Ở đồn điền Thuận Lợi, tin khởi nghĩa giành thắng lợi ở Sài Gòn, thị xã Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Lộc Ninh, Hớn Quản..., nhanh chóng truyền đến làm cho hàng ngàn công nhân và nông dân phấn khởi. Chớp thời cơ thuận lợi đó,



đồng chí Nguyễn Đình Kính (công nhân cao su) đứng ra thành lập Đoàn Thanh niên Tiên phong cùng với Hội Phụ nữ Cứu quốc giữ vai trò nòng cốt bảo vệ đồn điền và cử người ra thành lập chính quyền cách mạng tại đồn điền. Trụ sở ủy ban là nhà của chủ đồn điền cao su trước đây.

Ở Bà Rá (Phước Long), lúc này, bọn sĩ quan, binh lính Nhật vẫn còn đóng ở quận lỵ Bà Rá không dám đi khùng bố, chờ quân Đồng minh (quân Anh) đến để giao nộp vũ khí. Bọn hội tề các làng, xã tự tan rã, bọn tay sai Nhật, Pháp lẩn trốn không dám hoạt động. Trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bọn cai tổng đã bỏ việc từ mấy ngày trước, trốn ở nhà để tránh sự tấn công của quần chúng.

Ở thị xã Thủ Dầu Một, đúng theo kế hoạch, rạng sáng ngày 25/8/1945, hàng chục ngàn đồng bào các nơi trong tỉnh, với gậy gộc, gươm giáo, súng, cờ, biểu ngữ kéo vào tràn ngập thị xã. Khí thế cách mạng như triều dâng, thác đổ. Đến sáng ngày 25/8/1945, lực lượng khởi nghĩa đã chiếm được toàn bộ các cơ quan trong thị xã.

7 giờ sáng ngày 25/8/1945, một cuộc mítting lớn, gồm đủ các giai cấp, tầng lớp (công nhân, nông dân, dân tộc, tôn giáo, trí thức...) tham gia được tổ chức trước dinh tỉnh trưởng. Đồng chí Văn Công Khai - Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban Khởi nghĩa tỉnh thay mặt Ủy ban khởi nghĩa tuyên bố xóa bỏ chính quyền phản động thân Nhật, thành lập chính quyền cách mạng. Hơn năm vạn đồng bào thay mặt cho hơn 15 vạn Nhân dân trong tỉnh chứng kiến một sự kiện quan trọng chưa từng có trong lịch sử của tỉnh là xóa bỏ chính quyền cũ của quân Nhật và bẻ gãy tay sai, dựng lên chính quyền mới - chính quyền của Nhân dân. Sau cuộc mítting, quần chúng tổ chức tuần hành thị uy, hô vang các khẩu hiệu "Việt Nam độc lập muôn năm", "chính quyền thuộc về tay Nhân dân".

Kết thúc cuộc tuần hành, dưới sự hướng dẫn của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, các đoàn phân công đi tiếp quản các cơ quan hành chính, tòa án, đồn cảnh sát, trại giam, kho bạc, bưu điện... Như vậy là, trong ngày 25/8/1945, Nhân dân Thủ Dầu Một đã giành chính quyền thắng lợi.

\*

\* \*

Để tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 giành thắng lợi, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh đã đấu tranh liên tục và bền bỉ, vượt qua nhiều thử thách, cam go. Ngoài những nguyên nhân chung, còn có những nguyên nhân riêng dẫn đến thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám trên địa bàn tỉnh. Đó là:



Qua 15 năm vận động cách mạng, các cấp ủy đảng đã lãnh đạo Nhân dân đấu tranh quyết liệt với kẻ thù. Chính đạo quân chính trị đó ngày càng trưởng thành, trở thành lực lượng có sức mạnh áp đảo đối với bộ máy thống trị, đàn áp của kẻ thù. Cuối cùng, dưới sự lãnh đạo của tổ chức đảng, Nhân dân trong tỉnh đã giành được chính quyền. Đó là kết quả của quá trình vận động cách mạng từ năm 1929, khi tổ chức cộng sản đầu tiên ra đời ở Phú Riềng, trải qua cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ trong cao trào cách mạng 1936-1939 và trực tiếp là cuộc vận động giải phóng dân tộc 1939-1945. Những cuộc đấu tranh đó thực sự là những cuộc tổng diễn tập chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Qua đó, cấp ủy đảng và Nhân dân trong tỉnh đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu về nhiều mặt, nhất là về vận động và phát động quần chúng, về nghệ thuật giành chính quyền.

Cấp ủy đảng đã lãnh đạo Nhân dân nhanh chóng, kịp thời chớp thời cơ trong Cách mạng Tháng Tám. Bằng nhiều hình thức tuyên truyền vận động, cấp ủy đảng đã xây dựng được khối đoàn kết toàn dân, gồm tất cả các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, trong đó lấy lực lượng công - nông làm nòng cốt. Với lực lượng đông đảo đó, tranh thủ thời cơ thuận lợi, ta chủ yếu dùng bạo lực chính trị của quần chúng, có lực lượng tự vệ vũ trang hỗ trợ, liên tiếp tấn công kẻ thù trên nhiều mặt, làm cho địch tan rã từng bộ phận, dẫn đến tan rã hoàn toàn một cách nhanh chóng. Xuất phát từ Lộc Ninh, cuộc khởi nghĩa nhanh chóng phát triển và giành được thắng lợi ở khắp các địa phương trong tỉnh mà không phải đổ máu.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám trên địa bàn tỉnh còn là kết quả của quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên làm lực lượng lãnh đạo cách mạng. Từ chỗ chỉ có một tổ chức cộng sản ở Phú Riềng, trải qua 15 năm đấu tranh xây dựng trong sự khủng bố, đàn áp vô cùng ác liệt của kẻ thù, với những bước thăng trầm, lực lượng cách mạng mỗi ngày một lớn mạnh và khi thời cơ đến đã kịp thời đứng lên lãnh đạo quần chúng nổi dậy đồng loạt giành chính quyền về tay Nhân dân, góp phần tô thắm thêm trang sử hào hùng của địa phương, dân tộc.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã mở ra trang sử mới cho các dân tộc trên địa bàn tỉnh, tạo tiền đề để từng bước tiến lên giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975).



**PHẦN II**

**LÃNH ĐẠO QUÂN VÀ DÂN BÌNH PHƯỚC  
KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP  
(9/1945-7/1954)**





**Chương I**  
**XÂY DỰNG, Củng cố CHÍNH QUYỀN**  
**VÀ TÍCH CỰC KHÁNG CHIẾN TRONG NĂM ĐẦU TIÊN**  
**SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM**  
**(9/1945-12/1946)**

**I. XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, THAM GIA CHI VIỆN CHO**  
**MẶT TRẬN SÀI GÒN - GIA ĐỊNH VÀ CHUẨN BỊ TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU**

**1. Xây dựng chính quyền cách mạng**

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đánh dấu sự biến đổi vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam - đưa dân tộc ta bước sang kỷ nguyên mới: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Lần đầu tiên trong lịch sử, cùng với Nhân dân cả nước, Nhân dân các dân tộc trên địa bàn Bình Phước đã thực sự làm chủ bản thân mình và tham gia vào sự nghiệp xây dựng đất nước.

Nhiệm vụ chính trị cấp bách của địa phương lúc bấy giờ là bảo đảm ổn định an ninh trật tự, nhanh chóng xây dựng chính quyền mới, tổ chức ổn định đời sống cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là tổ chức sản xuất, ổn định đời sống cho công nhân các đồn điền cao su khi chưa có điều kiện phục hồi sản xuất cao su.

Để thực hiện chính sách mở rộng mặt trận đoàn kết và khắc phục tình hình thiếu cán bộ trong những ngày đầu giành chính quyền, nhiều nơi đã giữ lại một số người tiến bộ trong bộ máy chính quyền cũ, đưa thêm cốt cán, cán bộ cách mạng vào làm nòng cốt tổ chức thành chính quyền cách mạng.

Ở Hớn Quản, khi thiết lập chính quyền mới, ta coi đây là một quận và tạm cử Phạm Văn Tốt (Út Tốt) là Thư ký hành chính quận thời Pháp thuộc lên làm Chủ tịch, Nguyễn Văn Lân (Cò Lân) làm Phó Chủ tịch, Mai Tác làm Ủy viên thư ký, đồng chí Nghĩa là đảng viên làm Ủy viên quân sự. Một thời gian sau, Út Tốt về nhận nhiệm vụ mới tại quận Châu Thành, Cò Lân lên thay làm Chủ tịch, đồng chí Vũ Đình Thính làm Phó Chủ tịch. Sau đó, Cò Lân xin từ chức, đồng chí Vũ Đình Thính lên làm Chủ tịch.

Ở Lộc Ninh, ta thành lập Ủy ban hành chính Lộc Ninh do đồng chí Lê Đức Anh cùng các đồng chí Ba Quyên, Ba Ánh, Ba Đèn, Ngàn, Cầu, Kỳ Năm phụ trách.

Ở Bà Rá lúc này chưa có cơ sở cách mạng. Mãi đến năm 1947, ta mới xây dựng được cốt cán và thành lập Ủy ban kháng chiến hành chính cấp huyện.

Ở các làng (sau này thống nhất gọi là xã), Ủy ban hành chính do quần chúng địa phương bầu công khai. Người có uy tín trong xã, không liên quan đến chính quyền cũ được cử làm chủ tịch. Thành phần ủy ban có thể có một số ít người trong ban hội tề cũ, song phải là những người trước đây không hà hiếp Nhân dân.

Ở đồn điền Thuận Lợi, văn phòng chủ sở người Pháp, nơi trước đây công nhân đi qua không dám ngẩng mặt nhìn, đã trở thành trụ sở của Ủy ban kháng chiến hành chính.

Tình hình Sài Gòn trở nên phức tạp khi quân đội Anh thay mặt Đồng minh kéo vào làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 trở vào. Từ tháng 9/1945, quân đội Anh đã có những hành động lấn át chính quyền cách mạng của ta như chiếm một số bót cảnh sát do lực lượng cách mạng chiếm giữ, ra thông cáo cấm Nhân dân ta tụ họp... Chúng còn trang bị súng ống cho người Pháp bằng cách mở cả kho vũ khí của Nhật ở Thị Nghè hoặc giao cho Pháp số vũ khí tước của Nhật.

Trước tình hình đó, thi hành chỉ thị của Trung ương, Ủy ban hành chính Nam Bộ hết sức kìm chế, cố tránh những vụ khiêu khích, tranh thủ hòa hoãn, nhanh chóng xây dựng lực lượng để đối phó với tình huống xấu nhất sẽ xảy ra.

Tình hình chiến sự ở Sài Gòn ảnh hưởng rất nhanh đến các tỉnh lân cận. Được sự chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một rất quan tâm đến việc xây dựng lực lượng quân đội và quốc gia tự vệ (cuối năm 1946 đổi tên thành công an).

Ở Lộc Ninh, chính quyền cách mạng phân công đồng chí Lê Đức Anh phụ trách quân sự, trực tiếp tổ chức lực lượng vũ trang. Lực lượng này thu hút hàng ngàn thanh niên tích cực trong các làng cao su, bố trí thành các tiểu đội, trung đội, đại đội. Lực lượng vũ trang có quân phục là quần áo bà ba màu nâu, giày được làm bằng mủ tờ (mủ cao su) sơ chế, mũ calô vải xanh. Do lực lượng này mặc đồng phục màu nâu nên được gọi là “bộ đội áo nâu” hay “đội quân áo nâu”. Phần lớn được trang bị vũ khí thô sơ như súng gỗ gắn dao, giáo mác, tầm vông vạt nhọn có dây trói đeo ở đầu gậy.



Ở các đồn điền cao su Hớn Quản, Thuận Lợi, lực lượng “những người Việt Nam mới” của đồng bào các dân tộc thiểu số như Xtiêng, Chơ Ro được duy trì và trang bị thêm vũ khí, song hầu hết vẫn là cung tên, nên lực lượng này được gọi là “đội quân cung tên”.

Ngay trong tháng 9/1945, Xứ ủy Nam Bộ điều đồng chí Nguyễn Văn Tiết về Thủ Dầu Một làm Bí thư Tỉnh ủy. Tỉnh ủy chủ trương tích cực xây dựng bộ máy chính quyền, đặc biệt là tổ chức Việt Minh và các đoàn thể quần chúng. Đồng chí Nguyễn Đức Nhân được cử làm Chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh. Tổ chức Việt Minh ở các quận, xã nhanh chóng được thành lập làm chỗ dựa cho chính quyền cách mạng. Hai đoàn thể Thanh niên và Phụ nữ cũng được tổ chức ở hầu hết các xã trong tỉnh.

Các đội thanh niên cách mạng ở Hớn Quản đều có đội trưởng, đội phó và liên lạc, được trang bị dao găm, gậy tầm vông, dây thừng, súng gỗ gắn dao thường xuyên luyện tập. Đội thanh niên có nhiệm vụ tuần tra, canh gác, khi có vấn đề gì xảy ra thì báo động.

Ở Thuận Lợi, đồng chí Nguyễn Đình Kính - công nhân cao su đã vận động thành lập đội thanh niên. Lực lượng này tự trang bị vũ khí thô sơ, hằng hái luyện tập quân sự. Hội Phụ nữ Cứu quốc do chị Mai làm Hội trưởng đã vận động được nhiều chị em tham gia bảo vệ đồn điền dưới sự điều hành của Ủy ban hành chính Thuận Lợi.

Khí thế cách mạng lan truyền khắp các đồn điền cao su. Công nhân cao su Quản Lợi, Lộc Ninh, Thuận Lợi, Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch, Đa Kia... tham gia vào tổ chức công đoàn tiếp quản toàn bộ cơ sở vật chất do tư bản Pháp để lại, lấy lương thực, thực phẩm, tiền bạc còn lại trong kho phát cho công nhân, động viên công nhân sản xuất lương thực, thực phẩm, bước đầu ổn định đời sống cho công nhân và gia đình của họ.

Giữa tháng 9/1945, Tỉnh ủy Biên Hòa thành lập Trường Huấn luyện cán bộ quân sự đầu tiên ở miền Đông, bấy giờ gọi trại du kích Vĩnh Cửu. Các chiến sĩ được huấn luyện vừa biết chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, quản lý đơn vị, vừa biết làm công tác chính trị, binh vận, dân vận. Hầu hết các học viên của trường sau này đều là những cán bộ nòng cốt trong xây dựng lực lượng vũ trang ở các địa phương, trong đó có các quận Bà Rá, Hớn Quản.

Chỉ trong gần một tháng, kể từ Tổng khởi nghĩa đến nửa cuối tháng 9/1945, bộ mặt của tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một nói chung và các địa phương thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay nói riêng, đã có những thay đổi quan trọng. Chính quyền, lực lượng vũ trang và các đoàn thể cách mạng ra đời và hoạt động sôi nổi.



Nhân dân trực tiếp làm chủ cuộc sống, vườn cây, nhà máy. Những nhân tố mới của cuộc sống độc lập, tự do đang từng bước được hình thành.

## **2. Tham gia chi viện cho mặt trận Sài Gòn - Gia Định và chuẩn bị trực tiếp chiến đấu**

Đêm 22 rạng sáng ngày 23/9/1945, được quân Anh yểm trợ, thực dân Pháp nổ súng tấn công Sài Gòn, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa.

Sáng ngày 23/9/1945, Xứ ủy và Ủy ban hành chính Nam Bộ họp, quyết định phát động Nhân dân đứng lên tiến hành ngay cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và ra lời kêu gọi: “Từ giờ phút này, nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta là tiêu diệt giặc Pháp và tay sai của chúng”<sup>1</sup>.

Tại thành phố Sài Gòn, công nhân, viên chức các công sở, nhà máy cùng với Nhân dân thực hiện triệt để chủ trương không hợp tác với địch. Ngoài mặt trận nội ô, xung quanh Sài Gòn dần dần hình thành bốn mặt trận bao vây, đánh địch. Cuộc chiến đấu diễn ra ngày càng ác liệt và lan rộng.

Tin tức về hành động tái xâm lược của thực dân Pháp và cuộc chiến đấu của Nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định nhanh chóng lan khắp các địa phương Nam Bộ. Nhận thức rõ tình hình đất nước có chiến tranh, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương thực hiện một số việc cấp bách là: Tuyên truyền, khơi dậy trong quần chúng lòng căm thù sâu sắc quân cướp nước, sẵn sàng chiến đấu với địch, khẩn trương củng cố và xây dựng thực lực về mọi mặt. Đặc biệt, đối với các đơn vị vũ trang, Tỉnh ủy chỉ đạo phải có kế hoạch cụ thể tiếp sức với Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định về người và của để ngăn chặn hành động xâm lược của địch, chuẩn bị sẵn sàng đánh địch tại chỗ nếu chiến sự lan đến địa phương.

Những diễn biến mới của tình hình đã đặt ra nhiệm vụ mới cho Đảng bộ và Nhân dân các địa phương. Đó là nhiệm vụ xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng của Nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị cho Nhân dân cả về tinh thần lẫn vật chất để bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta.

Sáng ngày 23/9/1945, từ Lộc Ninh, Hớn Quản, chính quyền cách mạng đã điều một đoàn xe tải chở thanh niên theo Quốc lộ 13 tiến về Sài Gòn chi viện

1. Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, t.1 (1945-1954), tr.237.



cho mặt trận nóng bỏng. Đây là những chiến sĩ được tuyển chọn từ “đội quân áo nâu” và “đội quân cung tên” do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy. Với số lượng chiến sĩ tương đương một tiểu đoàn, vũ khí thiếu thốn, chỉ có một ít súng lấy được của Nhật, Pháp trong thời gian khởi nghĩa, còn phần lớn là súng gỗ gắn dao và cung tên, song đội quân lên đường với lòng căm thù giặc sâu sắc và ý chí quyết chiến đấu đến cùng.

Khi giặc Pháp từ nội ô Sài Gòn mở rộng phạm vi lấn chiếm, quân ta chặn địch ở cầu Bến Phân (Hóc Môn), thì sự chi viện của đội quân áo nâu, đội quân cung tên của Hồn Quân, Lộc Ninh cho mặt trận này càng trở nên có hiệu quả thiết thực, kịp thời.

Song song với công tác chi viện cho mặt trận, việc chuẩn bị đánh địch tại chỗ được xúc tiến mạnh mẽ ở khắp các địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Cuối năm 1945, cơ quan quân sự của Chiến khu 7 cử một đơn vị vũ trang do đồng chí Vũ Đức làm Tư lệnh trưởng về đóng ở đồn điền Thuận Lợi. Nếu An Sơn là chiến khu đầu tiên của Chi đội 1 ở phía nam tỉnh Thủ Dầu Một, thì Thuận Lợi là chiến khu đầu tiên ở phía bắc tỉnh Biên Hòa. Trong thời gian này, lực lượng vũ trang của Chiến khu 7 đã giúp Thuận Lợi củng cố tổ chức, luyện tập quân sự để chuẩn bị kháng chiến ở địa phương. Từ căn cứ Thuận Lợi, hàng trăm công nhân cao su của đồn điền được tuyển vào bộ đội, đem theo nhiều máy móc, lương thực đến vùng Mỹ Lộc, Lạc An, Tân Tịch lập chiến khu Lạc An để cùng quân và dân tỉnh Biên Hòa chống thực dân Pháp.

Ở các đồn điền Quản Lợi, Lộc Ninh, Xa Cam, Xa Cát, Thuận Lợi, lực lượng tự vệ và công nhân tích cực chuẩn bị vũ khí và phương án chặn đánh địch.

Trên Quốc lộ 13 đoạn từ Chơn Thành đến Lộc Ninh, chính quyền cách mạng huy động hàng ngàn dân đào đường, đốn cây, lập chiến lũy phục kích địch. Công nhân chuyển kho tàng ra rừng đồng thời phá hủy các cơ sở sản xuất còn lại và đưa Nhân dân ra khỏi các vị trí trung tâm có khả năng địch sẽ tới chiếm, vận động bà con tản cư vào các làng xã ven đồn điền hoặc các tỉnh miền Trung, miền Tây Nam Bộ để làm ăn. Cuộc vận động này được đông đảo Nhân dân hưởng ứng. Phong trào bất hợp tác với địch phát triển rầm rộ và lan nhanh khắp các đồn điền.

Lực lượng “đội quân áo nâu” (trừ số do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy đi chi viện cho mặt trận cầu Bến Phân) còn lại ở Hồn Quân, Lộc Ninh, Bù Đốp tiếp tục hoạt động, tổ chức lực lượng lập 2 phòng tuyến chống địch ở Tà Bái và Bù Ka (phía đông sông Bé).



## II. QUÂN VÀ DÂN BÌNH PHƯỚC BUỔI ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Từ trung tuần tháng 10/1945, theo lệnh của quân Anh, quân đội Nhật đã giao lại cho Pháp những cứ điểm quân sự, một số đồn bót.

Ngày 23/10/1945, ở Sài Gòn, quân Anh, Pháp phá vỡ phòng tuyến Thị Nghè, tiến lên chiếm Biên Hòa. Ngày 25/10/1945, chúng từ Biên Hòa theo đường Tân Ba đánh lên Thủ Dầu Một. Tuyến ngăn chặn của quân ta ở cầu Bến Phân sau nhiều lần tổ chức đánh địch thắng lợi, đã được lệnh rút về Chánh Phú Hòa để bảo toàn lực lượng.

Ngày 25/12/1945, hai tháng sau ngày chiếm Thủ Dầu Một, quân Pháp được quân Anh yểm trợ chia thành hai mũi tiến công lên địa bàn Bình Phước: Một mũi từ thị xã Thủ Dầu Một lên; một mũi từ Tây Ninh đánh vào các đồn điền cao su Quản Lợi, Lộc Ninh, Thuận Lợi. Chúng tưởng sẽ nhanh chóng chiếm lại được một vùng cao su rộng lớn. Song đi đến đâu chúng cũng đều bị Nhân dân địa phương chuẩn bị sẵn trận địa, mai phục chặn đánh quyết liệt. Chúng phải tạm lui quân mấy lần để củng cố lực lượng. Hàng chục tên địch đã bị diệt bởi vũ khí thô sơ của Nhân dân. Tuy nhiên, do chênh lệch lực lượng, cuối cùng, thực dân Pháp cũng chiếm lại được Hớn Quản, Lộc Ninh, Bà Rá.

Sau khi tái chiếm, thực dân Pháp đẩy mạnh khủng bố và tăng cường các tổ chức tề điệp. Chúng tập hợp tay chân là bọn chủ đồn điền, tay sai ác ôn bị Nhật bắt nhốt trước đây, tổ chức lại bộ máy cai trị địa phương và thi hành hàng loạt các cuộc bắn giết trả thù, lùng bắt công nhân trở lại sở và khủng bố những người tích cực hoạt động trong Tổng khởi nghĩa. Tại chợ Lộc Ninh, thực dân Pháp đã giết 4 công nhân cốt cán đang đảm trách các công việc quan trọng của chính quyền.

Đã man nhất là trận trả thù hèn mạt của tên chủ Đờ Lalăng ở Công ty Xétxô (Lộc Ninh). Hắn kéo bọn tay chân lên đồi canh Kinkýna xả súng bắn vào làng. Trong vài giờ, chúng đã bắn chết hàng trăm người, hàng trăm căn nhà bị đốt cháy trụi. Cả làng công nhân chỉ còn lại một phụ nữ và một cháu bé 11 tuổi. Vụ thảm sát này là một trong hàng loạt hành động giết sạch, đốt sạch, phá sạch của địch ở vùng nông thôn. Các phần tử phản động ngóc đầu dậy hung hăng trả thù. Tên Tổng Mé ác ôn đã dẫn đường cho địch tiến hành hàng loạt đợt càn quét ở Lộc Ninh.

Dọc Đường 13, Đường 14 đoạn từ Đồng Xoài đến quận lỵ Bà Rá, Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp, thực dân Pháp tăng cường đồn bót, lập tề xã để kìm kẹp Nhân dân. Ở Hớn Quản, tên Mai Tác làm Ủy viên Ủy ban kháng chiến



hành chính đã phản bội, chỉ điểm nên Pháp đã bắn chết một số cán bộ cách mạng chủ chốt của địa phương như đồng chí Vĩ là đảng viên phụ trách Quận bộ Việt Minh, đồng chí Nghĩa là Ủy viên quân sự Ủy ban kháng chiến hành chính. Tại Đồng Xoài, chúng thường xuyên duy trì trên một đại đội cơ động để ứng chiến cho các vùng xung quanh. Riêng đồn điền Thuận Lợi, chúng có trên một trung đội lính để bảo vệ cho chủ sở. Cả ba làng công nhân ở đồn điền Thuận Lợi đều có đồn bót và lính Maroc được trang bị đầy đủ súng đạn trực chiến. Đồn điền Thuận Lợi trở thành một căn cứ quân sự của địch, có nhiều đồn bót xung quanh, sẵn sàng chi viện cho địa bàn khác.

Ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thực dân Pháp xây dựng những đội quân địa phương để bảo vệ cầu đường và các đồn bót. Chúng vừa bóc lột đồng bào, vừa khoét sâu mâu thuẫn Kinh - Thượng, kích động đồng bào dân tộc thiểu số bắn giết cán bộ người Kinh để đổi lấy muối, vải. Ban đầu, chúng treo giá 3 lít muối và một ít vải xấu cho một cán bộ bị giết. Sau đó, chúng nâng lên thành 20 lít muối rồi cả bao muối, vải.

Cùng với âm mưu chia rẽ về chính trị, tăng cường quân sự, thực dân Pháp còn bao vây về kinh tế hòng làm cho cán bộ, chiến sĩ và đồng bào ta thiếu lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhiều nhu yếu phẩm khác.

Tất cả các hoạt động nêu trên của địch đã gây khó khăn lớn cho ta. Song, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, quân và dân trên địa bàn Bình Phước đã kiên cường chịu đựng mọi gian khổ, từng bước vượt qua những khó khăn, duy trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngay từ những ngày 21 - 22/10/1945, do nắm được ý đồ Pháp sẽ đánh chiếm tỉnh lỵ, các cơ quan tỉnh đã rút khỏi thị xã, dời ra vùng nông thôn để bảo toàn lực lượng và tổ chức chiến đấu.

Thực hiện Chỉ thị “triệt để bãi chợ, bãi công và tiêu thổ kháng chiến” của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ và chỉ đạo của Tỉnh ủy, hầu hết các gia đình công nhân, nông dân đều tản cư vào các xóm ấp ven đồn điền hoặc các vùng rừng lân cận. Công nhân đồn điền Thuận Lợi chuyển về Phước Sang, An Linh. Công nhân đồn điền Quản Lợi di chuyển đến các điểm ở phía đông sông Bé. Công nhân cao su Xa Cam, Xa Cát chuyển vào khu vực giáp phía đông sông Sài Gòn. “Đội quân áo nâu” của các đồn điền Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch chuyển về phía đông sông Bé, đóng ở hai điểm Bù Nho và Tà Bái. Sau khi Nhân dân tản cư, tự vệ các đồn điền chuyển hết lương thực, gia súc ra khu rừng sát nơi đóng quân. Các máy móc tốt được đưa về khu, về tỉnh để làm xưởng công binh. Máy móc, nhà xưởng còn lại bị



đập phá, tháo tung, có nhà máy bị phá hủy đến 90% (như ở Thuận Lợi), các kho chứa mủ cao su bị đốt, lửa cháy âm ỉ suốt cả tuần lễ, vườn cây bỏ hoang trong nhiều tháng.

Diễn biến chiến sự ở Nam Bộ ngày càng nóng bỏng. Ngày 15/10/1945, Xứ ủy tổ chức hội nghị tại Cái Bè (Mỹ Tho). Tham dự hội nghị có các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, đại diện Xứ ủy và một số cán bộ của các tỉnh, thành phố ở Nam Bộ.

Hội nghị đã bàn và quyết định nhiệm vụ, phương hướng giải quyết những vấn đề cấp bách là chấn chỉnh tổ chức, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong từng cấp ủy địa phương. Qua đó, các cấp ủy đảng tăng cường sự lãnh đạo về mọi mặt, trước hết là chỉ đạo các lực lượng vũ trang. Hội nghị xác định nguyên tắc: Quân đội cách mạng phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.

Ngày 20/11/1945, đồng chí Nguyễn Bình chủ trì hội nghị quân sự hợp tại xã An Phú (Hóc Môn, Gia Định). Đồng chí đặt vấn đề thống nhất chỉ huy các lực lượng vũ trang, tránh tình trạng phân tán, cục bộ. Hội nghị quyết định tổ chức các lực lượng vũ trang Nam Bộ thành 25 chi đội (mỗi chi đội tương đương một trung đoàn). Mỗi chi đội chịu trách nhiệm một tỉnh. Chi đội vũ trang của tỉnh Thủ Dầu Một lấy tên là Chi đội 1 được thành lập và đã làm lễ ra mắt ở chiến khu An Sơn vào tháng 11/1945.

Cuối tháng 12/1945, lực lượng ta ở Tà Bái đưa 2 trung đội vào đánh Nhật ở Sóc Xiêm thuộc đồn điền Quản Lợi. Do ta bí mật áp sát rồi nổ súng nên địch bị bất ngờ, phải bỏ chạy. Ta thu được 1 súng, 3 lựu đạn và một số vật dụng khác. Sau đó, lực lượng ở Tà Bái tiếp tục đánh phục kích địch tại bìa sở cao su Xa Cô 28. Tiếp đó, ta đánh quân Pháp tại bến sông Tà Bái, diệt được 3 tên, buộc địch phải rút quân.

Thời gian này, “đội quân áo nâu” của công nhân cao su Lộc Ninh do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy đi chi viện cho mặt trận Sài Gòn trấn giữ ở cầu Bến Phân theo lệnh đã rút về xã Chánh Phú Hòa. Đơn vị vũ trang ở Quản Lợi, Bù Ka nhận lệnh về Khu bộ Khu 7 - vùng Lạc An. Sau đó, tất cả “đội quân áo nâu” cùng với một bộ phận bộ đội Nam tiến tập hợp về căn cứ ở Đất Cuốc, Lạc An, Thường Lang, tổ chức thành Trung đội A. Đơn vị hỗn hợp này có khoảng 300 quân, do đồng chí Nguyễn Văn Thi làm Chỉ huy trưởng<sup>1</sup>, đồng chí Lê Đức Anh làm Chính trị viên, các đồng chí Nguyễn Văn Hội và Lê Anh Cát làm Chỉ huy phó.

1. Theo nhân chứng Trần Quang Sang, Chỉ huy trưởng là đồng chí Nguyễn Đình Kính.



Sau đó, Trung đội A là đơn vị hỗn hợp của Hồn Quân được tách ra do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy được phân công về Hồn Quân - Lộc Ninh hoạt động. Về địa bàn này, đồng chí Lê Đức Anh liên kết với lực lượng vũ trang Bến Cát tổ chức thành Đại đội 3<sup>1</sup> do anh Qùy (tức Nguyễn Văn Ngộ) làm Đại đội trưởng, đồng chí Lê Đức Anh làm Chính trị viên.

Trong thời gian cuối năm 1945 và cả năm 1946, quân dân Hồn Quân, Lộc Ninh phải chiến đấu, sinh hoạt trong hoàn cảnh hết sức khó khăn. Là địa bàn ruộng ít, rừng nhiều, lại bị địch càn quét, phá hoại liên tiếp, do vậy khả năng ủng hộ cho kháng chiến của Nhân dân trên địa bàn còn rất hạn chế. Tuy nhiên, Nhân dân cũng đã có một số đóng góp nhất định cho cách mạng. Phong trào “hũ gạo nuôi quân”, quyên góp tiền, gạo, thuốc men cho bộ đội, lấy cấp máy móc, nguyên liệu chuyển ra vùng căn cứ, xây dựng công binh xưởng, vũ trang phá rối địch phát triển ở khắp các đồn điền, các xóm ấp ở Hồn Quân, Lộc Ninh, Thuận Lợi.

Nhằm ngăn chặn việc công nhân tiếp tế cho kháng chiến, bọn chủ đồn điền đã lập ra nhà ăn công nhân, thực chất là để tránh phát gạo cho công nhân. Công nhân bị bệnh, trước khi chúng cho uống thuốc, phải chịu một trận đòn. Sau khi bị đánh, người bị bầm dập mới được coi là bệnh thật. Chúng bắt người bệnh há miệng rồi tự tay bỏ thuốc cho nuốt. Thủ đoạn này để công nhân dù bệnh nhưng sợ bị đánh mà không dám đến xin thuốc, đồng thời ngăn chặn việc công nhân xin thuốc gửi cho bộ đội.

Mặc dù bị kìm kẹp như vậy nhưng công nhân cao su Hồn Quân, Lộc Ninh vẫn khéo léo tìm cách lừa bọn chủ sở để tiếp tế thuốc men, gạo cho cách mạng. Nhiều chị em giả bệnh để xin thuốc ký ninh. Bị buộc phải uống tại chỗ nhưng các chị ngậm thuốc ra ngoài cho vào khăn đem về phơi khô gửi cho các chiến sĩ Phân đội 3. Ngay ở nhà ăn công nhân, nhiều người đã bớt phần cơm của mình mang về nhà phơi khô, tích trữ lại chờ ngày chuyển vào căn cứ. Đây là những món quà thấm đượm tinh thần yêu thương đùm bọc của Nhân dân đối với lực lượng cách mạng.

Đầu năm 1946, đồng chí Nguyễn Đức Thuận được Xứ ủy Nam Bộ phái đến Thủ Dầu Một công tác. Tháng 3/1946, đồng chí được điều về làm Bí thư Khu ủy miền Đông. Trước khi về trên, đồng chí Nguyễn Đức Thuận chỉ định

---

1. Đại đội 3 có 3 trung đội: trung đội 1 và 2 hoạt động tại địa bàn Bến Cát; Trung đội 3 phụ trách địa bàn Hồn Quân - Lộc Ninh, do đồng chí Lê Đức Anh - Chính trị viên đại đội trực tiếp chỉ huy.



Tỉnh ủy Thủ Dầu Một gồm 7 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Văn Tiết làm Bí thư, đồng chí Văn Công Khai làm Phó Bí thư. Các đồng chí trong Tỉnh ủy lấy bí danh theo 7 chữ: Chánh, Phủ, Cộng, Hòa, Dân, Chủ, Việt. Đồng chí Lê Đức Anh là Tỉnh ủy viên mang bí danh Hòa.

Tỉnh ủy bàn việc phát triển Đảng trong quân đội, chủ trương chọn lựa những cán bộ, chiến sĩ xuất sắc nhất của đơn vị, tuyên truyền giáo dục về Đảng và tiến hành kết nạp từng người một. Trong các chiến sĩ, phải quan tâm bồi dưỡng và kết nạp sớm các chiến sĩ sử dụng súng trung liên. Tỉnh ủy còn quyết định thành lập Đảng ủy trong Chi đội 1, lấy tên là Chi đội ủy, gồm 5 đồng chí do đồng chí Nguyễn Văn Thi làm Bí thư, đồng chí Lê Đức Anh làm ủy viên.

Chấp hành quyết định của trên, đồng chí Lê Đức Anh đưa Trung đội A về xây dựng căn cứ Truong Ba Trường. Căn cứ này là vùng rừng núi thuộc các làng Minh Thạnh, Tân Thành, Tân Khai. Nơi đây dần dần trở thành địa điểm đứng chân của các cơ quan huyện Hớn Quản và lực lượng vũ trang Đại đội 3 phụ trách địa bàn Bến Cát, Hớn Quản, Lộc Ninh. Buổi đầu, căn cứ Truong Ba Trường chỉ là những căn nhà lợp bằng lá mây rừng, xung quanh có đào hào hào để chiến đấu.

Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Lê Đức Anh, Trung đội A đã tìm cách xây dựng cơ sở ở các đồn điền Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch, Lộc Ninh, các xã Tân Quan, Tân Lập Phú, Minh Thạnh và thị trấn Hớn Quản và ở các sóc đồng bào dân tộc thiểu số.

Trong tháng 4/1946, đồng chí Nguyễn Đức Thuận thay mặt Khu ủy Khu 7 chỉ định thành lập Tỉnh ủy Biên Hòa do đồng chí Trần Minh Trí làm Bí thư. Tháng 6/1946, Chi đội 10 - đơn vị vũ trang của tỉnh Biên Hòa được thành lập do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ làm Chi đội trưởng. Lực lượng của Chi đội lúc này lên tới 1.000 người, với trang bị 380 súng trường, chục súng máy, tiểu liên và 1 súng cối. Chi đội 10 được chia làm 3 phân đội A, B, C. Từ đây, quận Bà Rịa tiến hành cuộc kháng chiến dưới sự lãnh đạo trực tiếp, sâu sát hơn của Tỉnh ủy Biên Hòa. Trên cơ sở đó, công tác xây dựng lực lượng tiếp tục được đẩy mạnh.

Chi đội 10 - Biên Hòa phân tán thành từng đơn vị nhỏ xuống đứng chân, hoạt động tại các xóm ấp, dựa vào sự tiếp tế của Nhân dân. Ban Chỉ huy Chi đội 10 đề nghị và được sự đồng ý của Ủy ban Kháng chiến hành chính Biên Hòa đã chuyển các quận quân sự thành các ban công tác liên thôn. Dưới ban công tác liên thôn là ban công tác xã. Đây là cơ quan quân sự địa phương



giúp việc cho Ủy ban kháng chiến hành chính huyện, xã thực hiện nhiệm vụ quân sự trên địa bàn mình do Chi đội 10 thống nhất chỉ huy.

Thực hiện theo chủ trương trên, vào thời điểm này, trên địa bàn từ Bình Mỹ đến Bà Rá có Ban Công tác liên thôn 7 của tỉnh Biên Hòa hoạt động, do đồng chí Đỗ Bồng Long làm Trưởng ban, đồng chí Lý Quới làm Phó ban (sau đó, tổ chức này phát triển thành một phân đội trực thuộc Chi đội 10). Ban Công tác liên thôn 7 tổ chức ban công tác xã trực tiếp hoạt động ở khu vực Đồng Xoài, Thuận Lợi. Với gần 1 trung đội trang bị 19 súng trường, ban công tác thường xuyên đánh quấy rối địch, xây dựng được cơ sở cách mạng ngay tại trung tâm đồn điền Thuận Lợi làm nơi tiếp tế lương thực và cung cấp tin tức cho ta.

Tháng 8/1946, Trung đội A mở trận đánh đầu tiên vào các nơi đóng quân của địch ở Hớn Quản. Mục tiêu tấn công là hàng loạt các địa điểm như dinh quận trưởng, đồn cảnh sát, nhà ga... Ta đã đốt phá được một số địa điểm trên, diệt được 1 tên Việt gian gây nhiều tội ác với Nhân dân và thu được mấy khẩu súng, đạn dược. Trận đánh có tác dụng thôi thúc tinh thần cách mạng, gây dựng niềm tin vào kháng chiến trong Nhân dân vùng cao su và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thắng lợi của trận đánh ở Hớn Quản đã tạo điều kiện xây dựng thêm một số cơ sở cách mạng ở khắp các đồn điền.

Mặc dù thực dân Pháp ra sức thực hiện âm mưu phá vỡ khối đoàn kết Kinh - Thượng bằng thủ đoạn lừa mị, dụ dỗ, mua chuộc nhưng hầu hết đồng bào dân tộc thiểu số vẫn không làm theo giặc. Ở Phú Riềng, Nha Bích, các đội vũ trang tuyên truyền đã xây dựng được nhiều cán bộ người dân tộc thiểu số như bà Điểu Thị Bách người Chơ Ro, bà Lâm Chung người Khmer... Nhờ sự giúp đỡ của đồng bào dân tộc thiểu số, nhiều thanh niên công nhân đã trốn vào rừng nhập vào các đơn vị bộ đội vệ quốc đoàn. Đồng bào còn tham gia phá đường, dựng chướng ngại vật, rào làng và dùng vũ khí thô sơ đánh Pháp rất anh dũng.

Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở ở các “vùng trắng” trong đồn điền, thị trấn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hình thức và phương pháp xây dựng cơ sở lúc này không dừng lại ở mức độ xâu chuỗi như trước mà là xây dựng ở các xã những đoàn thể cách mạng như Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân, Mặt trận Việt Minh; các đồn điền xây dựng nghiệp đoàn, đồng thời tranh thủ nắm cho được các thầy xu, thầy ký tiến bộ. Công tác tuyên truyền kháng chiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số cũng được đẩy mạnh.



Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng ở khắp các địa phương, các đồn điền, giặc Pháp hết sức hoảng sợ. Chúng bèn tiến hành khủng bố, tàn sát dã man, lùng bắt cán bộ hòng dập tắt làn sóng đấu tranh của Nhân dân. Ngày 20/12/1946, tại Chơn Thành, chúng vây ráp, giết hại một số đồng bào. Sau đó, chúng tiếp tục vây ráp từ Hớn Quản xuống, từ Chơn Thành lên, tạo thành gọng kìm xiết chặt các xã Tân Khai và Tân Thành buộc lực lượng Thanh niên cứu quốc của xã phải rút vào rừng để bảo toàn lực lượng. Chúng đánh phá ác liệt căn cứ Truong Ba Trường, phong tỏa nguồn tiếp tế của ta suốt 6 tháng liền. Dù gặp nhiều khó khăn nhưng các lực lượng trong vùng vẫn kiên cường hoạt động. Ta nhiều lần đột nhập vào sở cao su Xa Cam, vào nhà tên Chủ sở Xa Cát tước súng, đột nhập trừng trị tên Tư Trọng ác ôn...

Đến tháng 12/1946, theo chủ trương của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, Ban Cán sự Đảng quận Hớn Quản - tức Quận ủy lâm thời được thành lập, gồm 5 đồng chí. Đồng chí Lê Đức Anh làm Bí thư, đồng chí Trần Quang Sang làm Phó Bí thư. Việc thành lập Quận ủy lâm thời Hớn Quản đánh dấu bước phát triển vượt bậc của phong trào kháng chiến ở vùng này. Quận ủy đề ra nhiệm vụ chỉ đạo chặt chẽ Hội Nông dân, củng cố và phát triển thêm các cơ sở cách mạng, vận động thanh niên vào bộ đội, đồng thời mở “Mặt trận cao su chiến”<sup>1</sup>. “Mặt trận cao su chiến” trở thành khẩu hiệu đấu tranh của công nhân cao su với nội dung: Biến đồn điền cao su thành chiến trường diệt địch.

Về xây dựng tổ chức của công nhân, ngay từ tháng 6/1946, các tổ chức công đoàn đã gây dựng được cơ sở trong hầu hết các đồn điền ở miền Đông Nam Bộ. Tuy tên gọi không thống nhất như: Ủy ban công nhân, Công nhân cứu quốc, Nghiệp đoàn nhưng các tổ chức đều cùng một mục đích là vận động, tổ chức công nhân cao su đấu tranh đòi quyền dân sinh và ủng hộ kháng chiến. Các công đoàn của công nhân cao su Hớn Quản, Lộc Ninh, Thuận Lợi lần lượt ra đời. Các tổ chức của công nhân đến cuối năm 1946 đã thống nhất thành Tổng Công đoàn Nam Bộ, sau đổi tên thành Liên hiệp Nghiệp đoàn Nam Bộ, do Đảng ta lãnh đạo.

\*

\* \*

Kể từ tháng 9/1945 đến tháng 12/1946, trải qua hơn 14 tháng chiến đấu trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ, thiếu thốn trăm bề, Đảng bộ, chính quyền các tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một nói chung và các quận, huyện thuộc

---

1. “Cao su chiến” là hình thức ta ngấm ngầm phá hoại ngành cao su của địch như làm chết cây, phá hoại việc khai thác mủ và các cơ sở sản xuất, chế biến cao su của địch.



tỉnh Bình Phước ngày nay nói riêng, tuy còn rất non yếu nhưng đã không ngừng phấn đấu vươn lên, tích lũy được kinh nghiệm về nhiều mặt. Cơ sở chính trị được xây dựng trên diện rộng, các tổ chức đảng ở các địa phương từng bước được củng cố và trưởng thành.

Đây cũng là quãng thời gian nóng bỏng, căng thẳng nhất, chất chứa nhiều biến cố quan trọng. Vừa thoát khỏi kiếp nô lệ, chưa kịp bắt tay xây dựng cuộc sống mới, quân và dân trên địa bàn Bình Phước đã một lần nữa phải đứng lên chiến đấu chống thực dân Pháp. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của cấp ủy đảng, nông dân, công nhân cao su, đồng bào dân tộc thiểu số hăng hái tham gia cách mạng, phong trào kháng chiến ở địa phương đã tiến bộ và giành được nhiều thắng lợi.

Chỉ mấy tháng sau khi bị Pháp tái chiếm, ta đã tập hợp lực lượng, sớm xây dựng được các đơn vị vũ trang cách mạng, ở Thủ Dầu Một là Chi đội 1, ở Biên Hòa là Chi đội 10. Dựa vào lực lượng vũ trang, ta đã trấn áp, tiêu diệt được nhiều kẻ thù. Đến cuối năm 1946, trên địa bàn tỉnh Bình Phước ngày nay, ta đã xây dựng được 2 căn cứ cách mạng là Thuận Lợi và Truong Ba Trường. Các căn cứ dựa vào nhau, tăng cường thế phòng thủ và là địa bàn xuất phát khi tiến công quân địch. Cũng như căn cứ Chiến khu Đ, các căn cứ Thuận Lợi và Truong Ba Trường đều dựa vào địa hình rừng núi hiểm trở và đặc biệt là tinh thần cách mạng của Nhân dân - hai yếu tố cơ bản để căn cứ tồn tại lâu dài, bảo đảm được yêu cầu tiến có thể đánh, lui có thể giữ.

Tất cả những thành tựu trên là tiền đề cơ bản để phong trào kháng chiến ở địa phương tiến thêm một bước mới trong những năm tiếp theo.

## Chương II

# **TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN TIẾN LÊN MẠNH MẼ (1947-1950)**

### **I. PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, TỪNG BƯỚC LÀM CHỦ CHIẾN TRƯỜNG**

Đầu năm 1947, trong khi chờ viện binh để mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Việt Nam, giặc Pháp phải rút bỏ một số đồn bót, điều một bộ phận ra ứng chiến ở miền Bắc và bộc lộ những sơ hở ở miền Nam. Tuy nhiên, trên chiến trường Nam Bộ, chúng vẫn quyết tâm thực hiện âm mưu thâm độc “dùng người Việt trị người Việt”, “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” hòng dập tắt cuộc kháng chiến của Nhân dân ta.

Thực dân Pháp vạch ra chương trình bình định Nam Bộ trong thời gian từ đầu năm đến mùa thu năm 1947, coi đó là khâu then chốt trong chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của chúng. Về chính trị, chúng dùng thủ đoạn lôi kéo, tập hợp các đảng phái phản động, phe phái tôn giáo, lập mặt trận quốc gia giả hiệu nhằm chia rẽ hàng ngũ kháng chiến. Về quân sự, chúng bố trí lại chiến trường, bỏ bớt đồn bót lẻ, tập trung lực lượng ở xung quanh các đường giao thông, các cơ sở kinh tế và khu dân cư đông. Về kinh tế, chúng duy trì, phát triển các cơ sở kinh tế ở Sài Gòn, củng cố, đẩy mạnh hoạt động khai thác cao su ở miền Đông Nam Bộ và lúa gạo miền Tây Nam Bộ. Khai thác cao su trở thành một trong những chính sách quan trọng trong chương trình bình định Nam Bộ của thực dân Pháp.

Thực hiện chiến lược trên, ở các đồn điền Thuận Lợi, Lộc Ninh, Bù Đốp, Quản Lợi..., thực dân Pháp đều tăng cường lực lượng quân nguy và trang bị thêm vũ khí cho các đồn bót để bọn lính trấn giữ các cửa rừng cao su, các trung tâm đồn điền, hỗ trợ cho tư bản Pháp đẩy mạnh sản xuất. Các công ty cao su ở Pháp cũng tăng cường đầu tư sang Việt Nam để mở rộng sản xuất cao su, xây dựng mới công sở, kho hàng, nhà máy chế biến, trồng mới và mua sắm trang thiết bị sản xuất. Riêng Công ty Michelin (công ty mẹ của các đồn điền cao su



Dầu Tiếng, Thuận Lợi), tiền đầu tư sang Việt Nam trong năm 1947 đã cao gấp hai lần so với năm 1946.

Sau khi được Xứ ủy Nam Bộ quán triệt nội dung cơ bản của Chỉ thị Toàn dân kháng chiến ngày 12/12/1946 của Trung ương Đảng và căn cứ vào tình hình cụ thể ở địa phương, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một đề ra các chủ trương:

- Ra sức tuyên truyền, phát động tinh thần yêu nước, ý chí căm thù quân cướp nước và bán nước trong các tầng lớp nhân dân, động viên mọi người tích cực tham gia, ủng hộ sức người, sức của cho kháng chiến, mở rộng khối đoàn kết toàn dân, phát triển các lực lượng chính trị, vận động thanh niên tòng quân, phát triển mạnh mẽ lực lượng vũ trang ở các cấp.

- Đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, tiêu hao, tiêu diệt địch và bồi dưỡng lực lượng ta; tiến hành thường xuyên việc phá hoại cơ sở kinh tế của địch, nhất là các đồn điền cao su, xây dựng, mở rộng các khu căn cứ kháng chiến, quấy rối địch ở vùng tạm chiếm.

- Xúc tiến công tác kinh tế - tài chính, vận động Nhân dân đi lại, mua bán giữa vùng tạm chiếm và vùng căn cứ, phá thế bao vây kinh tế của địch, tìm mọi cách chuyển vào căn cứ lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm khác.

- Củng cố giao thông liên lạc giữa tỉnh với cấp trên và các cấp dưới, bảo đảm sự chỉ đạo thông suốt, kịp thời.

- Từng bước phát triển phong trào xóa nạn mù chữ, phong trào văn hóa - văn nghệ, tổ chức hoạt động y tế để chữa bệnh cho đồng bào, cán bộ, chiến sĩ.

- Về công tác xây dựng Đảng, tuy chưa tiến hành công khai song cần được quan tâm đặc biệt. Nơi nào có cơ sở quần chúng, có phong trào kháng chiến là phải xây dựng cho được cơ sở đảng để làm nòng cốt và lãnh đạo vững chắc phong trào kháng chiến ở địa phương.

Trong công tác phát triển đảng viên mới, Tỉnh ủy chủ trương: ủy viên các cấp có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục, giới thiệu quần chúng tích cực để kết nạp Đảng. Các tỉnh ủy viên, huyện ủy viên được phân công đi công tác ở các xã phải có nhiệm vụ củng cố tổ chức cơ sở đảng và phát triển Đảng ở xã đó. Người thay mặt Đảng đứng ra kết nạp đảng viên mới nhất thiết phải là ủy viên cấp tỉnh, huyện.

Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chỉ đạo việc kết nạp đảng viên mới cần chú trọng các đơn vị bộ đội, các ngành, đoàn thể ở xã; đặc biệt chú ý đến thành phần công - nông song không hẹp hòi với những cán bộ thuộc thành phần tiểu tư sản, miễn



là số cán bộ này thể hiện lập trường tư tưởng vững vàng, tư cách, phẩm chất đạo đức tốt, được quần chúng thương yêu, tín nhiệm.

Với chủ trương về xây dựng Đảng đúng đắn, phù hợp với tình hình của Tỉnh ủy, trong năm 1947, các địa phương đã kết nạp được nhiều đảng viên mới.

Ở huyện Hớn Quản, đầu năm 1947 đã kết nạp được 3 đảng viên là cán bộ chủ chốt: đồng chí Tám Ngân - Trưởng Công an huyện, đồng chí Đoàn Văn Mỹ - Phó Công an huyện, đồng chí Trần Văn Canh (Mười Canh) - Chính trị viên Phân đội 3. Đến giữa năm 1947, Hội nghị Đảng bộ Chi đội 1 họp tại sở cao su Bác Vật (xã Tân Long), bàn về vấn đề tổ chức lực lượng vũ trang và xây dựng Đảng ở Chi đội 1 và các đại đội. Những chiến sĩ tham gia hội nghị này được học bồi dưỡng về Đảng. Đến cuối năm 1947, Chi đội 1 đã kết nạp được hàng chục đảng viên.

Riêng các xã thuộc huyện Hớn Quản, ngay từ đầu năm 1947 đã phát triển được đảng viên, về sau hình thành được chi bộ như ở các xã Tân Khai, Tân Thành, Minh Thạnh, Tân Lập Phú. Các đồn điền Xa Cát, Quản Lợi cũng phát triển được hai đảng viên là công nhân cao su.

Về công tác tư tưởng, từ tháng 6/1947, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một phát hành "Bản tin nhận định thời cuộc" để tổng hợp tin tức trong tỉnh, trong nước và trên thế giới, giáo dục về vai trò, vị trí của chi bộ và nhiệm vụ của đảng viên. Cùng thời gian này, Công đoàn Nam Bộ cũng phát hành tờ báo *Cảm tử*, bí mật gửi đến các đồn điền cao su để tuyên truyền, động viên, giáo dục các cơ sở cách mạng ngay trong lòng địch.

Nhờ những tài liệu này, niềm tin vào sức mạnh của công cuộc kháng chiến trong cán bộ, chiến sĩ được nâng lên một bước. Nhiều đảng viên mới được kết nạp, tuy hiểu biết về Đảng, về công tác Đảng còn chưa sâu sắc nhưng tất cả đều phấn khởi khi được đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Giữa năm 1947, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Biên Hòa cử đội công tác lên vùng Bà Rá để tổ chức, xây dựng cơ sở cách mạng trong đồng bào dân tộc thiểu số. Đội công tác có 3 người: Đồng chí Ngô Văn Long, đồng chí Lê Đình Ngũ và đồng chí Thái làm liên lạc. Đồng chí Ngô Văn Long đã tuyên truyền, thuyết phục, cảm hóa được một số người, vận động họ đi theo cách mạng. Cuối năm 1947, từ những cơ sở cách mạng do Đội Công tác Biên Hòa gây dựng lên, Ủy ban kháng chiến hành chính vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Bà Rá được thành lập. Ta tiếp tục vận động được một số cai tổng như Thạch Tam, Tổng Nhiêu, xây dựng thêm hàng chục cơ sở cách mạng ở vùng này.



Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng, Đội Công tác đề nghị Tỉnh ủy Biên Hòa cho thành lập Quận ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính quận. Cuối năm 1947, được sự đồng ý của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, tỉnh Biên Hòa thành lập huyện Sông Bé (Bà Rá cũ) giáp với Chiến khu Đ, bao gồm Đồng Xoài, Bù Đăng, Phước Long và một phần Lộc Ninh, Bù Đốp ngày nay. Huyện ủy đầu tiên của vùng Bà Rá lấy tên là Huyện ủy Sông Bé được thành lập do đồng chí Ngô Văn Long làm Bí thư. Ủy ban Kháng chiến hành chính huyện cũng ra đời, do đồng chí Bí thư Huyện ủy kiêm Chủ tịch huyện, 2 phó chủ tịch là người dân tộc thiểu số.

Sau khi ổn định tổ chức, Huyện ủy Sông Bé cử nhiều cán bộ đi xây dựng phong trào du kích trong các buôn, sóc và đồn điền cao su. Nhờ vậy, lực lượng tự vệ buôn, sóc được thành lập và tổ chức thành từng tiểu đội với trang bị là vũ khí tự tạo như cung tên, nỏ ná, hầm chông, chà gạc để bảo vệ xóm làng. Mỗi sóc đều có hàng rào chiến đấu góp phần cản bước địch trong các trận càn quét, giúp cán bộ của ta ở trong sóc có thời giờ thoát ra rừng lẩn tránh. Tại đồn điền cao su Phước Hòa, ta xây dựng được 1 đội du kích với trang bị 3 súng và một số lựu đạn. Đội du kích này đã tổ chức được nhiều tổ, phá hoại được hàng chục héc-ta cao su, gây thiệt hại đáng kể cho bọn chủ tư bản Pháp.

Với sự chỉ đạo linh hoạt, khéo léo trong công tác xây dựng Đảng, lấy lực lượng cơ sở đảng lãnh đạo quần chúng, phong trào kháng chiến chống Pháp ở các địa phương thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay đã phát triển sôi nổi. Nhiều xã đã có cơ sở đảng. Ở cấp huyện, đảng viên ở các cơ quan được sinh hoạt trong chi bộ ghép. Nghiệp đoàn ở các đồn điền cao su tổ chức các cuộc đấu tranh, lãn công, biểu tình đòi quyền dân sinh, dân chủ, các đợt phá hoại cao su cũng diễn ra sôi nổi, rộng khắp. Công nhân tìm mọi cách để chặt cây, đổ mủ nước, vứt bỏ mủ bèo, mủ dăm, đập chén đựng mủ, đốt mủ thành phẩm, đốt nhà kho, xưởng chế biến. Trong năm 1947, công nhân cao su các đồn điền Hớn Quản, Minh Thạnh, Xa Cam, Xa Cát, Thuận Lợi đã chặt và vạc vỏ hơn 1 ngàn héc-ta cao su, phá hủy hàng trăm ngàn chén đựng mủ, hàng chục kho lương thực, kho chứa mủ. Riêng ở đồn điền Hớn Quản, công nhân đã phá hủy 450 tấn mủ, gây thiệt hại nặng nề về kinh tế cho địch<sup>1</sup>.

Các hoạt động quân sự đánh địch cũng được tăng cường. Tháng 4/1947, lực lượng bộ đội Hớn Quản được bộ đội Bến Cát tăng cường (khoảng 150 người), do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy đã đánh vào trung tâm các đồn điền Xa Trạch,

---

1. *Sinh hoạt và thành tích công nhân Nam Bộ*, tài liệu lưu tại Công đoàn Cao su Việt Nam, cập tài liệu năm 1947.



Xa Cát<sup>1</sup>, Xa Cam, làng Sóc Gòn (Quản Lợi) nơi có đồn Pháp đóng giữ, phá được nhiều kho tàng, nhà máy chế biến mủ, thu lương thực, thực phẩm. Dù bị tấn công nhưng địch ở Hớn Quản không dám tiếp viện. Sau đó, ta rút quân.

Cùng với tiếng súng đánh Pháp ở Hớn Quản, bộ đội chủ lực miền Đông đánh một số trận trên Đường 14 - Đồng Xoài và thắng giòn giã, có tác dụng lớn đối với phong trào kháng chiến ở địa phương. Tiêu biểu là trận đánh ngày 19/12/1947, Chi đội 1 và Chi đội 10 phối hợp tổ chức đánh một đoàn xe của địch ở Đồng Xoài. Ta đã thiêu hủy 1 xe chở xăng, 9 xe GMC chở lính; diệt 60 tên, bắt sống nhiều tù binh, trong đó có 11 lái xe; thu 2 khẩu trung liên, 10 tiểu liên và súng trường, 1 máy vô tuyến điện. Thắng lợi của trận đánh đã chứng tỏ bộ đội địa phương có bước tiến bộ cơ bản về trình độ chiến thuật, kỹ thuật, tổ chức chỉ huy và kỷ luật chiến trường, đủ sức đánh tiêu diệt những đoàn xe ô tô lớn của địch.

Những chuyển biến mới trong công tác xây dựng Đảng và một số thắng lợi về quân sự đã tạo ra bước phát triển tốt trong công cuộc kháng chiến năm 1947. Các nhóm vũ trang tuyên truyền đã vận động, tổ chức được đồng bào ủng hộ muối, gạo cùng với lương thực, thực phẩm thu được qua các trận đánh nên bộ đội đã ăn đủ no, có thêm chút ít lương thực dự trữ. Cuối năm 1947 đầu năm 1948, Chi đội 1 bắt đầu tổ chức cơ sở sản xuất tự túc có quy mô lớn phục vụ hậu cần cho đơn vị, sau giao lại cho Đại đội 3 quản lý. Riêng Đại đội 3 đã tổ chức được một cơ sở sản xuất cá mắm tại Xa Cát phục vụ hậu cần cho bộ đội. Cơ sở sản xuất này còn giúp cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Xà Náp, Tà Bái một số dụng cụ và phương pháp làm rẫy để có thu hoạch cao hơn.

Bên cạnh công tác xây dựng Đảng, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một còn dành sự quan tâm đặc biệt đến công tác quần chúng. Tỉnh ủy chỉ thị cho các huyện ủy gấp rút khôi phục các đoàn thể cứu quốc như Nông dân, Thanh niên, Phụ nữ; đồng thời điều động một số cán bộ trong Tỉnh bộ Việt Minh về làm công tác xây dựng các đoàn thể. Tỉnh thành lập Phòng Dân tộc thiểu số và đồng chí Trần Quang Sang được giao trách nhiệm vận động, tổ chức đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng Hớn Quản, Lộc Ninh. Giữa năm 1947, Tỉnh bộ Việt Minh cử hai chị Lưu Mai Lan và Bình Minh về công tác ở Hớn Quản. Sau đó, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một cử tiếp chị Duyên, chị Hạnh, chị Hương (vợ đồng chí Cao Thành Sâm), chị Năm (vợ đồng chí Trần Quang Sang) về công tác ở Hớn Quản. Các chị đã tích cực tuyên truyền vận động, xây dựng được một số cơ sở phụ nữ ở đồn điền Xa Cát và một số sóc của đồng bào dân tộc thiểu số vùng Nha Bích,

---

1. Đồn điền Xa Cát là nơi bị thiệt hại nặng nhất.



Tà Bái, Xà Nạp, Sóc Ứng, đặc biệt là củng cố, xây dựng tổ chức Hội Phụ nữ ở các xã người Kinh.

Trong năm 1947, ta đã đạt nhiều tiến bộ trong công tác xây dựng cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đầu năm 1948, Hồn Quản thành lập được 2 đội công tác vũ trang tuyên truyền ở phía đông và phía tây Đường 13. Nhiệm vụ chung của các đội công tác là tuyên truyền, phát động đồng bào xây dựng cơ sở, nắm tình hình phục vụ chiến đấu theo kiểu “vết dầu loang”, xây dựng xong cơ sở ở nơi này lại tiếp tục đi nơi khác. Đội công tác phía đông Đường 13 đã tiếp xúc được với bà con người Khmer ở Nha Bích, Xa Trạch, Quản Lợi. Nhờ đồng bào và cơ sở cách mạng giúp đỡ, ta phát triển lên phía bắc rồi mở đường liên hệ sang vùng Tà Bái, hướng lên Bù Nho, Bù Đinh, Đông Nam Lộc Ninh. Đội công tác phía tây Đường 13 đã tuyên truyền trong các sóc Phú Lố, Bình Phú ven đồn điền Xa Cam, các sóc phía tây thị trấn Hồn Quản.

Ở Thuận Lợi, Đồng Xoài, phong trào tiết kiệm gạo nuôi quân được đồng bào nhiệt tình hưởng ứng. Trung bình mỗi gia đình tiết kiệm được 2kg gạo/tháng. Có những gia đình nghèo nhưng hết lòng vì cách mạng như gia đình má Điều Khế, chị Nguyễn Thị Xiêm..., mỗi tháng tiết kiệm được 3kg gạo.

Với sự chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, công tác xây dựng Đảng, đoàn thể đã phát huy tốt tác dụng, góp phần tuyên truyền, động viên mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc trực tiếp tham gia kháng chiến hoặc ủng hộ kháng chiến với hình thức và mức độ thích hợp. Cuộc kháng chiến mang tính toàn dân ngay từ những ngày đầu, lúc này càng tỏ rõ tính chất ấy ở một mức độ cao hơn và toàn diện, rộng lớn hơn.

Trên cơ sở khối đoàn kết toàn dân được củng cố và phát triển, bộ máy chính quyền các cấp cũng được tăng cường, phát triển khá nhanh. Trong năm 1947, tỉnh lần lượt thành lập các cơ quan như Ty Giáo dục, Ty Y tế, Ty Giao thông liên lạc, Chi Văn hóa kháng chiến.

Phong trào dân quân của tỉnh Thủ Dầu Một đã phát triển nhanh chóng, tạo thành phong trào quần chúng sôi nổi. Lực lượng dân quân ở cơ sở gồm dân quân tự vệ và dân quân du kích, bước đầu hình thành mạng lưới chiến tranh nhân dân rộng khắp. Dân quân được trang bị súng, lựu đạn, mã tấu và thường xuyên luyện tập. Do được tổ chức và huấn luyện chu đáo, đến cuối năm 1947, các địa phương đã xây dựng được nhiều đội dân quân mạnh. Ở khu vực tỉnh Bình Phước ngày nay, trong năm 1947, nổi bật nhất trong phong trào dân quân là đội dân quân du kích các xã Tân Khai và Tân Thành.



Với hai tiểu đội được trang bị 3 khẩu súng và một số mìn, lưu đạn, du kích Tân Khai và Tân Thành kết hợp với Đại đội 3 đã tổ chức đánh địch và thắng nhiều trận giòn giã. Tháng 7/1947, đoàn xe của Pháp gồm 10 chiếc đi qua các xã Tân Khai và Tân Thành đã bị du kích bất ngờ tấn công, tiêu diệt 3 xe và 30 tên địch. Ngoài ra, du kích Tân Khai còn kết hợp với lực lượng quốc vệ đội phá cầu, phá đường, đánh đoàn xe địch trên 60 chiếc tại cầu Bà Và, bắt được 3 tên lính Pháp.

Từ tháng 11/1947, Phòng Dân quân Nam Bộ được thành lập do đồng chí Lê Duẩn làm Trưởng phòng. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ chỉ thị cho các tỉnh thành lập ngay tỉnh đội bộ dân quân. Đồng chí Nguyễn Văn Tiết - Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một được đề cử đảm nhiệm chức vụ Ủy viên dân quân Ủy ban kháng chiến hành chính kiêm Tỉnh đội trưởng dân quân. Các huyện, xã đều lập huyện đội, xã đội bộ dân quân.

Lực lượng vũ trang trên địa bàn Bình Phước lúc bấy giờ, ngoài Chi đội 1, Chi đội 10, còn có lực lượng công an xung phong và quốc vệ đội. Các lực lượng trên cùng bộ đội địa phương huyện và du kích xã đã kết hợp đánh quấy rối, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, thu nhiều vũ khí để trang bị cho ta. Các lực lượng gần bó máu thịt với Nhân dân, được đồng bào thương yêu giúp đỡ, chia sẻ từng miếng cơm, manh áo trong những lúc gian khổ nhất. Đảng, chính quyền, quân và dân đoàn kết, thống nhất là nguồn sức mạnh của chiến tranh nhân dân, không một thế lực thù địch nào, với loại vũ khí hiện đại nào có thể chiến thắng được.

Sau thất bại trong chiến dịch Việt Bắc, từ năm 1948, thực dân Pháp bắt đầu chuyển hướng chiến lược chiến tranh. Chúng điều quân từ miền Bắc vào bình định chiến trường miền Nam; dành một bộ phận lớn quân đội đóng thêm đồn bót, cứ điểm, chi khu quân sự ở các đồn điền và các đường giao thông chạy qua vùng cao su, xây dựng các đơn vị ứng chiến cơ động, sẵn sàng càn quét, đánh phá vào vùng căn cứ, vùng đứng chân của các nhóm công tác vũ trang, ngăn chặn hoạt động của ta ở các đồn điền.

Đến giữa năm 1948, số lính Pháp và lính đánh thuê ở các đồn điền cao su đã tăng lên 1,5 lần so với đầu năm 1947. Riêng đồn điền Quản Lợi có 5 bót với 200 tên.

Tháng 01/1948, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng. Hội nghị nhận định: Tương quan lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi; các khả năng kháng chiến của ta đã và sẽ ngày càng tăng lên. Hội nghị đề ra những phương hướng và biện pháp lớn để đẩy mạnh cuộc kháng chiến trong giai đoạn mới.



Ngày 27/3/1948, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị phát động phong trào thi đua ái quốc nhằm động viên toàn dân, toàn quân nâng cao nhiệt tình cách mạng và trí sáng tạo, ra sức thi đua kháng chiến, kiến quốc.

Cũng trong tháng 3/1948, Hội nghị toàn Quân khu 7 đề ra nghị quyết xây dựng cho được 10 trung đoàn và 1 tiểu đoàn chủ lực. Theo đó, Chi đội 1 của tỉnh Thủ Dầu Một trở thành Trung đoàn 301, Chi đội 10 của tỉnh Biên Hòa trở thành Trung đoàn 310 theo biên chế thống nhất của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trung đoàn 301 tổ chức thành 3 tiểu đoàn: Tiểu đoàn 901 ở Lái Thiêu; Tiểu đoàn 902 ở Châu Thành; Tiểu đoàn 903 phụ trách Bến Cát, Hớn Quản, Lộc Ninh. Trung đoàn bộ có cơ quan tham mưu, chính trị, quân nhu, quân y, công binh xưởng. Ban Chỉ huy Trung đoàn gồm: Đồng chí Nguyễn Văn Thi làm Trung đoàn trưởng, đồng chí Đoàn Hữu Hòa và đồng chí Nguyễn Văn Ngọ làm Trung đoàn phó, đồng chí Lê Đức Anh phụ trách lực lượng vũ trang Hớn Quản được điều về làm Chính trị viên Trung đoàn 301.

Tiểu đoàn 903 có 3 đại đội (2707, 2708, 2709), trong đó Đại đội 2709 do đồng chí Trần Quang Sang - Tiểu đoàn phó 903 kiêm Đại đội trưởng, đồng chí Trần Văn Canh làm Chính trị viên đại đội kiêm Huyện đội trưởng Hớn Quản. Đại đội này bám chiến trường Hớn Quản, Lộc Ninh; tuy không đủ quân số nhưng vẫn phân tán lực lượng thành nhiều tổ, đội vũ trang bám vùng đồn điền và đồng bào dân tộc thiểu số để xây dựng, mở rộng cơ sở.

Việc thành lập Trung đoàn 301 của tỉnh Thủ Dầu Một là bước trưởng thành vượt bậc của lực lượng vũ trang tập trung: Mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, chỉ huy và kinh nghiệm chiến đấu. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, quân và dân trong tỉnh, trong đó có quân và dân các quận phía bắc tỉnh (thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay) đã thu được nhiều kết quả bước đầu trong hoạt động quân sự.

Đầu năm 1948, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một thành lập Phòng Quốc dân thiểu số do đồng chí Trần Quang Sang làm Trưởng phòng. Phòng Quốc dân thiểu số có nhiệm vụ đi sâu vào các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, công nhân cao su, thành lập các mũi xung kích để vận động Nhân dân, xây dựng cơ sở cách mạng. Cùng thời gian này, Phòng Quốc dân thiểu số của tỉnh Biên Hòa cũng được thành lập, hoạt động trên địa bàn huyện Sông Bé. Các hoạt động tuyên truyền kháng chiến được đẩy mạnh ở mọi nơi. Phổ biến nhất là hình thức tuyên truyền miệng trong từng nhóm gia đình. Với phương thức vận động



linh hoạt này của ta, đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng nhận rõ hơn bộ mặt kẻ thù và tham gia kháng chiến chống Pháp mạnh mẽ hơn.

Ban Công tác liên thôn 7 thành lập từ năm 1946 của tỉnh Biên Hòa liên tục bám trụ và hoạt động mạnh ở Thuận Lợi. Ban công tác đã chú trọng xây dựng cơ sở cách mạng trong công nhân cao su. Anh bếp Du và anh Vũ Khiêm là 2 cơ sở mật của ta ở ngay trung tâm đồn điền. Anh bếp Du là người nấu ăn cho tên chủ sở. Do được chủ sở tin cậy nên anh đã nắm được thông tin và kịp thời báo cho ta biết tình hình và âm mưu của địch. Anh Vũ Khiêm lúc đó là giám thị nhưng có cảm tình với công nhân. Các cơ sở này có nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu của ta, đồng thời tổ chức tiếp tế, đấu tranh vũ trang trong đồn điền. Dần dần, ta đã xây dựng được cơ sở ở khắp ba làng của đồn điền Thuận Lợi. Trong những năm 1947-1948, tên Sale - chủ đồn điền Thuận Lợi vẫn bí mật đóng thuế cho cách mạng. Khoản thu này đều được anh bếp Du và anh Vũ Khiêm nhận chuyển cho ta. Hai cơ sở mật này trở thành căn cứ điểm của cán bộ, đội viên Ban Công tác liên thôn 7. Giữa năm 1948, Ban Công tác liên thôn 7 phát triển thành Phân đội 10 huyện Sông Bé, trực thuộc Trung đoàn 310 của tỉnh Biên Hòa. Các hoạt động vũ trang tiêu biểu trong thời gian này là trận tiêu diệt tên phó chủ sở gian ác thường trực đánh đập công nhân. Trong lần hấn đi xe đến sân bay Thuận Lợi nhận tiếp tế, lực lượng Phân đội 10 kết hợp với công nhân giết chết hấn ngay trên đường về. Hàng loạt những tên xu, cai ác ôn làm tay sai cho chủ sở đều bị ta cảnh cáo, giáo dục.

Các hoạt động vũ trang ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số cũng được đẩy mạnh, điển hình là trận bao vây đồn Bù Có của đồng bào dân tộc thiểu số ấp 8, với lực lượng gần 200 người, do các ông Xơn, Tư, Long lãnh đạo, đã chiếm được kho súng của đồn.

Cuối năm 1948, ở đồn điền Quản Lợi, nhờ cơ sở là đồng bào dân tộc thiểu số sóc Xiêm và nội ứng ở đồn điền cung cấp tin tức, Đại đội 2709 đã bố trí phục kích trên đường Quản Lợi đi Trà Thanh, bắt sống tên chủ Gácsa (Gachard), giết chết 3 tên lính hộ tống. Dân quân du kích các xã An Long, An Linh kết hợp với bộ đội đánh đoàn xe quân sự của Pháp trên Đường 13, diệt nhiều xe chở quân trang, quân dụng của địch. Nổi tiếng nhất là trận đánh ở nhà máy chế biến mủ cao su Quản Lợi. Sau khi nghiên cứu chi tiết 5 máy đèn (máy phát điện) của nhà máy, ta đã sản xuất loại mìn đặc dụng đánh tan 4 máy đèn và 5 bồn xăng dầu hàng triệu lít, gây nên vụ cháy lớn trong xưởng cơ khí, gara xe, xưởng chế biến mủ, văn phòng, nhà kho... Bọn chủ sở phải cho ngừng sản xuất gần 3 tháng.



Đại đội 2709 ở Hớn Quản và Phân đội 10 huyện Sông Bé thường tổ chức đánh nhỏ lẻ trên các đường 13, 14. Lực lượng vũ trang của ta thường bố trí mỗi tổ 3 người, phân chia hoạt động trên từng đoạn đường để tấn công địch.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, giặc Pháp đã tăng cường đối phó. Sau khi bổ sung thêm lực lượng, từ mùa khô năm 1948, chúng liên tiếp tổ chức nhiều cuộc càn quét vào các khu căn cứ, khu tập trung đồng dân cư.

Sau khi phát hiện ra căn cứ Truong Ba Trường là nơi đóng quân của Đại đội 2709 thuộc Tiểu đoàn 903, thực dân Pháp càn quét quyết liệt, cho xe ủi khu rừng này ra thành từng khu vực nhỏ, làm đường Xa Cát - Dầu Tiếng, âm mưu đánh bật lực lượng của ta bám trụ tại đây.

Trên tuyến đường 14 đoạn ở Nha Bích, địch tổ chức lực lượng Commăngđô (biệt kích) chuyên đi lùng sục. Ý đồ của chúng là đánh phá liên tục vùng căn cứ để ép đồng bào vào đồn điền cho chúng dễ kiểm soát. Đối với đồng bào dân tộc thiểu số, chúng dồn bà con vào các sóc nằm xung quanh đồn điền ven thị trấn Hớn Quản. Đồng thời, chúng cho lính đi theo canh gác công nhân làm ngoài lô cao su để ngăn chặn họ tiếp tế lương thực, thực phẩm cho cách mạng. Các cuộc càn quét, phá hoại của địch làm thiệt hại hàng chục héc-ta ruộng của đồng bào và của các cơ quan huyện Hớn Quản.

Sự tăng cường càn quét, đánh phá của địch đã gây cho ta nhiều tổn thất. Nhân dân bị thiệt hại nhiều về người và tài sản. Bộ đội hy sinh khá nhiều. Ở Thuận Lợi, tên chủ đồn điền Sale bị vu là “Pháp gian” nên bị triệu về Pháp, ta bị mất nguồn thuế mà tên này hàng năm vẫn đóng. Một số cơ sở mật ở đồn điền bị vỡ, anh bếp Du bị địch sát hại.

Trước tình hình đó, tháng 11/1948, Hội nghị Đảng bộ tỉnh Thủ Dầu Một đã họp dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Hoàng Như Khương - Bí thư Khu ủy miền Đông. Tham dự hội nghị, ngoài các đồng chí tỉnh ủy viên, mỗi huyện cử 3 đồng chí đại diện. Ở Hớn Quản có đồng chí Trần Quang Sang - Bí thư Huyện ủy về dự hội nghị. Hội nghị kiểm điểm tình hình từ đầu thời kỳ kháng chiến và đề ra nhiệm vụ công tác năm 1949, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh mới. Đồng chí Vũ Duy Hanh được bầu lại làm Bí thư và đồng chí Nguyễn Oanh được bầu lại làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Lê Đức Anh được bầu làm Tỉnh ủy viên.

Cuối năm 1948, sau khi nghiên cứu, ta tổ chức diệt đồn Bù Đốp. Được các cơ sở mật cung cấp tin tức, Đại đội 2709 cùng với công an xung phong và 2 đại đội của Tiểu đoàn 903 do đồng chí Nguyễn Văn Cẩm chỉ huy, đã nhanh chóng đánh vào 2 trại lính và dinh quận trưởng Bù Đốp. Bị đánh bất ngờ, hầu hết



người dân tộc thiểu số đi lính cho Pháp bị thương hoặc tháo chạy. Ta thu được 60 súng và phá nhà tù, giải thoát cho hàng chục đồng bào, chiến sĩ bị chúng giam giữ. Trận đánh giành thắng lợi rực rỡ nhờ sự giúp đỡ tích cực của đồng bào Xtiêng và Khmer. Nhiều người được giải thoát đã xin gia nhập bộ đội.

Cùng thời gian này, Phân đội 10 huyện Sông Bé tiến công đồn giặc ở làng 3, Thuận Lợi làm cho quân Pháp và bọn chủ sở khắp vùng từ Thuận Lợi đến Phước Vĩnh hoảng sợ.

Để có lực lượng địa phương làm nòng cốt cho chiến tranh du kích và có bộ đội tập trung đủ mạnh, Quân khu 7 đã tổ chức các đơn vị thành các liên trung đoàn. Trung đoàn 301 và Trung đoàn 310 được tổ chức thành Liên trung đoàn 301 - 310, do đồng chí Nguyễn Văn Thi làm Liên trung đoàn trưởng, đồng chí Nguyễn Quang Việt công tác ở miền Tây Nam Bộ được Xứ ủy điều về làm Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một kiêm Chính trị viên Liên trung đoàn 301 - 310. Liên Trung đoàn này hoạt động trên hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một. Các tiểu đoàn khác phân tán làm nhiệm vụ của các đại đội độc lập hoạt động ở các huyện. Đến thời điểm này, lực lượng vũ trang của tỉnh đã hình thành rõ rệt. Tỉnh có tiểu đoàn chủ lực cơ động, huyện có đại đội độc lập và du kích tập trung, xã có du kích và tổ chức dân quân rộng rãi.

Năm 1949, công tác xây dựng Đảng được quan tâm đẩy mạnh cả về số lượng và chất lượng. Ở tỉnh, các cơ quan quân sự, công an, chính quyền, đoàn thể đều có chi bộ riêng. Tất cả các chi bộ này đều chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy. Ở huyện, các đơn vị bộ đội thành lập chi bộ riêng, còn chính quyền, khối dân vận và huyện đội sinh hoạt chung trong một chi bộ. Một số xã thuộc Hớn Quản có chi bộ đảng từ cuối năm 1947 nay lớn mạnh hơn, đã kết nạp thêm nhiều đảng viên mới. Các đảng viên thực sự là những người nòng cốt, tích cực, được Nhân dân địa phương yêu mến, tín nhiệm.

Trong những năm 1948-1949, dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, công nhân các đồn điền cao su đẩy mạnh hoạt động phá hoại sản xuất cao su của tư bản Pháp. Trước tháng 4/1948, phong trào phá hoại cao su ở các đồn điền còn thiếu sự phối hợp chặt chẽ với lực lượng kháng chiến ở địa phương, công nhân chưa được trang bị vũ khí để tự vệ và khi cần thiết có thể tác chiến tiêu diệt địch. Đến tháng 5/1948, Hội nghị công nhân toàn Nam Bộ được triệu tập. Hội nghị chủ trương tăng cường cán bộ có năng lực từ tổ chức công đoàn tỉnh về các liên đoàn cao su, trang bị vũ khí cho công nhân, xây dựng các đội dân quân cao su chuyên trách nhiệm vụ phá hoại. Từ mùa thu năm 1949, các liên trung đoàn trên địa bàn miền Đông Nam Bộ đều thành lập một đại đội chuyên trách phá hoại cao su và hỗ trợ cho phong trào công nhân tại các đồn điền.